PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thông tư số 14/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 3 năm 2014 ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Thanh Hóa

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH THANH HÓA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(Tiếp theo Công báo số 425 + 426)

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khu 1	DC	TT. Quan Hóa	H. Quan Hóa	20° 22' 13"	105° 05' 53"					F-48-91-A-a
khu 2	DC	TT. Quan Hóa	H. Quan Hóa	20° 23' 05"	105° 06' 02"					F-48-91-A-a
khu 3	DC	TT. Quan Hóa	H. Quan Hóa	20° 23' 01"	105° 06' 08"					F-48-91-A-a
khu 4	DC	TT. Quan Hóa	H. Quan Hóa	20° 22' 51"	105° 06' 22"					F-48-91-A-a
khu 5	DC	TT. Quan Hóa	H. Quan Hóa	20° 22' 35"	105° 06' 52"					F-48-91-A-a
khu 6	DC	TT. Quan Hóa	H. Quan Hóa	20° 22' 14"	105° 07' 12"					F-48-91-A-c
khu 7	DC	TT. Quan Hóa	H. Quan Hóa	20° 22' 22"	105° 07' 12"					F-48-91-A-c
quốc lộ 15A	KX	TT. Quan Hóa	H. Quan Hóa			20° 33' 37"	105° 01' 17"	20° 05' 33"	105° 22' 16"	F-48-91-A-a, F-48-91-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Sông Mã	TV	TT. Quan Hóa	H. Quan Hóa			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-A-a, F-48-91-A-c, F-48-91-A-d
cầu Na Sài	KX	TT. Quan Hóa	H. Quan Hóa	20° 22' 19"	105° 07' 26"					F-48-91-A-c
Pha Tam	SV	TT. Quan Hóa	H. Quan Hóa	20° 23' 12"	105° 07' 24"					F-48-91-A-a
đường tỉnh 520	KX	xã Hiền Chung	H. Quan Hóa			20° 23' 42"	105° 05' 13"	20° 31' 59"	104° 29' 09"	F-48-90-B
Suối Báng	TV	xã Hiền Chung	H. Quan Hóa			20° 26' 23"	104° 53' 17"	20° 26' 41"	104° 52' 37"	F-48-90-B
Suối Báu	TV	xã Hiền Chung	H. Quan Hóa			20° 24' 50"	104° 50' 02"	20° 25' 39"	104° 50' 38"	F-48-90-B
Bản Bó	DC	xã Hiền Chung	H. Quan Hóa	20° 25' 19"	104° 52' 04"					F-48-90-B
Bản Chại	DC	xã Hiền Chung	H. Quan Hóa	20° 24' 48"	104° 52' 38"					F-48-90-B
núi Chéo Phe	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hóa	20° 28' 46"	104° 50' 26"					F-48-90-B
Núi Chiềng	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hóa	20° 26' 22"	104° 49' 11"					F-48-90-B
Pu Côn	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hóa	20° 27' 14"	104° 48' 57"					F-48-90-B
Pu Đen	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hóa	20° 28' 39"	104° 49' 24"					F-48-90-B
Pu È	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hóa	20° 29' 17"	104° 51' 14"					F-48-90-B
Bản Hai	DC	xã Hiền Chung	H. Quan Hóa	20° 25' 29"	104° 51' 20"					F-48-90-B
Bản Hán	DC	xã Hiền Chung	H. Quan Hóa	20° 25' 36"	104° 51' 42"					F-48-90-B
pu Hu Luông	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hóa	20° 29' 53"	104° 52' 08"					F-48-90-B
pu Hu Nọi	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hóa	20° 29' 38"	104° 52' 58"					F-48-90-B
Póm Khẹn	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hóa	20° 27' 15"	104° 50' 26"					F-48-90-B
Suối Khiết	TV	xã Hiền Chung	H. Quan Hóa			20° 24' 30"	104° 43' 03"	20° 22' 18"	104° 55' 38"	F-48-90-B
Pom Khoai	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hóa	20° 24' 21"	104° 50' 16"					F-48-90-B
Pom Khỏe	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hóa	20° 26' 30"	104° 53' 49"					F-48-90-B
Bản Lóp	DC	xã Hiền Chung	H. Quan Hóa	20° 25' 33"	104° 50' 51"					F-48-90-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Pu Mó	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hóa	20° 24' 17"	104° 51' 03"					F-48-90-B
Pu Ôi	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hóa	20° 23' 24"	104° 48' 24"					F-48-90-B
Suối Ón	TV	xã Hiền Chung	H. Quan Hóa			20° 25' 28"	104° 49' 01"	20° 26' 03"	104° 49' 44"	F-48-90-B
pom Pa Loòng	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hóa	20° 24' 22"	104° 51' 55"					F-48-90-B
pom Pha Khao	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hóa	20° 24' 58"	104° 54' 03"					F-48-90-B
Bản Pheo	DC	xã Hiền Chung	H. Quan Hóa	20° 25' 57"	104° 51' 56"					F-48-90-B
Suối Pheo	TV	xã Hiền Chung	H. Quan Hóa			20° 27' 19"	104° 51' 50"	20° 25' 26"	104° 52' 02"	F-48-90-B
pom Sam Mường	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hóa	20° 27' 48"	104° 53' 29"					F-48-90-B
Suối Tâm	TV	xã Hiền Chung	H. Quan Hóa			20° 28' 55"	104° 52' 34"	20° 27' 19"	104° 51' 50"	F-48-90-B
kéo Thắm Pu	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hóa	20° 24' 37"	104° 47' 55"					F-48-90-B
Bản Yên	DC	xã Hiền Chung	H. Quan Hóa	20° 27' 33"	104° 51' 52"					F-48-90-B
đường tỉnh 520	KX	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hóa			20° 23' 42"	105° 05' 13"	20° 31' 59"	104° 29' 09"	F-48-90-B
núi Bản Xá	SV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hóa	20° 24' 35"	104° 48' 33"					F-48-90-B
Núi Cày	SV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hóa	20° 24' 37"	104° 47' 55"					F-48-90-B
Suối Cày	TV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hóa			20° 24' 22"	104° 46' 08"	20° 25' 19"	104° 45' 58"	F-48-90-B
Bản Cháo	DC	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hóa	20° 25' 29"	104° 46' 17"					F-48-90-B
bản Chiềng Căm	DC	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hóa	20° 26' 13"	104° 49' 38"					F-48-90-B
bản Chiềng Hin	DC	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hóa	20° 25' 57"	104° 49' 47"					F-48-90-B
Pu Đen	SV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hóa	20° 28' 39"	104° 49' 24"					F-48-90-B
Đồn Biên phòng Hiền Kiệt	KX	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hóa	20° 26' 13"	104° 48' 07"					F-48-90-B
Bản Ho	DC	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hóa	20° 24' 55"	104° 44' 52"					F-48-90-A
Suối Ho	TV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hóa			20° 23' 51"	104° 45' 25"	20° 25' 04"	104° 44' 56"	F-48-90-A,

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Suối Hụng	TV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hóa			20° 25' 42"	104° 44' 02"	20° 24' 55"	104° 44' 49"	F-48-90-A
núi Kéo Hòng	SV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hóa	20° 27' 17"	104° 46' 16"					F-48-90-B
Suối Khiết	TV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hóa			20° 24' 30"	104° 43' 03"	20° 22' 18"	104° 55' 38"	F-48-90-A, F-48-90-B
Kéo Lý	SV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hóa	20° 26' 25"	104° 45' 39"					F-48-90-B
póm Nam Kheo	SV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hóa	20° 27' 14"	104° 48' 57"					F-48-90-B
pu Pin Láu	SV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hóa	20° 27' 58"	104° 47' 14"					F-48-90-B
núi Poom Sơn	SV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hóa	20° 25' 21"	104° 43' 51"					F-48-90-A
bản Poọng 1	DC	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hóa	20° 26' 04"	104° 48' 39"					F-48-90-B
bản Poọng 2	DC	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hóa	20° 26' 13"	104° 48' 23"					F-48-90-B
Bản San	DC	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hóa	20° 26' 41"	104° 47' 24"					F-48-90-B
Suối San	TV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hóa			20° 27' 00"	104° 46' 59"	20° 26' 13"	104° 48' 04"	F-48-90-B
póm Tai Xấy	SV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hóa	20° 23' 32"	104° 44' 27"					F-48-90-A
suối Tra Lát	TV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hóa			20° 25' 47"	104° 44' 56"	20° 25' 16"	104° 45' 47"	F-48-90-A, F-48-90-B
đường tỉnh 520	KX	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa			20° 23' 42"	105° 05' 13"	20° 31' 59"	104° 29' 09"	F-48-91-A-a
quốc lộ 15A	KX	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa			20° 33' 37"	105° 01' 17"	20° 05' 33"	105° 22' 16"	F-48-91-A-a
Bản Ban	DC	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa	20° 23' 37"	105° 05' 46"					F-48-91-A-a
Pu Bàn	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa	20° 24' 38"	105° 00' 23"					F-48-91-A-a
núi Buốc Mu	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa	20° 25' 35"	105° 04' 52"					F-48-91-A-a
pu Chầu Ngậu	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa	20° 27' 20"	105° 06' 07"					F-48-91-A-a
pha Co Cá	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa	20° 25' 10"	105° 05' 17"					F-48-91-A-a
Bản Cốc	DC	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa	20° 25' 37"	105° 03' 23"					F-48-91-A-a
suối Cơm Hạo	TV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa			20° 27' 08"	105° 03' 58"	20° 26' 50"	105° 03' 04"	F-48-91-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Pòm Đồn	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa	20° 26' 42"	105° 06' 45"					F-48-91-A-a
pom Đông Chu Dưới	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa	20° 24' 10"	105° 02' 12"					F-48-91-A-a
pom Đông Chu Trên	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa	20° 23' 57"	105° 01' 35"					F-48-91-A-a
núi Đông Vòng	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa	20° 26' 07"	105° 02' 41"					F-48-91-A-a
Pha Giang	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa	20° 27' 23"	105° 04' 20"					F-48-91-A-a
Pha Hạm	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa	20° 25' 00"	105° 07' 01"					F-48-91-A-a
núi Hang Ma	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa	20° 24' 19"	105° 04' 00"					F-48-91-A-a
cầu Hồi Xuân	KX	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa	20° 23' 40"	105° 05' 10"					F-48-91-A-a
khu phố Hồi Xuân	DC	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa	20° 23' 19"	105° 05' 41"					F-48-91-A-a
Bản Khằm	DC	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa	20° 23' 37"	105° 05' 28"					F-48-91-A-a
Bản Khó	DC	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa	20° 24' 44"	105° 06' 18"					F-48-91-A-a
Suối Khó	TV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa			20° 25' 47"	105° 05' 45"	20° 23' 26"	105° 05' 31"	F-48-91-A-a
pha Linh Non	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa	20° 24' 02"	105° 06' 39"					F-48-91-A-a
Sông Lò	TV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa			20° 09' 53"	104° 51' 54"	20° 22' 47"	105° 06' 00"	F-48-91-A-a, F-48-91-A-c
Nặm Lung	TV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa			20° 22' 43"	105° 05' 13"	20° 22' 24"	105° 05' 46"	F-48-91-A-c
Pu Luông	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa	20° 26' 06"	105° 07' 02"					F-48-91-A-a
Sông Luồng	TV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa			20° 18' 18"	104° 37' 03"	20° 24' 07"	105° 04' 37"	F-48-91-A-a
Sông Mã	TV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-A-a, F-48-91-A-c
Pha Mò	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa	20° 21' 49"	105° 06' 24"					F-48-91-A-c
Bản Mướp	DC	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa	20° 25' 46"	105° 03' 52"					F-48-91-A-a
Dốc Mướp	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa	20° 26' 10"	105° 03' 42"					F-48-91-A-a
Suối Mướp	TV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa			20° 26' 38"	105° 04' 48"	20° 25' 36"	105° 03' 32"	F-48-91-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Bản Nghèo	DC	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa	20° 25' 31"	105° 05' 54"					F-48-91-A-a
Pu Ngừa	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa	20° 24' 38"	105° 07' 01"					F-48-91-A-a
Pu Ông	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa	20° 25' 29"	105° 01' 23"					F-48-91-A-a
núi Pa Chiêng	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa	20° 26' 31"	105° 06' 57"					F-48-91-A-a
pom Pa Co	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa	20° 24' 25"	105° 03' 00"					F-48-91-A-a
pom Pa Láy	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa	20° 24' 32"	105° 03' 22"					F-48-91-A-a
Pu Pùng	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa	20° 25' 40"	105° 02' 12"					F-48-91-A-a
Pha Tam	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa	20° 23' 12"	105° 07' 24"					F-48-91-A-a
Suối Tọi	TV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa			20° 24' 32"	105° 00' 58"	20° 25' 19"	105° 03' 25"	F-48-91-A-a
Pha Tốm	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hóa	20° 25' 54"	105° 04' 45"					F-48-91-A-a
đường tỉnh 520	KX	xã Nam Động	H. Quan Hóa			20° 23' 42"	105° 05' 13"	20° 31' 59"	104° 29' 09"	F-48-90-B
Bản Bất	DC	xã Nam Động	H. Quan Hóa	20° 20' 53"	104° 57' 57"					F-48-90-B
Bản Bâu	DC	xã Nam Động	H. Quan Hóa	20° 20' 04"	104° 51' 10"					F-48-90-B
Suối Bâu	TV	xã Nam Động	H. Quan Hóa			20° 20' 46"	104° 50' 28"	20° 19' 56"	104° 51' 25"	F-48-90-B
Bản Chiềng	DC	xã Nam Động	H. Quan Hóa	20° 22' 23"	104° 55' 50"					F-48-90-B
Pu Cút	SV	xã Nam Động	H. Quan Hóa	20° 18' 28"	104° 53' 28"					F-48-90-B
Phá Đáy	SV	xã Nam Động	H. Quan Hóa	20° 20' 41"	104° 51' 18"					F-48-90-B
Huối Đe	TV	xã Nam Động	H. Quan Hóa			20° 20' 20"	104° 57' 46"	20° 18' 00"	105° 00' 22"	F-48-90-B
Phá Đúng	SV	xã Nam Động	H. Quan Hóa	20° 22' 24"	104° 54' 31"					F-48-90-B
núi Hín Hài	SV	xã Nam Động	H. Quan Hóa	20° 21' 37"	104° 50' 32"					F-48-90-B
Phá Huốt	SV	xã Nam Động	H. Quan Hóa	20° 21' 19"	104° 55' 36"					F-48-90-B
pom Keo Cốc	SV	xã Nam Động	H. Quan Hóa	20° 22' 24"	104° 54' 30"					F-48-90-B
Suối Khiết	TV	xã Nam Động	H. Quan Hóa			20° 24' 30"	104° 43' 03"	20° 22' 18"	104° 55' 38"	F-48-90-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Bản Khương	DC	xã Nam Động	H. Quan Hóa	20° 22' 38"	104° 56' 55"					F-48-90-B
Bản Làng	DC	xã Nam Động	H. Quan Hóa	20° 22' 32"	104° 56' 42"					F-48-90-B
Bản Lở	DC	xã Nam Động	H. Quan Hóa	20° 20' 37"	104° 53' 48"					F-48-90-B
Sông Luồng	TV	xã Nam Động	H. Quan Hóa			20° 18' 18"	104° 37' 03"	20° 24' 07"	105° 04' 37"	F-48-90-B
pom Mục Ngách	SV	xã Nam Động	H. Quan Hóa	20° 22' 09"	104° 51' 44"					F-48-90-B
Pom Mươi	SV	xã Nam Động	H. Quan Hóa	20° 23' 38"	104° 56' 39"					F-48-90-B
póm Nà Cối	SV	xã Nam Động	H. Quan Hóa	20° 19' 16"	104° 52' 54"					F-48-90-B
pha Nặm Giặt	SV	xã Nam Động	H. Quan Hóa	20° 21' 18"	104° 53' 42"					F-48-90-B
Phá Ngách	SV	xã Nam Động	H. Quan Hóa	20° 22' 08"	104° 57' 56"					F-48-90-B
Bản Nót	DC	xã Nam Động	H. Quan Hóa	20° 20' 56"	104° 50' 12"					F-48-90-B
núi Pa Sần	SV	xã Nam Động	H. Quan Hóa	20° 20' 46"	104° 48' 37"					F-48-90-B
Phá Phánh	SV	xã Nam Động	H. Quan Hóa	20° 18' 36"	104° 52' 15"					F-48-90-B
Pu Tác	SV	xã Nam Động	H. Quan Hóa	20° 23' 10"	104° 55' 37"					F-48-90-B
pom Trà Khót	SV	xã Nam Động	H. Quan Hóa	20° 21' 42"	104° 57' 00"					F-48-90-B
đường tỉnh 520	KX	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa			20° 23' 42"	105° 05' 13"	20° 31' 59"	104° 29' 09"	F-48-90-B, F-48-91-A-a
Suối Bôn	TV	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa			20° 21' 52"	104° 58' 26"	20° 22' 35"	104° 59' 13"	F-48-90-B
Pu Bưởi	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa	20° 26' 01"	104° 58' 16"					F-48-90-B
núi Căng Phô	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa	20° 24' 10"	104° 56' 06"					F-48-90-B
núi Cha Thượng	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa	20° 28' 14"	104° 56' 38"					F-48-90-B
núi Chọ Lọc	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa	20° 28' 21"	104° 55' 49"					F-48-90-B
núi Chom Lếnh	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa	20° 27' 23"	104° 57' 34"					F-48-90-B
bản Cốc 1	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa	20° 25' 23"	104° 56' 56"					F-48-90-B
bản Cốc 2	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa	20° 25' 38"	104° 56' 40"					F-48-90-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
bản Cốc 3	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa	20° 26' 43"	104° 56' 35"					F-48-90-B
Bản Cua	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa	20° 24' 50"	104° 57' 27"					F-48-90-B
Suối Cua	TV	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa			20° 27' 01"	104° 57' 43"	20° 24' 49"	104° 57' 22"	F-48-90-B
Bản Cụm	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa	20° 25' 56"	104° 57' 43"					F-48-90-B
Pom Đê	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa	20° 28' 11"	104° 55' 34"					F-48-90-B
pu Hu Nọi	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa	20° 29' 38"	104° 52' 58"					F-48-90-B
núi Hua Khoái	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa	20° 23' 55"	104° 58' 57"					F-48-90-B
pom Huối Bo	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa	20° 20' 58"	105° 00' 38"					F-48-91-A-c
Suối Ken	TV	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa			20° 21' 10"	105° 00' 18"	20° 22' 50"	104° 59' 17"	F-48-91-A-c, F-48-90-B
bản Ken 1	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa	20° 22' 38"	104° 59' 13"					F-48-90-B
bản Ken 2	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa	20° 22' 20"	104° 59' 19"					F-48-90-B
Pu Kha	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa	20° 24' 21"	104° 59' 24"					F-48-90-B
Suối Khá	TV	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa			20° 24' 14"	104° 59' 02"	20° 23' 41"	104° 58' 12"	F-48-90-B
bản Khang 1	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa	20° 23' 25"	104° 58' 10"					F-48-90-B
bản Khang 2	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa	20° 23' 47"	104° 57' 52"					F-48-90-B
Pom Khỏe	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa	20° 26' 30"	104° 53' 49"					F-48-90-B
Pom Lau	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa	20° 20' 18"	104° 59' 19"					F-48-90-B
Bản Lếp	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa	20° 22' 51"	105° 00' 02"					F-48-90-B
Sông Luồng	TV	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa			20° 18' 18"	104° 37' 03"	20° 24' 07"	105° 04' 37"	F-48-91-A-a, F-48-90-B
Pu Mại	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa	20° 24' 47"	104° 58' 49"					F-48-90-B
Pom Mươi	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa	20° 23' 38"	104° 56' 39"					F-48-90-B
Bản Ngà	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa	20° 23' 07"	104° 57' 30"					F-48-90-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Suối Ngà	TV	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa			20° 27' 21"	104° 55' 23"	20° 23' 21"	104° 58' 08"	F-48-90-B
Pha Ngách	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa	20° 22' 08"	104° 57' 56"					F-48-90-B
Pha Nhụng	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa	20° 24' 18"	104° 54' 59"					F-48-90-B
Suối Pan	TV	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa			20° 23' 54"	104° 59' 35"	20° 22' 46"	104° 59' 31"	F-48-90-B
núi Pha Chọm	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa	20° 25' 03"	104° 54' 49"					F-48-90-B
bản Phố Mới	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa	20° 23' 17"	104° 58' 07"					F-48-90-B
Suối Phúc	TV	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa			20° 25' 09"	104° 58' 19"	20° 24' 24"	104° 57' 47"	F-48-90-B
núi Pom Ten	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa	20° 26' 31"	104° 56' 22"					F-48-90-B
pom Sam Mường	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa	20° 27' 48"	104° 53' 29"					F-48-90-B
núi Săn Đồn	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa	20° 26' 55"	104° 54' 39"					F-48-90-B
núi Tàng Tâm	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa	20° 24' 09"	105° 00' 43"					F-48-91-A-a
bản Tiến Lập	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa	20° 23' 24"	104° 58' 25"					F-48-90-B
Núi Xai	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa	20° 21' 22"	104° 58' 50"					F-48-90-B
Núi Xôm	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hóa	20° 26' 44"	104° 58' 10"					F-48-90-B
đội 3	DC	xã Nam Xuân	H. Quan Hóa	20° 22' 31"	105° 00' 52"					F-48-91-A-a
đường tỉnh 520	KX	xã Nam Xuân	H. Quan Hóa			20° 23' 42"	105° 05' 13"	20° 31' 59"	104° 29' 09"	F-48-91-A-a, F-48-91-A-c
suối Ánh Mạ	TV	xã Nam Xuân	H. Quan Hóa			20° 24' 04"	105° 03' 04"	20° 23' 45"	105° 03' 29"	F-48-91-A-a
Pu Bai	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hóa	20° 21' 33"	105° 02' 41"					F-48-91-A-c
núi Buốc Mu Luông	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hóa	20° 23' 17"	105° 04' 13"					F-48-91-A-a
Bản Bút	DC	xã Nam Xuân	H. Quan Hóa	20° 22' 41"	105° 03' 49"					F-48-91-A-a
Pu Cạn	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hóa	20° 20' 44"	105° 02' 32"					F-48-91-A-c
pu Có Nọi	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hóa	20° 20' 57"	105° 01' 53"					F-48-91-A-c
pom Đông Chu Dưới	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hóa	20° 24' 10"	105° 02' 12"					F-48-91-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
pom Đông Chu Trên	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hóa	20° 23' 57"	105° 01' 35"					F-48-91-A-a
Pha Đun	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hóa	20° 21' 56"	105° 01' 29"					F-48-91-A-c
bản Đun Pù	DC	xã Nam Xuân	H. Quan Hóa	20° 21' 51"	105° 01' 50"					F-48-91-A-c
núi Hang Ma	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hóa	20° 24' 19"	105° 04' 00"					F-48-91-A-a
pom Huối Bo	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hóa	20° 20' 58"	105° 00' 38"					F-48-91-A-c
Bản Khuông	DC	xã Nam Xuân	H. Quan Hóa	20° 22' 29"	105° 01' 28"					F-48-91-A-a
Sông Luồng	TV	xã Nam Xuân	H. Quan Hóa			20° 18' 18"	104° 37' 03"	20° 24' 07"	105° 04' 37"	F-48-91-A-a, F-48-91-A-c
pha Muống	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hóa	20° 21' 49"	105° 04' 12"					F-48-91-A-c
bản Na Cốc	DC	xã Nam Xuân	H. Quan Hóa	20° 23' 05"	105° 03' 11"					F-48-91-A-a
bản Na Lặc	DC	xã Nam Xuân	H. Quan Hóa	20° 22' 49"	105° 03' 09"					F-48-91-A-a
bản Nam Tân	DC	xã Nam Xuân	H. Quan Hóa	20° 22' 28"	105° 02' 02"					F-48-91-A-a
pom Pa Co	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hóa	20° 24' 25"	105° 03' 00"					F-48-91-A-a
núi Pa Đay	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hóa	20° 21' 25"	105° 03' 42"					F-48-91-A-c
pom Pa Láy	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hóa	20° 24' 32"	105° 03' 22"					F-48-91-A-a
núi Tàng Tâm	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hóa	20° 24' 09"	105° 00' 43"					F-48-91-A-a
núi Tén Luông	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hóa	20° 21' 11"	105° 03' 42"					F-48-91-A-c
núi Tre Luống	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hóa	20° 20' 56"	105° 03' 08"					F-48-91-A-c
núi Xa La	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hóa	20° 21' 08"	105° 03' 09"					F-48-91-A-c
quốc lộ 15A	KX	xã Phú Lệ	H. Quan Hóa			20° 33' 37"	105° 01' 17"	20° 05' 33"	105° 22' 16"	F-48-79-C-c
quốc lộ 15C	KX	xã Phú Lệ	H. Quan Hóa			20° 33' 11"	105° 01' 17"	20° 21' 18"	105° 12' 32"	F-48-79-C-c
Suối Bái	TV	xã Phú Lệ	H. Quan Hóa			20° 31' 31"	105° 01' 37"	20° 31' 16"	105° 01' 23"	F-48-79-C-c
núi Buốc Pát	SV	xã Phú Lệ	H. Quan Hóa	20° 33' 28"	105° 02' 38"					F-48-79-C-c
pha Cằng Cúp	SV	xã Phú Lệ	H. Quan Hóa	20° 32' 35"	105° 01' 36"					F-48-79-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Co Đếnh	SV	xã Phú Lệ	H. Quan Hóa	20° 32' 53"	105° 02' 04"					F-48-79-C-c
pom Co Lềm	SV	xã Phú Lệ	H. Quan Hóa	20° 31' 31"	105° 02' 19"					F-48-79-C-c
núi Cong Hụm	SV	xã Phú Lệ	H. Quan Hóa	20° 30' 39"	105° 04' 41"					F-48-79-C-c
Pha Đanh	SV	xã Phú Lệ	H. Quan Hóa	20° 33' 59"	105° 03' 37"					F-48-79-C-c
Bản Đuốm	DC	xã Phú Lệ	H. Quan Hóa	20° 32' 15"	105° 03' 35"					F-48-79-C-c
Bản Hang	DC	xã Phú Lệ	H. Quan Hóa	20° 31' 52"	105° 04' 39"					F-48-79-C-c
Thung Hang	SV	xã Phú Lệ	H. Quan Hóa	20° 32' 32"	105° 05' 54"					F-48-79-C-c
Sông Mã	TV	xã Phú Lệ	H. Quan Hóa			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-79-C-c
Pha Nọi	SV	xã Phú Lệ	H. Quan Hóa	20° 32' 41"	105° 01' 20"					F-48-79-C-c
núi Pa Co	SV	xã Phú Lệ	H. Quan Hóa	20° 33' 05"	105° 02' 19"					F-48-79-C-c
thắm Pá Co	SV	xã Phú Lệ	H. Quan Hóa	20° 30' 30"	105° 03' 08"					F-48-79-C-c
pom Pá Hịa	SV	xã Phú Lệ	H. Quan Hóa	20° 31' 27"	105° 02' 41"					F-48-79-C-c
pom Pha Loòng	SV	xã Phú Lệ	H. Quan Hóa	20° 33' 43"	105° 03' 03"					F-48-79-C-c
Suối Pưng	TV	xã Phú Lệ	H. Quan Hóa			20° 30' 23"	105° 06' 04"	20° 32' 17"	105° 01' 05"	F-48-79-C-c
núi Ruồi Bá	SV	xã Phú Lệ	H. Quan Hóa	20° 32' 40"	105° 01' 48"					F-48-79-C-c
Bản Sại	DC	xã Phú Lệ	H. Quan Hóa	20° 32' 04"	105° 01' 08"					F-48-79-C-c
bản Tân Phúc	DC	xã Phú Lệ	H. Quan Hóa	20° 32' 12"	105° 02' 37"					F-48-79-C-c
núi Thung Pa Hịa	SV	xã Phú Lệ	H. Quan Hóa	20° 33' 03"	105° 05' 20"					F-48-79-C-c
bản Ca Me	DC	xã Phú Nghiêm	H. Quan Hóa	20° 23' 21"	105° 08' 37"					F-48-91-A-b
bản Đồng Tâm	DC	xã Phú Nghiêm	H. Quan Hóa	20° 23' 38"	105° 08' 43"					F-48-91-A-b
Pu Đooóc	SV	xã Phú Nghiêm	H. Quan Hóa	20° 23' 17"	105° 09' 49"					F-48-91-A-b
Pha Hạm	SV	xã Phú Nghiêm	H. Quan Hóa	20° 24' 43"	105° 07' 21"					F-48-91-A-a
Pu Hò	SV	xã Phú Nghiêm	H. Quan Hóa	20° 24' 18"	105° 09' 42"					F-48-91-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Pu Luông	SV	xã Phú Nghiêm	H. Quan Hóa	20° 24' 30"	105° 09' 12"					F-48-91-A-b
Sông Mã	TV	xã Phú Nghiêm	H. Quan Hóa			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-A-d, F-48-91-A-c
núi Pa Tén	SV	xã Phú Nghiêm	H. Quan Hóa	20° 22' 21"	105° 09' 33"					F-48-91-A-d
Bản Poọng	DC	xã Phú Nghiêm	H. Quan Hóa	20° 23' 02"	105° 08' 41"					F-48-91-A-b
Pha Poọng	SV	xã Phú Nghiêm	H. Quan Hóa	20° 22' 42"	105° 09' 04"					F-48-91-A-b
Suối Poọng	TV	xã Phú Nghiêm	H. Quan Hóa			20° 24' 29"	105° 07' 46"	20° 22' 21"	105° 08' 13"	F-48-91-A-b, F-48-91-A-d
Pha Tam	SV	xã Phú Nghiêm	H. Quan Hóa	20° 23' 12"	105° 07' 24"					F-48-91-A-a
bản Vinh Quang	DC	xã Phú Nghiêm	H. Quan Hóa	20° 24' 04"	105° 08' 09"					F-48-91-A-b
Pha Bau	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hóa	20° 30' 32"	104° 59' 45"					F-48-78-D
pha Bo Ngón	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hóa	20° 27' 58"	104° 57' 39"					F-48-90-B
núi Cha Thượng	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hóa	20° 28' 14"	104° 56' 38"					F-48-90-B
Bản Chiềng	DC	xã Phú Sơn	H. Quan Hóa	20° 31' 40"	105° 00' 20"					F-48-79-C-c
núi Chọ Lọc	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hóa	20° 28' 21"	104° 55' 49"					F-48-90-B
Pom Côi	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hóa	20° 29' 27"	104° 59' 01"					F-48-90-B
Pom Đê	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hóa	20° 28' 11"	104° 55' 34"					F-48-90-B
núi Hin Chồng Pàn	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hóa	20° 28' 53"	104° 58' 45"					F-48-90-B
pu Hu Nọi	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hóa	20° 29' 38"	104° 52' 58"					F-48-90-B
Bản Khoa	DC	xã Phú Sơn	H. Quan Hóa	20° 29' 34"	104° 57' 43"					F-48-90-B
pom Lương En	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hóa	20° 32' 09"	105° 00' 24"					F-48-79-C-c
Sông Mã	TV	xã Phú Sơn	H. Quan Hóa			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-79-C-c
pòm Mang Khúng	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hóa	20° 32' 48"	104° 58' 02"					F-48-78-D
Bản Ôn	DC	xã Phú Sơn	H. Quan Hóa	20° 31' 31"	104° 59' 44"					F-48-78-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Suối Ôn	TV	xã Phú Sơn	H. Quan Hóa			20° 31' 33"	104° 59' 38"	20° 31' 53"	105° 01' 05"	F-48-79-C-c, F-48-78-D
suối Pàn Pin	TV	xã Phú Sơn	H. Quan Hóa			20° 30' 50"	105° 01' 01"	20° 30' 59"	105° 01' 26"	F-48-79-C-c
Pha Phứa	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hóa	20° 30' 47"	105° 01' 19"					F-48-79-C-c
bản Suối Tôn	DC	xã Phú Sơn	H. Quan Hóa	20° 29' 14"	104° 57' 56"					F-48-90-B
bản Tai Giác	DC	xã Phú Sơn	H. Quan Hóa	20° 31' 16"	104° 58' 37"					F-48-78-D
pom Thám Pùng	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hóa	20° 32' 41"	104° 57' 35"					F-48-78-D
Pha Thơn	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hóa	20° 30' 54"	105° 00' 00"					F-48-78-D
Suối Tra	TV	xã Phú Sơn	H. Quan Hóa			20° 31' 38"	104° 57' 32"	20° 31' 11"	104° 58' 16"	F-48-78-D
quốc lộ 15A	KX	xã Phú Thanh	H. Quan Hóa			20° 33' 37"	105° 01' 17"	20° 05' 33"	105° 22' 16"	F-48-79-C-c
quốc lộ 15C	KX	xã Phú Thanh	H. Quan Hóa			20° 33' 11"	105° 01' 17"	20° 21' 18"	105° 12' 32"	F-48-79-C-c
núi Buốc Pát	SV	xã Phú Thanh	H. Quan Hóa	20° 33' 28"	105° 02' 38"					F-48-79-C-c
pom Buốc Trạng	SV	xã Phú Thanh	H. Quan Hóa	20° 35' 41"	104° 58' 391					F-48-78-D
Huối Cải	TV	xã Phú Thanh	H. Quan Hóa			20° 35' 48"	104° 57' 36"	20° 34' 52"	104° 57' 29"	F-48-78-D
pha Cằng Cúp	SV	xã Phú Thanh	H. Quan Hóa	20° 32' 35"	105° 01' 36"					F-48-79-C-c
Bản Chăng	DC	xã Phú Thanh	H. Quan Hóa	20° 32' 44"	105° 00' 54"					F-48-79-C-c
núi Co Đếnh	SV	xã Phú Thanh	H. Quan Hóa	20° 32' 53"	105° 02' 04"					F-48-79-C-c
huối Đen Mường	TV	xã Phú Thanh	H. Quan Hóa			20° 34' 12"	104° 57' 22"	20° 34' 49"	104° 57' 29"	F-48-78-D
Bản Đỏ	DC	xã Phú Thanh	H. Quan Hóa	20° 33' 09"	105° 01' 10"					F-48-79-C-c
Bản En	DC	xã Phú Thanh	H. Quan Hóa	20° 34' 28"	104° 59' 17"					F-48-78-D
pom Lương En	SV	xã Phú Thanh	H. Quan Hóa	20° 32' 09"	105° 00' 24"					F-48-79-C-c
Sông Mã	TV	xã Phú Thanh	H. Quan Hóa			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-79-C-c, F-48-78-D
pòm Mang Khúng	SV	xã Phú Thanh	H. Quan Hóa	20° 32' 48"	104° 58' 02"					F-48-78-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
pom Mỏ Tôm	SV	xã Phú Thanh	H. Quan Hóa	20° 33' 25"	105° 00' 32"					F-48-79-C-c
Pha Nọi	SV	xã Phú Thanh	H. Quan Hóa	20° 32' 41"	105° 01' 20"					F-48-79-C-c
Huối Nung	TV	xã Phú Thanh	H. Quan Hóa			20° 32' 42"	104° 59' 20"	20° 33' 26"	105° 00' 00"	F-48-79-C-c
núi Pa Co	SV	xã Phú Thanh	H. Quan Hóa	20° 33' 05"	105° 02' 19"					F-48-79-C-c
Bản Páng	DC	xã Phú Thanh	H. Quan Hóa	20° 33' 28"	105° 00' 59"					F-48-79-C-c
Huối Páng	TV	xã Phú Thanh	H. Quan Hóa			20° 33' 26"	105° 00' 00"	20° 33' 50"	105° 00' 58"	F-48-79-C-c
póm Pha Khao	SV	xã Phú Thanh	H. Quan Hóa	20° 36' 29"	104° 57' 35"					F-48-78-D
pom Pha Loòng	SV	xã Phú Thanh	H. Quan Hóa	20° 33' 43"	105° 03' 03"					F-48-79-C-c
pom Pha Uôn	SV	xã Phú Thanh	H. Quan Hóa	20° 35' 31"	104° 58' 10"					F-48-78-D
Huối Quyên	TV	xã Phú Thanh	H. Quan Hóa			20° 35' 31"	104° 58' 56"	20° 34' 32"	104° 58' 39"	F-48-78-D
núi Ruồi Bá	SV	xã Phú Thanh	H. Quan Hóa	20° 32' 40"	105° 01' 48"					F-48-79-C-c
Pom Soi	SV	xã Phú Thanh	H. Quan Hóa	20° 34' 03"	104° 57' 24"					F-48-78-D
pom Thám Pùng	SV	xã Phú Thanh	H. Quan Hóa	20° 32' 41"	104° 57' 35"					F-48-78-D
bản Trung Tân	DC	xã Phú Thanh	H. Quan Hóa	20° 32' 56"	105° 01' 36"					F-48-79-C-c
Bản Uôn	DC	xã Phú Thanh	H. Quan Hóa	20° 34' 39"	104° 58' 31"					F-48-78-D
quốc lộ 15A	KX	xã Phú Xuân	H. Quan Hóa			20° 33' 37"	105° 01' 17"	20° 05' 33"	105° 22' 16"	F-48-79-C-c, F-48-91-A-a
Bản Bá	DC	xã Phú Xuân	H. Quan Hóa	20° 29' 25"	105° 01' 47"					F-48-91-A-a
Suối Bái	TV	xã Phú Xuân	H. Quan Hóa			20° 31' 31"	105° 01' 37"	20° 31' 16"	105° 01' 23"	F-48-79-C-c
Pha Bau	SV	xã Phú Xuân	H. Quan Hóa	20° 30' 32"	104° 59' 45"					F-48-78-D
pom Co Lềm	SV	xã Phú Xuân	H. Quan Hóa	20° 31' 31"	105° 02' 19"					F-48-79-C-c
suối Co Sán	TV	xã Phú Xuân	H. Quan Hóa			20° 28' 54"	105° 01' 41"	20° 28' 56"	105° 01' 55"	F-48-91-A-a
Pom Cội	SV	xã Phú Xuân	H. Quan Hóa	20° 29' 16"	105° 00' 01"					F-48-91-A-a
núi Hang Tặng	SV	xã Phú Xuân	H. Quan Hóa	20° 29' 01"	105° 00' 59"					F-48-91-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Sông Mã	TV	xã Phú Xuân	H. Quan Hóa			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-A-a, F-48-79-C-c
Bản Mí	DC	xã Phú Xuân	H. Quan Hóa	20° 30' 03"	105° 01' 17"					F-48-79-C-c
Bản Mỏ	DC	xã Phú Xuân	H. Quan Hóa	20° 30' 30"	105° 01' 45"					F-48-79-C-c
thắm Pá Co	SV	xã Phú Xuân	H. Quan Hóa	20° 30' 30"	105° 03' 08"					F-48-79-C-c
pom Pá Hịa	SV	xã Phú Xuân	H. Quan Hóa	20° 31' 27"	105° 02' 41"					F-48-79-C-c
Bản Pan	DC	xã Phú Xuân	H. Quan Hóa	20° 29' 28"	105° 01' 58"					F-48-91-A-a
núi Pha Lộc	SV	xã Phú Xuân	H. Quan Hóa	20° 29' 16"	105° 03' 30"					F-48-91-A-a
núi Pha Mường Khoòng	SV	xã Phú Xuân	H. Quan Hóa	20° 29' 10"	105° 04' 46"					F-48-91-A-a
Bản Phé	DC	xã Phú Xuân	H. Quan Hóa	20° 29' 52"	105° 01' 38"					F-48-91-A-a
Pha Phứa	SV	xã Phú Xuân	H. Quan Hóa	20° 30' 47"	105° 01' 19"					F-48-79-C-c
Pha Thơn	SV	xã Phú Xuân	H. Quan Hóa	20° 30' 54"	105° 00' 00"					F-48-78-D
Suối U	TV	xã Phú Xuân	H. Quan Hóa			20° 29' 09"	105° 02' 24"	20° 29' 04"	105° 01' 59"	F-48-91-A-a
Bản Bai	DC	xã Thành Sơn	H. Quan Hóa	20° 35' 41"	104° 55' 50"					F-48-78-D
Huối Bai	TV	xã Thành Sơn	H. Quan Hóa			20° 36' 25"	104° 55' 41"	20° 35' 29"	104° 56' 02"	F-48-78-D
Huối Bó	TV	xã Thành Sơn	H. Quan Hóa			20° 37' 08"	104° 53' 46"	20° 36' 12"	104° 52' 52"	F-48-78-D
Bản Bước	DC	xã Thành Sơn	H. Quan Hóa	20° 38' 13"	104° 55' 36"					F-48-78-D
Huối Cải	TV	xã Thành Sơn	H. Quan Hóa			20° 35' 48"	104° 57' 36"	20° 34' 52"	104° 57' 29"	F-48-78-D
bản Chiềng Yên	DC	xã Thành Sơn	H. Quan Hóa	20° 35' 23"	104° 54' 31"					F-48-78-D
pom Co Dó	SV	xã Thành Sơn	H. Quan Hóa	20° 39' 13"	104° 55' 28"					F-48-78-D
pu Đông Khoang	SV	xã Thành Sơn	H. Quan Hóa	20° 39' 34"	104° 55' 01"					F-48-78-D
Sông Mã	TV	xã Thành Sơn	H. Quan Hóa			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-78-D
bản Nam Thành	DC	xã Thành Sơn	H. Quan Hóa	20° 35' 16"	104° 54' 41"					F-48-78-D
pu Pa Sác	SV	xã Thành Sơn	H. Quan Hóa	20° 38' 43"	104° 52' 42"					F-48-78-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
pom Pha Chon	SV	xã Thành Sơn	H. Quan Hóa	20° 37' 57"	104° 55' 03"					F-48-78-D
pom Pha Đanh	SV	xã Thành Sơn	H. Quan Hóa	20° 35' 31"	104° 55' 15"					F-48-78-D
pom Pha Khao	SV	xã Thành Sơn	H. Quan Hóa	20° 36' 29"	104° 57' 35"					F-48-78-D
pom Pha Làng	SV	xã Thành Sơn	H. Quan Hóa	20° 37' 39"	104° 56' 02"					F-48-78-D
Bản Pu	DC	xã Thành Sơn	H. Quan Hóa	20° 37' 28"	104° 56' 36"					F-48-78-D
Huối Pu	TV	xã Thành Sơn	H. Quan Hóa			20° 39' 54"	104° 53' 51"	20° 34' 38"	104° 56' 10"	F-48-78-D
pom Pù Chon	SV	xã Thành Sơn	H. Quan Hóa	20° 38' 40"	104° 56' 39"					F-48-78-D
pom Pù Hóc	SV	xã Thành Sơn	H. Quan Hóa	20° 40' 15"	104° 53' 15"					F-48-78-D
pom Pù Sung	SV	xã Thành Sơn	H. Quan Hóa	20° 37' 15"	104° 54' 29"					F-48-78-D
Cằng Pượn	SV	xã Thành Sơn	H. Quan Hóa	20° 38' 55"	104° 53' 05"					F-48-78-D
bản Sơn Thành	DC	xã Thành Sơn	H. Quan Hóa	20° 34' 34"	104° 56' 01"					F-48-78-D
bản Tân Hương	DC	xã Thành Sơn	H. Quan Hóa	20° 34' 56"	104° 56' 45"					F-48-78-D
bản Thành Tân	DC	xã Thành Sơn	H. Quan Hóa	20° 35' 52"	104° 54' 20"					F-48-78-D
quốc lộ 15A	KX	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa			20° 33' 37"	105° 01' 17"	20° 05' 33"	105° 22' 16"	F-48-91-A-a
pha Bo Ngón	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa	20° 27' 58"	104° 57' 39"					F-48-90-B
Pu Bưởi	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa	20° 26' 01"	104° 58' 16"					F-48-90-B
núi Chom Lếnh	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa	20° 27' 23"	104° 57' 34"					F-48-90-B
suối Co Sán	TV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa			20° 28' 54"	105° 01' 41"	20° 28' 56"	105° 01' 55"	F-48-91-A-a
Pom Côi	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa	20° 29' 27"	104° 59' 01"					F-48-90-B
Pom Cội	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa	20° 29' 16"	104° 00' 01"					F-48-91-A-a
suối Cơm Hạo	TV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa			20° 27' 08"	105° 03' 58"	20° 26' 50"	105° 03' 04"	F-48-91-A-a
Suối Cú	TV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa			20° 28' 48"	105° 02' 20"	20° 28' 49"	105° 01' 59"	F-48-91-A-a
núi Đông Chu Dưới	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa	20° 26' 33"	105° 02' 47"					F-48-91-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Đông Chu Trên	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa	20° 26' 07"	105° 02' 41"					F-48-91-A-a
núi Đông Láng	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa	20° 25' 06"	105° 00' 21"					F-48-91-A-a
núi Đông Vòng	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa	20° 26' 07"	105° 02' 41"					F-48-91-A-a
Bản Éo	DC	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa	20° 27' 58"	105° 02' 11"					F-48-91-A-a
Suối Éo	TV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa			20° 27' 39"	105° 04' 16"	20° 27' 45"	105° 01' 48"	F-48-91-A-a
Bản Giá	DC	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa	20° 26' 33"	105° 03' 07"					F-48-91-A-a
Suối Giá	TV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa			20° 26' 20"	104° 58' 59"	20° 26' 39"	105° 03' 07"	F-48-90-B, F-48-91-A-a
Pha Giang	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa	20° 27' 23"	105° 04' 20"					F-48-91-A-a
núi Hang Tặng	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa	20° 29' 01"	105° 00' 59"					F-48-91-A-a
núi Hin Chồng Pàn	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa	20° 28' 53"	104° 58' 45"					F-48-90-B
Pu Kha	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa	20° 24' 21"	104° 59' 24"					F-48-90-B
Pu Ky	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa	20° 28' 00"	105° 00' 38"					F-48-91-A-a
Suối Lót	TV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa			20° 27' 12"	105° 01' 05"	20° 27' 36"	105° 01' 44"	F-48-91-A-a
Sông Mã	TV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-A-a
Pu Mại	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa	20° 24' 47"	104° 58' 49"					F-48-90-B
Pu Ngùa	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa	20° 27' 21"	105° 03' 33"					F-48-91-A-a
Pu Ông	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa	20° 25' 29"	105° 01' 23"					F-48-91-A-a
Pu Pàn	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa	20° 24' 38"	105° 00' 23"					F-48-91-A-a
núi Pha Mường Khoòng	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa	20° 29' 10"	105° 04' 46"					F-48-91-A-a
pu Pha Phong	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa	20° 28' 27"	105° 05' 21"					F-48-91-A-a
Pu Púng	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa	20° 26' 06"	105° 02' 02"					F-48-91-A-a
Pu Pùng	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa	20° 25' 40"	105° 02' 12"					F-48-91-A-a
Pu Pươi	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa	20° 26' 33"	104° 59' 17"					F-48-90-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
bản Sa Lắng	DC	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa	20° 27' 32"	105° 01' 44"					F-48-91-A-a
bản Tân Sơn	DC	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa	20° 27' 46"	105° 03' 27"					F-48-91-A-a
núi Tàng Tâm	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa	20° 24' 09"	105° 00' 43"					F-48-91-A-a
bản Thu Đông	DC	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa	20° 29' 06"	105° 02' 10"					F-48-91-A-a
Suối U	TV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa			20° 29' 09"	105° 02' 24"	20° 29' 04"	105° 01' 59"	F-48-91-A-a
Bản Vui	DC	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa	20° 27' 39"	105° 00' 03"					F-48-91-A-a
Suối Vui	TV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa			20° 27' 37"	104° 58' 59"	20° 28' 23"	105° 01' 59"	F-48-90-B, F-48-91-A-a
Núi Xôm	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hóa	20° 26' 44"	104° 58' 10"					F-48-90-B
đường tỉnh 520	KX	xã Thiên Phủ	H. Quan Hóa			20° 23' 42"	105° 05' 13"	20° 31' 59"	104° 29' 09"	F-48-90-B
Suối Cang	TV	xã Thiên Phủ	H. Quan Hóa			20° 22' 38"	104° 49' 03"	20° 23' 49"	104° 53' 42"	F-48-90-B
núi Căng Phô	SV	xã Thiên Phủ	H. Quan Hóa	20° 24' 10"	104° 56' 06"					F-48-90-B
Bản Chong	DC	xã Thiên Phủ	H. Quan Hóa	20° 23' 53"	104° 53' 53"					F-48-90-B
Bản Dôi	DC	xã Thiên Phủ	H. Quan Hóa	20° 23' 01"	104° 55' 17"					F-48-90-B
Pha Đúng	SV	xã Thiên Phủ	H. Quan Hóa	20° 22' 24"	104° 54' 30"					F-48-90-B
Bản Giồi	DC	xã Thiên Phủ	H. Quan Hóa	20° 22' 44"	104° 50' 18"					F-48-90-B
Bản Hàm	DC	xã Thiên Phủ	H. Quan Hóa	20° 23' 15"	104° 51' 58"					F-48-90-B
Bản Háng	DC	xã Thiên Phủ	H. Quan Hóa	20° 22' 56"	104° 52' 11"					F-48-90-B
pom Keo Cốc	SV	xã Thiên Phủ	H. Quan Hóa	20° 23' 54"	104° 56' 12"					F-48-90-B
Pha Khao	SV	xã Thiên Phủ	H. Quan Hóa	20° 24' 58"	104° 54' 03"					F-48-90-B
Suối Khiết	TV	xã Thiên Phủ	H. Quan Hóa			20° 24' 30"	104° 43' 03"	20° 22' 18"	104° 55' 38"	F-48-90-B
Pom Khoai	SV	xã Thiên Phủ	H. Quan Hóa	20° 24' 21"	104° 50' 16"					F-48-90-B
Bản Lớt	DC	xã Thiên Phủ	H. Quan Hóa	20° 23' 13"	104° 50' 46"					F-48-90-B
Pu Mó	SV	xã Thiên Phủ	H. Quan Hóa	20° 24' 17"	104° 51' 03"					F-48-90-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
pom Mục Ngách	SV	xã Thiên Phủ	H. Quan Hóa	20° 22' 09"	104° 51' 44"					F-48-90-B
hang Nàng Mọm	SV	xã Thiên Phủ	H. Quan Hóa	20° 21' 48"	104° 49' 17"					F-48-90-B
Bản Nhụng	DC	xã Thiên Phủ	H. Quan Hóa	20° 23' 03"	104° 52' 59"					F-48-90-B
Pha Nhụng	SV	xã Thiên Phủ	H. Quan Hóa	20° 24' 18"	104° 54' 59"					F-48-90-B
Pu Ôi	SV	xã Thiên Phủ	H. Quan Hóa	20° 23' 24"	104° 48' 24"					F-48-90-B
pom Pù Ro	SV	xã Thiên Phủ	H. Quan Hóa	20° 23' 12"	104° 49' 55"					F-48-90-B
pom Pù Sung	SV	xã Thiên Phủ	H. Quan Hóa	20° 24' 22"	104° 51' 55"					F-48-90-B
bản Sài 1	DC	xã Thiên Phủ	H. Quan Hóa	20° 23' 33"	104° 54' 51"					F-48-90-B
bản Sài 2	DC	xã Thiên Phủ	H. Quan Hóa	20° 23' 41"	104° 54' 32"					F-48-90-B
pom Săn Đen Đin	SV	xã Thiên Phủ	H. Quan Hóa	20° 23' 00"	104° 54' 43"					F-48-90-B
Bản Sắng	DC	xã Thiên Phủ	H. Quan Hóa	20° 24' 16"	104° 53' 02"					F-48-90-B
Pu Tác	SV	xã Thiên Phủ	H. Quan Hóa	20° 23' 10"	104° 55' 37"					F-48-90-B
bản Thành Long	DC	xã Thiên Phủ	H. Quan Hóa	20° 23' 59"	104° 53' 33"					F-48-90-B
tén A Ứng	SV	xã Trung Sơn	H. Quan Hóa	20° 35' 22"	104° 50' 46"					F-48-78-D
Pom Biềng	SV	xã Trung Sơn	H. Quan Hóa	20° 36' 33"	104° 48' 09"					F-48-78-D
Bản Bó	DC	xã Trung Sơn	H. Quan Hóa	20° 36' 41"	104° 53' 00"					F-48-78-D
Huối Bó	TV	xã Trung Sơn	H. Quan Hóa			20° 37' 08"	104° 53' 46"	20° 36' 12"	104° 52' 52"	F-48-78-D
Bản Chiềng	DC	xã Trung Sơn	H. Quan Hóa	20° 36' 19"	104° 51' 21"					F-48-78-D
bản Co Me	DC	xã Trung Sơn	H. Quan Hóa	20° 36' 53"	104° 50' 42"					F-48-78-D
Suối Con	TV	xã Trung Sơn	H. Quan Hóa			20° 37' 13"	104° 47' 46"	20° 37' 56"	104° 48' 36"	F-48-78-D
Pu Hu	SV	xã Trung Sơn	H. Quan Hóa	20° 33' 46"	104° 52' 20"					F-48-78-D
Pha Khao	SV	xã Trung Sơn	H. Quan Hóa	20° 38' 07"	104° 49' 37"					F-48-78-D
Suối Lượng	TV	xã Trung Sơn	H. Quan Hóa			20° 34' 13"	104° 51' 07"	20° 35' 05"	104° 49' 44"	F-48-78-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Sông Mã	TV	xã Trung Sơn	H. Quan Hóa			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-78-D
cằng Nà Bá	SV	xã Trung Sơn	H. Quan Hóa	20° 39' 06"	104° 50' 39"					F-48-78-D
pu Pa Sác	SV	xã Trung Sơn	H. Quan Hóa	20° 38' 43"	104° 52' 42"					F-48-78-D
Bản Pạo	DC	xã Trung Sơn	H. Quan Hóa	20° 36' 38"	104° 51' 36"					F-48-78-D
Suối Pạo	TV	xã Trung Sơn	H. Quan Hóa			20° 38' 18"	104° 53' 13"	20° 36' 31"	104° 51' 32"	F-48-78-D
Suối Phang	TV	xã Trung Sơn	H. Quan Hóa			20° 35' 18"	104° 48' 47"	20° 35' 10"	104° 49' 44"	F-48-78-D
Cằng Pôi	SV	xã Trung Sơn	H. Quan Hóa	20° 38' 20"	104° 52' 14"					F-48-78-D
Suối Pôi	TV	xã Trung Sơn	H. Quan Hóa			20° 38' 56"	104° 51' 43"	20° 37' 14"	104° 49' 33"	F-48-78-D
pom Pù Hóc	SV	xã Trung Sơn	H. Quan Hóa	20° 40' 15"	104° 53' 15"					F-48-78-D
pom Pù Hu	SV	xã Trung Sơn	H. Quan Hóa	20° 37' 32"	104° 53' 12"					F-48-78-D
pom Pù Sung	SV	xã Trung Sơn	H. Quan Hóa	20° 37' 15"	104° 54' 29"					F-48-78-D
Bản Pượn	DC	xã Trung Sơn	H. Quan Hóa	20° 38' 12"	104° 52' 59"					F-48-78-D
Cằng Pượn	SV	xã Trung Sơn	H. Quan Hóa	20° 38' 55"	104° 53' 05"					F-48-78-D
Suối Quanh	TV	xã Trung Sơn	H. Quan Hóa			20° 37' 56"	104° 48' 36"	20° 36' 18"	104° 49' 52"	F-48-78-D
bản Ta Bán	DC	xã Trung Sơn	H. Quan Hóa	20° 37' 19"	104° 50' 06"					F-48-78-D
Suối Tìm	TV	xã Trung Sơn	H. Quan Hóa			20° 35' 50"	104° 51' 43"	20° 36' 24"	104° 51' 29"	F-48-78-D
bản Buốc Hiềng	DC	xã Trung Thành	H. Quan Hóa	20° 32' 50"	104° 55' 13"					F-48-78-D
Bản Cá	DC	xã Trung Thành	H. Quan Hóa	20° 33' 30"	104° 55' 02"					F-48-78-D
Huối Cá	TV	xã Trung Thành	H. Quan Hóa			20° 32' 46"	104° 56' 49"	20° 33' 32"	104° 55' 16"	F-48-78-D
Bản Chiềng	DC	xã Trung Thành	H. Quan Hóa	20° 34' 11"	104° 55' 36"					F-48-78-D
Huối Cú	TV	xã Trung Thành	H. Quan Hóa			20° 34' 58"	104° 52' 48"	20° 35' 49"	104° 53' 31"	F-48-78-D
huối Đen Mường	TV	xã Trung Thành	H. Quan Hóa			20° 34' 12"	104° 57' 22"	20° 34' 49"	104° 57' 29"	F-48-78-D
Pu Hu	SV	xã Trung Thành	H. Quan Hóa	20° 33' 46"	104° 52' 20"					F-48-78-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
pu Hu Luông	SV	xã Trung Thành	H. Quan Hóa	20° 29' 53"	104° 52' 08"					F-48-90-B
pu Hu Nọi	SV	xã Trung Thành	H. Quan Hóa	20° 29' 38"	104° 52' 58"					F-48-90-B
Huối Long	TV	xã Trung Thành	H. Quan Hóa			20° 33' 00"	104° 52' 26"	20° 33' 10"	104° 54' 52"	F-48-78-D
Sông Mã	TV	xã Trung Thành	H. Quan Hóa			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-78-D
Huối Nánh	TV	xã Trung Thành	H. Quan Hóa			20° 34' 19"	104° 53' 38"	20° 35' 33"	104° 54' 00"	F-48-78-D
Bản Phai	DC	xã Trung Thành	H. Quan Hóa	20° 34' 21"	104° 56' 13"					F-48-78-D
Huối Phai	TV	xã Trung Thành	H. Quan Hóa			20° 33' 40"	104° 56' 46"	20° 34' 35"	104° 56' 17"	F-48-78-D
Huối Quýt	TV	xã Trung Thành	H. Quan Hóa			20° 30' 58"	104° 54' 30"	20° 34' 22"	104° 55' 43"	F-48-78-D
Huối Sang	TV	xã Trung Thành	H. Quan Hóa			20° 30' 54"	104° 53' 06"	20° 31' 39"	104° 55' 01"	F-48-78-D
Bản Sạy	DC	xã Trung Thành	H. Quan Hóa	20° 35' 47"	104° 52' 56"					F-48-78-D
Pom Soi	SV	xã Trung Thành	H. Quan Hóa	20° 34' 03"	104° 57' 24"					F-48-78-D
Bản Tang	DC	xã Trung Thành	H. Quan Hóa	20° 35' 02"	104° 54' 25"					F-48-78-D
Huối Tang	TV	xã Trung Thành	H. Quan Hóa			20° 34' 16"	104° 54' 07"	20° 35' 16"	104° 54' 25"	F-48-78-D
pom Thám Pùng	SV	xã Trung Thành	H. Quan Hóa	20° 32' 41"	104° 57' 35"					F-48-78-D
Huối Tìm	TV	xã Trung Thành	H. Quan Hóa			20° 35' 33"	104° 52' 34"	20° 36' 01"	104° 53' 02"	F-48-78-D
bản Trung Lập	DC	xã Trung Thành	H. Quan Hóa	20° 32' 03"	104° 55' 15"					F-48-78-D
bản Trung Tâm	DC	xã Trung Thành	H. Quan Hóa	20° 32' 36"	104° 54' 54"					F-48-78-D
bản Trung Thắng	DC	xã Trung Thành	H. Quan Hóa	20° 33' 07"	104° 54' 49"					F-48-78-D
bản Trung Tiến	DC	xã Trung Thành	H. Quan Hóa	20° 33' 17"	104° 55' 30"					F-48-78-D
quốc lộ 15A	KX	xã Xuân Phú	H. Quan Hóa			20° 33' 37"	105° 01' 17"	20° 05' 33"	105° 22' 16"	F-48-91-A-c, F-48-91-A-d
Núi Cả	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hóa	20° 21' 01"	105° 11' 11"					F-48-91-A-d
Bản Cang	DC	xã Xuân Phú	H. Quan Hóa	20° 20' 20"	105° 09' 43"					F-48-91-A-d
Suối Cang	TV	xã Xuân Phú	H. Quan Hóa			20° 21' 11"	105° 10' 23"	20° 20' 13"	105° 10' 08"	F-48-91-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Bản Chăm	DC	xã Xuân Phú	H. Quan Hóa	20° 21' 23"	105° 08' 44"					F-48-91-A-d
Huối Chắm	TV	xã Xuân Phú	H. Quan Hóa			20° 21' 06"	105° 08' 24"	20° 21' 08"	105° 08' 49"	F-48-91-A-d
Huối Côi	TV	xã Xuân Phú	H. Quan Hóa			20° 21' 51"	105° 07' 48"	20° 22' 22"	105° 07' 48"	F-48-91-A-d
Bản Cổi	DC	xã Xuân Phú	H. Quan Hóa	20° 22' 14"	105° 07' 56"					F-48-91-A-d
núi Đa Bể	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hóa	20° 22' 07"	105° 09' 31"					F-48-91-A-d
Pha Đeng	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hóa	20° 21' 33"	105° 09' 43"					F-48-91-A-d
Pha Đón	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hóa	20° 21' 04"	105° 07' 08"					F-48-91-A-c
núi Hang Bang	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hóa	20° 20' 20"	105° 10' 53"					F-48-91-A-d
núi Hang Rơi	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hóa	20° 20' 35"	105° 10' 47"					F-48-91-A-d
núi Hin Hạc	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hóa	20° 21' 49"	105° 09' 36"					F-48-91-A-d
Bản Khiêu	DC	xã Xuân Phú	H. Quan Hóa	20° 21' 52"	105° 07' 19"					F-48-91-A-c
Huối Khiêu	TV	xã Xuân Phú	H. Quan Hóa			20° 20' 57"	105° 07' 30"	20° 21' 55"	105° 07' 12"	F-48-91-A-d, F-48-91-A-c
Sông Mã	TV	xã Xuân Phú	H. Quan Hóa			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-A-d, F-48-91-A-c
Huối Muống	TV	xã Xuân Phú	H. Quan Hóa			20° 21' 31"	105° 08' 10"	20° 21' 38"	105° 08' 49"	F-48-91-A-d
cầu Na Sài	KX	xã Xuân Phú	H. Quan Hóa	20° 22' 19"	105° 07' 26"					F-48-91-A-c
núi Pa Tén	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hóa	20° 22' 21"	105° 09' 33"					F-48-91-A-d
núi Pha Háng	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hóa	20° 20' 17"	105° 08' 01"					F-48-91-A-d
núi Pha Mò	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hóa	20° 21' 49"	105° 06' 24"					F-48-91-A-c
Pha Phụ	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hóa	20° 21' 32"	105° 06' 42"					F-48-91-A-c
dãy Tạng Tới	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hóa	20° 20' 09"	105° 08' 11"					F-48-91-A-d
núi Trang Nhạ	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hóa	20° 20' 40"	105° 07' 36"					F-48-91-A-d
pu Xam Mường	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hóa	20° 21' 15"	105° 10' 32"					F-48-91-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khu 1	DC	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn	20° 14' 54"	104° 56' 20"					F-48-90-D
khu 2	DC	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn	20° 15' 01"	104° 56' 24"					F-48-90-B
khu 3	DC	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn	20° 15' 13"	104° 56' 49"					F-48-90-B
khu 4	DC	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn	20° 15' 19"	104° 56' 42"					F-48-90-B
khu 5	DC	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn	20° 15' 34"	104° 56' 34"					F-48-90-B
khu 6	DC	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn	20° 15' 46"	104° 56' 38"					F-48-90-B
quốc lộ 217	KX	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-90-(B,D)
núi Eo Hiên	SV	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn	20° 15' 57"	104° 55' 24"					F-48-90-B
Sông Lò	TV	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn			20° 09' 53"	104° 51' 54"	20° 22' 47"	105° 06' 00"	F-48-90-(B,D)
núi Pa Đưa	SV	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn	20° 15' 12"	104° 54' 38"					F-48-90-B
núi Pha Đen Đin	SV	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn	20° 15' 30"	104° 57' 29"					F-48-90-B
núi Phòng Không	SV	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn	20° 16' 37"	104° 56' 35"					F-48-90-B
núi Pu Sai	SV	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn	20° 16' 26"	104° 55' 30"					F-48-90-B
quốc lộ 217	KX	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-90-(A,B)
Bản Bơn	DC	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn	20° 17' 33"	104° 45' 00"					F-48-90-A
Huối Bóng	TV	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn			20° 16' 38"	104° 42' 33"	20° 17' 14"	104° 45' 00"	F-48-90-A
suối Chà Khót	TV	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn			20° 14' 06"	104° 40' 34"	20° 15' 09"	104° 38' 42"	F-48-90-C
Bản Chiềng	DC	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn	20° 16' 41"	104° 45' 29"					F-48-90-B
Huối Én	TV	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn			20° 15' 14"	104° 42' 04"	20° 16' 20"	104° 45' 04"	F-48-90-A
Huối Hặc	TV	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn			20° 13' 19"	104° 46' 39"	20° 14' 23"	104° 44' 37"	F-48-90-C, F-48-90-D
Pha Hen	SV	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn	20° 18' 08"	104° 45' 54"					F-48-90-B
núi Keo Len	SV	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn	20° 16' 54"	104° 42' 11"					F-48-90-A
bản Luốc Làu	DC	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn	20° 16' 38"	104° 45' 11"					F-48-90-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Sông Luồng	TV	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn			20° 18' 18"	104° 37' 03"	20° 24' 07"	105° 04' 37"	F-48-90-A, F-48-90-B
Bản Mìn	DC	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn	20° 15' 58"	104° 44' 53"					F-48-90-A
núi Pha Lon	SV	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn	20° 18' 23"	104° 48' 09"					F-48-90-B
núi Pha Rùa	SV	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn	20° 18' 18"	104° 44' 10"					F-48-90-A
núi Pù Cút	SV	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn	20° 14' 48"	104° 40' 48"					F-48-90-C
núi Pù Páo	SV	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn	20° 14' 38"	104° 40' 12"					F-48-90-C
núi Pù Xà Lầy	SV	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn	20° 12' 05"	104° 46' 01"					F-48-90-D
Bản Yên	DC	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn	20° 14' 16"	104° 44' 24"					F-48-90-C
Suối Yên	TV	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn			20° 13' 39"	104° 40' 12"	20° 16' 48"	104° 45' 45"	F-48-90-C
quốc lộ 217	KX	xã Na Mèo	H. Quan Sơn			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-90-A
Bản Bo	DC	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 17' 46"	104° 41' 53"					F-48-90-A
Suối Bu (Pu)	TV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn			20° 18' 34"	104° 39' 57"	20° 17' 54"	104° 38' 17"	F-48-90-A
Suối Cái	TV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn			20° 16' 00"	104° 37' 43"	20° 17' 18"	104° 38' 54"	F-48-90-A
bản Cha Khót	DC	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 15' 01"	104° 38' 28"					F-48-90-A
suối Chà Khót	TV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn			20° 14' 06"	104° 40' 34"	20° 15' 09"	104° 38' 42"	F-48-90-A, F-48-90-C
bản Ché Lầu	DC	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 21' 17"	104° 40' 01"					F-48-90-A
Bản Hiềng	DC	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 17' 47"	104° 41' 17"					F-48-90-A
núi Keo Cánh	SV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 18' 37"	104° 40' 55"					F-48-90-A
núi Kéo Len	SV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 16' 54"	104° 42' 11"					F-48-90-A
Suối Khâm	TV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn			20° 17' 10"	104° 37' 34"	20° 17' 56"	104° 37' 16"	F-48-90-A
đội Km 76	DC	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 16' 33"	104° 41' 56"					F-48-90-A
bản Km 83	DC	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 17' 27"	104° 39' 07"					F-48-90-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
đội Km 84	DC	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 17' 26"	104° 38' 53"					F-48-90-A
Sông Luồng	TV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn			20° 18' 18"	104° 37' 03"	20° 24' 07"	105° 04' 37"	F-48-90-A
bản Na Mèo	DC	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 17' 59"	104° 37' 34"					F-48-90-A
cửa khẩu Na Mèo	KX	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 17' 48"	104° 37' 08"					F-48-90-A
bản Na Poọng	DC	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 16' 35"	104° 39' 47"					F-48-90-A
suối Nặm Sôi	TV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn			20° 16' 29"	104° 36' 32"	20° 17' 51"	104° 37' 08"	F-48-90-A
núi Pha Bo	SV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 18' 20"	104° 42' 18"					F-48-90-A
núi Pha Sần	SV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 18' 21"	104° 40' 19"					F-48-90-A
núi Pù Cút	SV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 14' 48"	104° 40' 48"					F-48-90-C
núi Pù Páo	SV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 14' 38"	104° 40' 12"					F-48-90-C
Suối Pun	TV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn			20° 19' 11"	104° 37' 48"	20° 18' 17"	104° 37' 37"	F-48-90-A
bản Sa Ná	DC	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 19' 01"	104° 41' 10"					F-48-90-A
Bản Son	DC	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 19' 27"	104° 40' 26"					F-48-90-A
Suối Son	TV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn			20° 22' 13"	104° 37' 46"	20° 18' 08"	104° 41' 17"	F-48-90-A
bản Sộp Huối	DC	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 17' 28"	104° 40' 26"					F-48-90-A
huổi Ta Ngươn	TV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn			20° 21' 23"	104° 36' 51"	20° 18' 01"	104° 36' 58"	F-48-90-A
quốc lộ 217	KX	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-90-B
Bản Ban	DC	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 16' 26"	104° 48' 58"					F-48-90-B
Bản Bun	DC	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 16' 31"	104° 49' 42"					F-48-90-B
Suối Côi	TV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn			20° 14' 05"	104° 47' 46"	20° 14' 59"	104° 47' 38"	F-48-90-D
Huối Hặc	TV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn			20° 13' 19"	104° 46' 39"	20° 14' 23"	104° 44' 37"	F-48-90-(A,B,C,D)
eo Len Mường	SV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 16' 27"	104° 51' 31"					F-48-90-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
suối Lọng Na	TV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn			20° 14' 09"	104° 49' 12"	20° 15' 28"	104° 48' 14"	F-48-90-B, F-48-90-D
Sông Luồng	TV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn			20° 18' 18"	104° 37' 03"	20° 24' 07"	105° 04' 37"	F-48-90-B
bản Na Hồ	DC	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 18' 12"	104° 50' 42"					F-48-90-B
bản Na Lộc	DC	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 16' 27"	104° 47' 10"					F-48-90-B
bản Na Nghịu	DC	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 16' 36"	104° 46' 59"					F-48-90-B
bản Na Phường	DC	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 19' 12"	104° 50' 06"					F-48-90-B
Bản Ngàm	DC	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 16' 59"	104° 48' 18"					F-48-90-B
Bản Nhài	DC	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 16' 33"	104° 46' 23"					F-48-90-B
núi Pa Sần	SV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 20' 27"	104° 48' 50"					F-48-90-B
núi Pha Lon	SV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 18' 23"	104° 48' 09"					F-48-90-B
núi Pha Phanh	SV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 18' 54"	104° 52' 16"					F-48-90-B
núi Pha Yếc	SV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 13' 58"	104° 49' 52"					F-48-90-D
núi Pu Báo	SV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 15' 30"	104° 50' 02"					F-48-90-B
núi Pu Ngòi	SV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 15' 58"	104° 51' 29"					F-48-90-B
núi Pù Xà Lầy	SV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 12' 05"	104° 46' 01"					F-48-90-D
Bản Sủa	DC	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 18' 45"	104° 50' 24"					F-48-90-B
bản Tân Sơn	DC	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 16' 37"	104° 46' 19"					F-48-90-B
pu Tén Chồng	SV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 13' 49"	104° 47' 42"					F-48-90-D
bản Xa Mang	DC	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 14' 54"	104° 47' 24"					F-48-90-D
suối Xa Mang	TV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn			20° 14' 32"	104° 45' 44"	20° 18' 10"	104° 50' 37"	F-48-90-D
Bản Hạ	DC	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 13' 57"	104° 56' 20"					F-48-90-D
Suối Hạ	TV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn			20° 10' 01"	104° 58' 23"	20° 14' 44"	104° 56' 13"	F-48-90-D
núi Keo Lanh	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 13' 02"	104° 56' 02"					F-48-90-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Suối Khoa	TV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn			20° 07' 46"	104° 57' 34"	20° 06' 45"	104° 58' 48"	F-48-90-D
Bản Làng	DC	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 14' 28"	104° 56' 28"					F-48-90-D
Bản Lầu	DC	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 13' 17"	104° 57' 47"					F-48-90-D
Sông Lò	TV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn			20° 09' 53"	104° 51' 54"	20° 22' 47"	105° 06' 00"	F-48-90-D
Pu Măn	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 14' 27"	105° 00' 22"					F-48-91-C
Suối Mằn	TV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn			20° 14' 17"	104° 58' 55"	20° 14' 29"	104° 56' 35"	F-48-90-D
bản Nà Ơi	DC	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 13' 30"	104° 56' 38"					F-48-90-D
bản Nà Sắng	DC	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 13' 56"	104° 56' 53"					F-48-90-D
núi Nhót Huối Khà	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 15' 10"	104° 58' 26"					F-48-90-B
núi Pha Han	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 14' 08"	104° 55' 02"					F-48-90-D
núi Pha Hào	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 12' 21"	104° 57' 18"					F-48-90-D
núi Pha Lanh	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 11' 41"	104° 55' 44"					F-48-90-D
núi Pha Mè	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 11' 08"	104° 56' 06"					F-48-90-D
núi Pha Muốp	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 13' 20"	104° 55' 48"					F-48-90-D
núi Pha Ngàm	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 12' 40"	104° 55' 44"					F-48-90-D
núi Pom Cơ No	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 09' 33"	104° 57' 36"					F-48-90-D
núi Pù Lung Linh	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 08' 04"	104° 57' 47"					F-48-90-D
núi Sắn Căng	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 13' 13"	105° 00' 11"					F-48-91-C
núi Săn Pom Nưa	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 13' 59"	104° 58' 01"					F-48-90-D
pu Sơ Lát	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 05' 57"	104° 58' 26"					F-48-90-D
pu Sư Na Nọi	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 08' 20"	104° 59' 13"					F-48-90-D
Suối Tái	TV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn			20° 11' 17"	104° 57' 29"	20° 13' 52"	104° 56' 13"	F-48-90-D
Bản Xum	DC	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 11' 42"	104° 59' 06"					F-48-90-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
quốc lộ 217	KX	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-90-(B,D)
Bản Bìn	DC	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 16' 13"	104° 52' 12"					F-48-90-B
Bản Bon	DC	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 15' 06"	104° 55' 37"					F-48-90-B
núi Eo Hiên	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 15' 57"	104° 55' 24"					F-48-90-B
Bản Hao	DC	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 15' 35"	104° 54' 11"					F-48-90-B
Bản Hẹ	DC	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 15' 48"	104° 54' 00"					F-48-90-B
eo Len Mường	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 16' 27"	104° 51' 31"					F-48-90-B
Sông Lò	TV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn			20° 09' 53"	104° 51' 54"	20° 22' 47"	105° 06' 00"	F-48-90-B, F-48-90-D
núi Pa Pa	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 18' 02"	104° 53' 55"					F-48-90-B
Bản Păng	DC	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 14' 41"	104° 55' 48"					F-48-90-D
núi Pha Đưa	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 15' 12"	104° 54' 38"					F-48-90-B
núi Pha Han	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 14' 08"	104° 55' 02"					F-48-90-D
núi Pha Phanh	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 18' 54"	104° 52' 16"					F-48-90-B
núi Pha Yếc	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 13' 58"	104° 49' 52"					F-48-90-D
núi Pu Báo	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 15' 30"	104° 50' 02"					F-48-90-B
núi Pu Khoang	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 14' 53"	104° 51' 50"					F-48-90-D
núi Pu Lâu	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 14' 37"	104° 50' 56"					F-48-90-D
núi Pu Ngòi	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 15' 58"	104° 51' 29"					F-48-90-B
núi Pu Sai	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 16' 26"	104° 55' 30"					F-48-90-B
Bản Sỏi	DC	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 15' 46"	104° 52' 14"					F-48-90-B
Suối Sỏi	TV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn			20° 14' 26"	104° 50' 36"	20° 16' 10"	104° 52' 30"	F-48-90-B
núi Tạng Lông	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 16' 43"	104° 55' 19"					F-48-90-B
núi Tén Chong	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 17' 50"	104° 54' 07"					F-48-90-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Tén Trương	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 17' 07"	104° 54' 26"					F-48-90-B
Suối Tuốp	TV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn			20° 16' 10"	104° 52' 30"	20° 15' 11"	104° 55' 01"	F-48-90-B
Pha Cày	SV	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 24' 37"	104° 47' 55"					F-48-90-B
Bản Chanh	DC	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 21' 28"	104° 47' 02"					F-48-90-B
bản Chung Sơn	DC	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 18' 56"	104° 44' 35"					F-48-90-A
Bản Cóc	DC	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 19' 30"	104° 45' 47"					F-48-90-B
pha Hang Cáp	SV	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 21' 52"	104° 45' 50"					F-48-90-B
Pha Hen	SV	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 18' 08"	104° 45' 54"					F-48-90-B
Bản Hiết	DC	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 20' 21"	104° 45' 50"					F-48-90-B
pha Hin Lệch	SV	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 20' 57"	104° 42' 32"					F-48-90-A
Bản Khà	DC	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 22' 26"	104° 43' 52"					F-48-90-A
Pu Khằng	SV	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 21' 12"	104° 48' 00"					F-48-90-B
Suối Khua	TV	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn			20° 24' 14"	104° 40' 59"	20° 22' 38"	104° 42' 36"	F-48-90-A
Sông Luồng	TV	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn			20° 18' 18"	104° 37' 03"	20° 24' 07"	105° 04' 37"	F-48-90-(A,B)
bản Mùa Xuân	DC	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 21' 37"	104° 41' 42"					F-48-90-A
Bản Muống	DC	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 19' 56"	104° 45' 18"					F-48-90-B
Suối Muống	TV	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn			20° 21' 13"	104° 43' 52"	20° 19' 50"	104° 45' 12"	F-48-90-A
Pu Ôi	SV	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 23' 24"	104° 48' 24"					F-48-90-B
núi Pa Sần	SV	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 20' 46"	104° 48' 37"					F-48-90-B
Suối Pấn	TV	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn			20° 20' 36"	104° 45' 11"	20° 20' 13"	104° 45' 43"	F-48-90-B
núi Pha Bo	SV	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 18' 20"	104° 42' 18"					F-48-90-A
núi Pha Rùa	SV	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 18' 18"	104° 44' 10"					F-48-90-A
Pha Pung	SV	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 20' 38"	104° 47' 46"					F-48-90-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
suối Sa Lước	TV	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn			20° 21' 19"	104° 41' 19"	20° 22' 38"	104° 42' 36"	F-48-90-A
hủa Sía Nhay	TV	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn			20° 23' 05"	104° 39' 18"	20° 23' 31"	104° 40' 19"	F-48-90-A
póm Tai Xấy	SV	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 23' 32"	104° 44' 27"					F-48-90-A
bản Thủy Chung	DC	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 19' 07"	104° 44' 49"					F-48-90-A
bản Thủy Sơn	DC	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 18' 56"	104° 44' 53"					F-48-90-A
bản Thủy Thành	DC	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 19' 25"	104° 43' 16"					F-48-90-A
Suối Xia	TV	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn			20° 22' 38"	104° 42' 36"	20° 18' 58"	104° 44' 46"	F-48-90-A, F-48-90-B
bản Xía Nọi	DC	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 23' 09"	104° 41' 49"					F-48-90-A
suối Xia Tốp	TV	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn			20° 23' 31"	104° 40' 19"	20° 22' 38"	104° 42' 36"	F-48-90-A
bản Xuân Thành	DC	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 18' 46"	104° 43' 30"					F-48-90-A
núi Bom Co Mơ	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 09' 33"	104° 57' 36"					F-48-90-D
núi Bom Co Mòn	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 10' 32"	104° 54' 36"					F-48-90-D
pom Co Lầu	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 12' 15"	104° 54' 54"					F-48-90-D
Bản Hát	DC	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 14' 14"	104° 54' 00"					F-48-90-D
Bản Hậu	DC	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 13' 29"	104° 54' 11"					F-48-90-D
núi Keo Lanh	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 13' 02"	104° 56' 02"					F-48-90-D
Suối Khà	TV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn			20° 10' 51"	104° 56' 15"	20° 11' 21"	104° 52' 37"	F-48-90-D
Sông Lò	TV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn			20° 09' 53"	104° 51' 54"	20° 22' 47"	105° 06' 00"	F-48-90-D
Pu Móc	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 07' 23"	104° 56' 46"					F-48-90-D
Bản Muống	DC	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 13' 17"	104° 54' 32"					F-48-90-D
núi Pha Han	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 14' 08"	104° 55' 02"					F-48-90-D
núi Pha Lanh	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 11' 41"	104° 55' 44"					F-48-90-D
núi Pha Lanh	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 13' 49"	104° 50' 10"					F-48-90-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Pha Mé	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 10' 03"	104° 56' 20"					F-48-90-D
núi Phả Mé	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 11' 08"	104° 56' 06"					F-48-90-D
núi Pha Mốt	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 10' 24"	104° 56' 49"					F-48-90-D
núi Pha Muốp	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 13' 20"	104° 55' 48"					F-48-90-D
phu Phả Mựt	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 09' 30"	104° 55' 12"					F-48-90-D
núi Pha Ngàm	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 12' 40"	104° 55' 44"					F-48-90-D
núi Pha sần	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 11' 17"	104° 54' 14"					F-48-90-D
bản Piềng Khóe	DC	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 12' 27"	104° 53' 35"					F-48-90-D
núi Pu Khoang	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 14' 53"	104° 51' 50"					F-48-90-D
núi Pu Khóe	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 13' 20"	104° 51' 22"					F-48-90-D
núi Pu Lâu	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 14' 37"	104° 50' 56"					F-48-90-D
núi Pù Lung Linh	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 08' 04"	104° 57' 47"					F-48-90-D
Bản Sại	DC	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 12' 36"	104° 53' 46"					F-48-90-D
phu Sang Si	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 09' 01"	104° 55' 37"					F-48-90-D
Bản Tình	DC	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 14' 21"	104° 52' 48"					F-48-90-D
suối Nậm Mộ	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn			20° 09' 13"	104° 54' 07"	20° 09' 53"	104° 51' 54"	F-48-90-D
suối Áng Ngước Nọi	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn			20° 08' 37"	104° 51' 30"	20° 08' 55"	104° 51' 14"	F-48-90-D
suối Áng Ngước Tốp	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn			20° 09' 03"	104° 50' 20"	20° 08' 54"	104° 51' 11"	F-48-90-D
núi Bom Co Mòn	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 10' 32"	104° 54' 36"					F-48-90-D
Bản Bôn	DC	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 11' 25"	104° 52' 12"					F-48-90-D
bản Cha Lung	DC	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 12' 25"	104° 51' 04"					F-48-90-D
Suối Dốc	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn			20° 10' 27"	104° 49' 35"	20° 09' 25"	104° 51' 32"	F-48-90-D
Phu Hao	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 09' 24"	104° 49' 44"					F-48-90-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Suối Khà	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn			20° 10' 51"	104° 56' 15"	20° 11' 21"	104° 52' 37"	F-48-90-D
Bản Kham	DC	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 11' 01"	104° 52' 01"					F-48-90-D
Sông Lò	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn			20° 09' 53"	104° 51' 54"	20° 22' 47"	105° 06' 00"	F-48-90-D
Suối Loang	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn			20° 11' 21"	104° 49' 12"	20° 12' 17"	104° 50' 53"	F-48-90-D
Suối Lôn	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn			20° 09' 19"	104° 50' 30"	20° 09' 08"	104° 51' 11"	F-48-90-D
phu Lung Tạo	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 08' 54"	104° 53' 10"					F-48-90-D
Bản Mò	DC	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 11' 35"	104° 53' 24"					F-48-90-D
bản Nà Ấu	DC	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 11' 47"	104° 52' 52"					F-48-90-D
suối Nặm Mò	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn			20° 08' 55"	104° 51' 14"	20° 09' 53"	104° 51' 54"	F-48-90-D
Bản Ngàm	DC	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 11' 11"	104° 52' 34"					F-48-90-D
Bản Pa	DC	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 12' 35"	104° 50' 02"					F-48-90-D
Suối Pa	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn			20° 13' 02"	104° 48' 10"	20° 12' 17"	104° 50' 53"	F-48-90-D
núi Pha Lanh	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 13' 49"	104° 50' 10"					F-48-90-D
phu Phả Mựt	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 09' 30"	104° 55' 12"					F-48-90-D
núi Pha Sần	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 11' 17"	104° 54' 14"					F-48-90-D
Bản Phe	DC	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 12' 05"	104° 51' 54"					F-48-90-D
Suối Phe	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn			20° 12' 17"	104° 50' 53"	20° 11' 33"	104° 52' 37"	F-48-90-D
núi Phu Yếc	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 13' 58"	104° 49' 52"					F-48-90-D
Suối Phúm	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn			20° 10' 45"	104° 50' 42"	20° 10' 14"	104° 51' 47"	F-48-90-D
bản Piềng Pa	DC	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 11' 36"	104° 52' 30"					F-48-90-D
núi Pu Khóe	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 13' 20"	104° 51' 22"					F-48-90-D
núi Pù Xà Lầy	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 12' 05"	104° 46' 01"					F-48-90-D
Suối Pum	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn			20° 13' 07"	104° 50' 44"	20° 12' 46"	104° 50' 28"	F-48-90-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
sải Sạ Lạy	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 10' 22"	104° 48' 54"					F-48-90-D
sải Sảm Hèm	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 10' 50"	104° 48' 04"					F-48-90-D
núi Sảm Liềm	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 11' 58"	104° 46' 23"					F-48-90-D
Đồn Biên phòng Tam Thanh	KX	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 12' 01"	104° 53' 17"					F-48-90-D
pu Tén Chồng	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 13' 49"	104° 47' 42"					F-48-90-D
quốc lộ 217	KX	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-91-A-c
Bản Bá	DC	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 17' 48"	105° 03' 25"					F-48-91-A-c
Suối Bá	TV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn			20° 16' 21"	105° 03' 47"	20° 18' 23"	105° 03' 00"	F-48-91-A-c
Suối Cánh	TV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn			20° 20' 07"	105° 01' 34"	20° 18' 43"	105° 02' 02"	F-48-91-A-c
bản Chiềng Xầy	DC	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 18' 00"	105° 02' 24"					F-48-91-A-c
pu Có Nọi	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 20' 57"	105° 01' 53"					F-48-91-A-c
Bản Din	DC	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 18' 39"	105° 01' 41"					F-48-91-A-c
núi Hang Dơi	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 19' 48"	105° 00' 26"					F-48-91-A-c
núi Hang Khoai	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 16' 44"	105° 03' 09"					F-48-91-A-c
núi Hang Lươm	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 18' 13"	105° 04' 08"					F-48-91-A-c
núi Hín Chay	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 17' 46"	105° 01' 44"					F-48-91-A-c
Pu Hô	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 18' 20"	105° 04' 41"					F-48-91-A-c
pom Huối Bo	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 20' 58"	105° 00' 38"					F-48-91-A-c
Bản Lang	DC	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 17' 34"	105° 04' 16"					F-48-91-A-c
Sông Lò	TV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn			20° 09' 53"	104° 51' 54"	20° 22' 47"	105° 06' 00"	F-48-91-A-c
Bản Lợi	DC	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 19' 01"	105° 01' 19"					F-48-91-A-c
Suối Lợi	TV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn			20° 19' 37"	105° 00' 54"	20° 18' 47"	105° 01' 30"	F-48-91-A-c
đồi Lung Nhung	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 17' 25"	105° 05' 06"					F-48-91-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Pu Nga	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 16' 21"	105° 04' 51"					F-48-91-A-c
pom Pa Chè	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 16' 47"	105° 05' 01"					F-48-91-A-c
núi Pha Lăng Héo	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 18' 40"	105° 01' 05"					F-48-91-A-c
núi Pha Lanh	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 19' 09"	105° 00' 50"					F-48-91-A-c
núi Pu Huống	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 18' 51"	105° 02' 53"					F-48-91-A-c
núi Săn Căng	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 17' 57"	105° 04' 59"					F-48-91-A-c
núi Săn Chưa Dượng	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 19' 59"	105° 00' 22"					F-48-91-A-c
núi Săn Hin Cáp	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 19' 03"	105° 02' 28"					F-48-91-A-c
núi Săn Pa Bua	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 18' 48"	105° 00' 58"					F-48-91-A-c
suối Si Ly	TV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn			20° 17' 49"	105° 01' 34"	20° 18' 26"	105° 01' 12"	F-48-91-A-c
núi Tén Lầu	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 18' 04"	105° 01' 55"					F-48-91-A-c
Bản Xanh	DC	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 16' 56"	105° 03' 58"					F-48-91-A-c
Bản Xầy	DC	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 18' 11"	105° 02' 42"					F-48-91-A-c
Suối Xầy	TV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn			20° 16' 20"	105° 03' 14"	20° 18' 24"	105° 02' 46"	F-48-91-A-c
quốc lộ 217	KX	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-90-B, F-48-91-A-c
Bản Bách	DC	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 17' 15"	104° 59' 13"					F-48-90-B
Bản Bàng	DC	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 17' 37"	104° 56' 13"					F-48-90-B
Bản Bôn	DC	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 16' 48"	104° 57' 36"					F-48-90-B
Bản Khạn	DC	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 17' 58"	104° 57' 58"					F-48-90-B
Huối Khạn	TV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn			20° 18' 24"	104° 57' 32"	20° 16' 50"	104° 58' 08"	F-48-90-B
Sông Lò	TV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn			20° 09' 53"	104° 51' 54"	20° 22' 47"	105° 06' 00"	F-48-91-A-c
Bản Máy	DC	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 17' 02"	104° 56' 38"					F-48-90-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Huối Máy	TV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn			20° 19' 04"	104° 55' 59"	20° 16' 49"	104° 57' 25"	F-48-90-B
Bản Ngàm	DC	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 16' 49"	104° 58' 37"					F-48-90-B
Huối Ngàm	TV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn			20° 15' 27"	104° 59' 03"	20° 16' 54"	104° 58' 30"	F-48-90-B
núi Nhót Huối Khà	SV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 15' 10"	104° 58' 26"					F-48-90-B
núi Pa Pa	SV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 18' 02"	104° 53' 55"					F-48-90-B
núi Pha Đen Đin	SV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 15' 30"	104° 57' 29"					F-48-90-B
núi Phòng Không	SV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 16' 37"	104° 56' 35"					F-48-90-B
núi Pu Sai	SV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 16' 26"	104° 55' 30"					F-48-90-B
núi Tạng Lông	SV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 16' 43"	104° 55' 19"					F-48-90-B
núi Tén Chong	SV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 17' 50"	104° 54' 07"					F-48-90-B
núi Tén Trương	SV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 17' 07"	104° 54' 26"					F-48-90-B
Phá Tót	SV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 17' 16"	104° 57' 32"					F-48-90-B
tiểu khu 22	DC	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 18' 17"	105° 01' 05"					F-48-91-A-c
quốc lộ 217	KX	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-90-B, F-48-91-A-c
pu Cánh Tiên	SV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 17' 32"	105° 01' 30"					F-48-91-A-c
Bản Chè	DC	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 17' 18"	105° 00' 20"					F-48-91-A-c
Bản Cum	DC	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 16' 42"	105° 00' 32"					F-48-91-A-c
Huối Cum	TV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn			20° 15' 45"	105° 01' 29"	20° 17' 19"	105° 00' 11"	F-48-91-A-c
Pu Dạ	SV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 17' 27"	105° 00' 50"					F-48-91-A-c
Bản Đe	DC	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 19' 29"	104° 58' 58"					F-48-90-B
Huối Đe	TV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn			20° 20' 20"	104° 57' 46"	20° 18' 00"	105° 00' 22"	F-48-90-B,
Pha Đoan	SV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 15' 41"	105° 01' 44"					F-48-91-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Hang Dơi	SV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 19' 48"	105° 00' 26"					F-48-91-A-c
núi Hín Chay	SV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 17' 46"	105° 01' 44"					F-48-91-A-c
Bản Lâm	DC	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 17' 49"	105° 00' 32"					F-48-91-A-c
Pom Lau	SV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 20' 06"	104° 59' 10"					F-48-90-B
Sông Lò	TV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn			20° 09' 53"	104° 51' 54"	20° 22' 47"	105° 06' 00"	F-48-91-A-c F-48-90-B
Bản Lốc	DC	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 17' 46"	105° 00' 54"					F-48-91-A-c
núi Pha Lăng Héo	SV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 18' 40"	105° 01' 05"					F-48-91-A-c
núi Pha Lanh	SV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 19' 09"	105° 00' 50"					F-48-91-A-c
Pu Phang	SV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 16' 05"	105° 01' 19"					F-48-91-A-c
Bản Pọng	DC	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 18' 55"	104° 59' 35"					F-48-90-B
núi Săn Co Hăm	SV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 19' 47"	105° 00' 07"					F-48-91-A-c
núi Săn Pa Bua	SV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 18' 48"	105° 00' 58"					F-48-91-A-c
Huối Sến	TV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn			20° 19' 20"	105° 00' 25"	20° 18' 29"	105° 01' 04"	F-48-91-A-c
suối Si Ly	TV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn			20° 17' 49"	105° 01' 34"	20° 18' 26"	105° 01' 12"	F-48-91-A-c
Bản Tong	DC	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 18' 11"	105° 00' 47"					F-48-91-A-c
núi Buốc Mu	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 22' 26"	105° 05' 02"					F-48-91-A-c
săn Buốc Mu	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 22' 08"	105° 05' 13"					F-48-91-A-c
Bản Cạn	DC	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 19' 01"	105° 03' 23"					F-48-91-A-c
Pu Cạn	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 20' 44"	105° 02' 32"					F-48-91-A-c
pu Có Nọi	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 20' 57"	105° 01' 53"					F-48-91-A-c
Pha Đanh	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 18' 49"	105° 05' 17"					F-48-91-A-c
Pha Đón	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 21' 04"	105° 07' 08"					F-48-91-A-c
Pu Hô	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 18' 20"	105° 04' 41"					F-48-91-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Hoa Ngoằng	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 20' 36"	105° 03' 29"					F-48-91-A-c
Bản La	DC	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 19' 26"	105° 04' 12"					F-48-91-A-c
Suối La	TV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn			20° 18' 46"	105° 04' 52"	20° 19' 41"	105° 04' 16"	F-48-91-A-c
Sông Lò	TV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn			20° 09' 53"	104° 51' 54"	20° 22' 47"	105° 06' 00"	F-48-91-A-c
Nặm Lung	TV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn			20° 22' 43"	105° 05' 13"	20° 22' 24"	105° 05' 46"	F-48-91-A-c
Pha Lý	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 21' 23"	105° 06' 00"					F-48-91-A-c
Bản Mòn	DC	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 19' 55"	105° 04' 08"					F-48-91-A-c
Bản Muống	DC	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 20' 55"	105° 04' 37"					F-48-91-A-c
Pha Muống	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 21' 49"	105° 04' 12"					F-48-91-A-c
suối Na Ngón	TV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn			20° 20' 17"	105° 06' 30"	20° 21' 21"	105° 05' 38"	F-48-91-A-c
núi Nóc Ngua	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 22' 14"	105° 05' 06"					F-48-91-A-c
Pha Ong	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 20' 40"	105° 03' 43"					F-48-91-A-c
Suối Ong	TV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn			20° 20' 54"	105° 04' 01"	20° 20' 32"	105° 04' 41"	F-48-91-A-c
núi Pa Đay	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 21' 25"	105° 03' 42"					F-48-91-A-c
núi Pa Hịa	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 19' 57"	105° 07' 21"					F-48-91-A-c
núi Pha Mò	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 21' 49"	105° 06' 24"					F-48-91-A-c
Pha Phụ	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 21' 32"	105° 06' 42"					F-48-91-A-c
bản Phú Nam	DC	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 20' 00"	105° 05' 20"					F-48-91-A-c
Bản Phụn	DC	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 20' 22"	105° 04' 48"					F-48-91-A-c
Suối Phụn	TV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn			20° 18' 32"	105° 05' 42"	20° 20' 30"	105° 04' 44"	F-48-91-A-c
bản Piềng Phố	DC	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 20' 01"	105° 04' 37"					F-48-91-A-c
núi Pu Huống	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 18' 51"	105° 02' 53"					F-48-91-A-c
núi Săn Căng	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 17' 57"	105° 04' 59"					F-48-91-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Săn Hin Cáp	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 19' 03"	105° 02' 28"					F-48-91-A-c
núi Tén Luông	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 21' 11"	105° 03' 42"					F-48-91-A-c
núi Tre Luống	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 20' 56"	105° 03' 08"					F-48-91-A-c
khu phố 1	DC	TT. Vân Du	H. Thạch Thành	20° 08' 34"	105° 44' 02"					F-48-92-C-b
khu phố 2	DC	TT. Vân Du	H. Thạch Thành	20° 08' 41"	105° 44' 10"					F-48-92-C-b
khu phố 3	DC	TT. Vân Du	H. Thạch Thành	20° 08' 50"	105° 44' 13"					F-48-92-C-b
khu phố 4	DC	TT. Vân Du	H. Thạch Thành	20° 08' 25"	105° 44' 24"					F-48-92-C-b
đường tỉnh 522	KX	TT. Vân Du	H. Thạch Thành			20° 04' 03"	105° 51' 00"	20° 12' 37"	105° 36' 50"	F-48-92-C-b
dốc Càng Cua	SV	TT. Vân Du	H. Thạch Thành	20° 07' 54"	105° 44' 02"					F-48-92-C-b
Khu phố Cát	DC	TT. Vân Du	H. Thạch Thành	20° 08' 56"	105° 44' 06"					F-48-92-C-b
đồi Đồng Sổ	SV	TT. Vân Du	H. Thạch Thành	20° 08' 06"	105° 44' 34"					F-48-92-C-b
khu phố Lọng Ngọc	DC	TT. Vân Du	H. Thạch Thành	20° 08' 07"	105° 44' 13"					F-48-92-C-b
khu phố Long Vân	DC	TT. Vân Du	H. Thạch Thành	20° 08' 37"	105° 44' 35"					F-48-92-C-b
Nhà máy Đường Việt Đài	KX	TT. Vân Du	H. Thạch Thành	20° 08' 48"	105° 43' 55"					F-48-92-C-b
khu phố 1	DC	TT. Kim Tân	H. Thạch Thành	20° 08' 02"	105° 40' 37"					F-48-92-C-b
khu phố 2	DC	TT. Kim Tân	H. Thạch Thành	20° 07' 57"	105° 40' 19"					F-48-92-C-b
khu phố 3	DC	TT. Kim Tân	H. Thạch Thành	20° 07' 39"	105° 40' 04"					F-48-92-C-b
khu phố 4	DC	TT. Kim Tân	H. Thạch Thành	20° 07' 39"	105° 39' 40"					F-48-92-C-b
khu phố 5	DC	TT. Kim Tân	H. Thạch Thành	20° 07' 40"	105° 40' 05"					F-48-92-C-b
khu phố 6	DC	TT. Kim Tân	H. Thạch Thành	20° 07' 49"	105° 39' 29"					F-48-92-C-b
quốc lộ 45	KX	TT. Kim Tân	H. Thạch Thành			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	F-48-92-C-b
Sông Bưởi	TV	TT. Kim Tân	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-b
cầu Nổ Soái	KX	TT. Kim Tân	H. Thạch Thành	20° 08' 09"	105° 40' 41"					F-48-92-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Dọc Dành	DC	xã Ngọc Trạo	H. Thạch Thành	20° 05' 49"	105° 46' 08"					F-48-92-D-c
hồ Đồng Ngư	TV	xã Ngọc Trạo	H. Thạch Thành	20° 05' 45"	105° 42' 58"					F-48-92-C-d
thôn Ngọc An	DC	xã Ngọc Trạo	H. Thạch Thành	20° 05' 08"	105° 44' 06"					F-48-92-C-d
thôn Ngọc Long	DC	xã Ngọc Trạo	H. Thạch Thành	20° 05' 48"	105° 45' 25"					F-48-92-D-c
thôn Ngọc Thanh	DC	xã Ngọc Trạo	H. Thạch Thành	20° 05' 01"	105° 46' 19"					F-48-92-D-c
thôn Ngọc Trạo	DC	xã Ngọc Trạo	H. Thạch Thành	20° 05' 19"	105° 44' 56"					F-48-92-C-d
núi Tây Neo Bồ	SV	xã Ngọc Trạo	H. Thạch Thành	20° 04' 11"	105° 43' 39"					F-48-92-C-d
thôn Thiềm Niêm	DC	xã Ngọc Trạo	H. Thạch Thành	20° 05' 29"	105° 45' 40"					F-48-92-D-c
suối Vạn Bảo	TV	xã Ngọc Trạo	H. Thạch Thành			20° 06' 28"	105° 46' 44"	20° 04' 39"	105° 46' 51"	F-48-92-D-c
thôn Án Đình	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 09' 21"	105° 37' 12"					F-48-92-C-a
thôn Án Kim	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 09' 59"	105° 36' 43"					F-48-92-C-a
thôn Án Long	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 09' 42"	105° 36' 59"					F-48-92-C-a
thôn Án Phượng	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 09' 43"	105° 36' 49"					F-48-92-C-a
thôn Án Sơn	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 09' 57"	105° 36' 52"					F-48-92-C-a
thôn Bằng Lợi	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 10' 09"	105° 35' 31"					F-48-92-C-a
thôn Bằng Phú	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 09' 47"	105° 35' 49"					F-48-92-C-a
Sông Bưởi	TV	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-b
thôn Châu Sơn	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 09' 08"	105° 36' 07"					F-48-92-C-a
đồi Chồng Mâm	SV	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 10' 02"	105° 35' 29"					F-48-92-C-a
đồi Gò La	SV	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 09' 25"	105° 36' 02"					F-48-92-C-a
thôn Gò La	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 09' 41"	105° 36' 18"					F-48-92-C-a
thôn Thanh Giang	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 09' 50"	105° 37' 37"					F-48-92-C-b
thôn Yên Khánh	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 10' 16"	105° 37' 20"					F-48-92-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Yên Phú	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 10' 42"	105° 37' 16"					F-48-92-C-a
thôn Yên Thanh	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 10' 03"	105° 37' 28"					F-48-92-C-a
núi Bai Làng	SV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 15' 25"	105° 30' 52"					F-48-92-A-c
xóm Bu Bu	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 14' 58"	105° 31' 26"					F-48-92-C-a
Sông Bưởi	TV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-a, F-48-92-A-c
thôn Cẩm Lợi 1	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 14' 30"	105° 33' 32"					F-48-92-C-a
thôn Cẩm Lợi 2	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 14' 38"	105° 33' 19"					F-48-92-C-a
thôn Cẩm Mới	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 15' 35"	105° 32' 39"					F-48-92-A-c
đồi Cây Sú	SV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 15' 14"	105° 31' 56"					F-48-92-A-c
Đồi Chu	SV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 14' 20"	105° 32' 01"					F-48-92-C-a
núi Có Bương	SV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 14' 24"	105° 30' 44"					F-48-92-C-a
Đồi Con	SV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 13' 53"	105° 33' 32"					F-48-92-C-a
Đồi Đồng	SV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 13' 46"	105° 30' 38"					F-48-92-C-a
xóm Đồng Tân	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 15' 07"	105° 31' 54"					F-48-92-A-c
thôn Đồng Tiến	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 14' 51"	105° 32' 00"					F-48-92-C-a
núi Hang Khuôn	SV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 14' 14"	105° 34' 09"					F-48-92-C-a
hồ Khe Môn	TV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 16' 00"	105° 31' 55"					F-48-92-A-c
xóm Làng Cầu	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 16' 03"	105° 31' 48"					F-48-92-A-c
đồi Ổ Tráng	SV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 12' 57"	105° 33' 15"					F-48-92-C-a
xóm Thạch Lũng	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 14' 33"	105° 33' 34"					F-48-92-C-a
thôn Thạch Môn	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 15' 55"	105° 32' 11"					F-48-92-A-c
thôn Thạch Yến 1	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 14' 57"	105° 33' 00"					F-48-92-A-c
thôn Thạch Yến 2	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 15' 07"	105° 32' 39"					F-48-92-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Thành Long	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 14' 01"	105° 33' 52"					F-48-92-C-a
xóm Thành Minh	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 14' 11"	105° 33' 50"					F-48-92-C-a
thôn Thành Quang	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 13' 39"	105° 34' 13"					F-48-92-C-a
cầu phao Thành Vinh	KX	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 13' 33"	105° 35' 20"					F-48-92-C-a
Núi Thờ	SV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 14' 37"	105° 34' 00"					F-48-92-C-a
đồi Thung Gai	SV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 15' 23"	105° 32' 12"					F-48-92-A-c
đồi Vó Nước	SV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 15' 34"	105° 31' 46"					F-48-92-A-c
đồi Vó Vàng	SV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 15' 56"	105° 31' 35"					F-48-92-A-c
thôn Xuân Long	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 13' 09"	105° 34' 43"					F-48-92-C-a
hồ Xuân Lũng	TV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 12' 49"	105° 34' 08"					F-48-92-C-a
thôn Xuân Thắng	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 12' 51"	105° 34' 32"					F-48-92-C-a
thôn Xuân Tiến	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 13' 29"	105° 34' 11"					F-48-92-C-a
Sông Bưởi	TV	xã Thạch Định	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-b
thôn Định Cát	DC	xã Thạch Định	H. Thạch Thành	20° 07' 57"	105° 40' 04"					F-48-92-C-b
thôn Định Hưng	DC	xã Thạch Định	H. Thạch Thành	20° 07' 58"	105° 39' 34"					F-48-92-C-b
thôn Định Tân	DC	xã Thạch Định	H. Thạch Thành	20° 08' 23"	105° 39' 19"					F-48-92-C-b
thôn Định Tường	DC	xã Thạch Định	H. Thạch Thành	20° 08' 36"	105° 38' 57"					F-48-92-C-b
thôn Thạch An	DC	xã Thạch Định	H. Thạch Thành	20° 09' 09"	105° 38' 51"					F-48-92-C-b
thôn Thạch Toàn	DC	xã Thạch Định	H. Thạch Thành	20° 09' 35"	105° 38' 41"					F-48-92-C-b
thôn Tiến Thành	DC	xã Thạch Định	H. Thạch Thành	20° 08' 23"	105° 39' 45"					F-48-92-C-b
Sông Bưởi	TV	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-b, F-48-92-C-d
Núi Chiêng	SV	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 09' 06"	105° 36' 58"					F-48-92-C-a
thôn Cự Môn	DC	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 08' 28"	105° 37' 52"					F-48-92-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Đại Dương	DC	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 08' 13"	105° 36' 30"					F-48-92-C-a
thôn Đại Phong	DC	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 08' 44"	105° 36' 27"					F-48-92-C-a
thôn Đồng Thịnh	DC	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 08' 32"	105° 36' 20"					F-48-92-C-a
thôn Đồng Trạch	DC	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 08' 07"	105° 38' 08"					F-48-92-C-b
thôn Duyên Linh	DC	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 07' 20"	105° 37' 50"					F-48-92-C-d
thôn Phù An	DC	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 08' 44"	105° 37' 25"					F-48-92-C-a
thôn Phù Ninh	DC	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 09' 05"	105° 37' 16"					F-48-92-C-a
đồi Rộc Sung	SV	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 07' 32"	105° 36' 33"					F-48-92-C-a
Đồi Than	SV	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 08' 40"	105° 37' 48"					F-48-92-C-b
đồi Thánh Giá	SV	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 08' 15"	105° 36' 07"					F-48-92-C-a
Núi Thờ	SV	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 08' 07"	105° 37' 03"					F-48-92-C-a
Nông trường 26/3	KX	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành	20° 18' 22"	105° 31' 37"					F-48-92-A-c
Thôn Biện	DC	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành	20° 21' 55"	105° 31' 49"					F-48-92-A-c
Đồi Bu	SV	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành	20° 22' 50"	105° 25' 41"					F-48-91-B-b
Sông Bưởi	TV	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-A-c
núi Cống Hang	SV	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành	20° 19' 37"	105° 29' 52"					F-48-91-B-d
Thôn Đăng	DC	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành	20° 21' 58"	105° 26' 59"					F-48-91-B-d
Thôn Đồi	DC	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành	20° 20' 59"	105° 31' 37"					F-48-92-A-c
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	F-48-92-A-c
Sông Ngang	TV	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành			20° 21' 47"	105° 26' 48	20° 20' 01"	105° 31' 05"	F-48-92-A-c
Suối Ngang	TV	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành			20° 22' 42"	105° 25' 09	20° 21' 47"	105° 26' 48"	F-48-92-A-c
Thôn Nghéo	DC	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành	20° 19' 43"	105° 31' 38"					F-48-92-A-c
thôn Nội Thành	DC	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành	20° 21' 46"	105° 28' 12"					F-48-91-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Thống Nhất	DC	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành	20° 20' 01"	105° 30' 56"					F-48-92-A-c
núi Thung Cắn	SV	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành	20° 22' 04"	105° 25' 00"					F-48-91-B-d
Thôn Thượng	DC	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành	20° 21' 57"	105° 26' 10"					F-48-91-B-d
Núi Voi	SV	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành	20° 19' 05"	105° 31' 31"					F-48-92-A-c
thôn 1	DC	xã Thạch Long	H. Thạch Thành	20° 06' 25"	105° 37' 37"					F-48-92-C-c
thôn 2	DC	xã Thạch Long	H. Thạch Thành	20° 07' 10"	105° 37' 26"					F-48-92-C-c
thôn 3	DC	xã Thạch Long	H. Thạch Thành	20° 07' 17"	105° 36' 41"					F-48-92-C-c
thôn 4	DC	xã Thạch Long	H. Thạch Thành	20° 07' 03"	105° 36' 22"					F-48-92-C-c
thôn 5	DC	xã Thạch Long	H. Thạch Thành	20° 07' 38"	105° 36' 16"					F-48-92-C-a
thôn 6	DC	xã Thạch Long	H. Thạch Thành	20° 07' 39"	105° 36' 45"					F-48-92-C-a
quốc lộ 45	KX	xã Thạch Long	H. Thạch Thành			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	F-48-92-C-d
Sông Bưởi	TV	xã Thạch Long	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-d, F-48-92-C-c
cầu Cổ Tế	KX	xã Thạch Long	H. Thạch Thành	20° 06' 34"	105° 37' 48"					F-48-92-C-d
đồi Hang Ma	SV	xã Thạch Long	H. Thạch Thành	20° 07' 10"	105° 35' 56"					F-48-92-C-c
đồi Rộc Sung	SV	xã Thạch Long	H. Thạch Thành	20° 07' 32"	105° 36' 33"					F-48-92-C-a
đồi Thánh Giá	SV	xã Thạch Long	H. Thạch Thành	20° 08' 15"	105° 36' 07"					F-48-92-C-a
Nông trường 26/3	KX	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 18' 22"	105° 31' 37"					F-48-92-A-c
núi Ái Nàng	SV	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 16' 36"	105° 28' 53"					F-48-91-B-d
núi Bai Làng	SV	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 15' 25"	105° 30' 52"					F-48-92-A-c
thôn Bái Thố	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 16' 26"	105° 31' 29"					F-48-92-A-c
Sông Bưởi	TV	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-A-c
Núi Bương	SV	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 18' 10"	105° 30' 43"					F-48-92-A-c
Núi Chùa	SV	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 17' 14"	105° 30' 24"					F-48-92-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Đồi Đầm	SV	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 16' 51"	105° 32' 07"					F-48-92-A-c
núi Đồng Mới	SV	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 17' 25"	105° 30' 18"					F-48-92-A-c
hồ Đồng Múc	TV	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 16' 48"	105° 30' 18"					F-48-92-A-c
thôn Đồng Múc	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 16' 44"	105° 30' 39"					F-48-92-A-c
núi Đóng Thu	SV	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 18' 15"	105° 32' 03"					F-48-92-A-c
dốc Eo Trăn	SV	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 15' 38"	105° 30' 41"					F-48-92-A-c
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	F-48-92-A-c
Thôn Mợ	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 16' 08"	105° 31' 17"					F-48-92-A-c
Núi Núc	SV	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 18' 09"	105° 31' 53"					F-48-92-A-c
Thôn Phố	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 16' 49"	105° 31' 15"					F-48-92-A-c
thôn Quảng Be	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 16' 26"	105° 31' 46"					F-48-92-A-c
thôn Quảng Bình	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 17' 23"	105° 30' 46"					F-48-92-A-c
thôn Quảng Cư	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 17' 09"	105° 31' 29"					F-48-92-A-c
thôn Quảng Giang	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 17' 48"	105° 31' 32"					F-48-92-A-c
thôn Quảng Lâm	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 17' 06"	105° 30' 29"					F-48-92-A-c
thôn Quảng Tân	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 16' 51"	105° 31' 39"					F-48-92-A-c
thôn Quảng Thành	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 16' 54"	105° 30' 56"					F-48-92-A-c
thôn Quảng Trung	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 17' 47"	105° 30' 54"					F-48-92-A-c
thôn Quảng Yên	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 17' 13"	105° 31' 11"					F-48-92-A-c
Thôn Thố	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 16' 25"	105° 31' 07"					F-48-92-A-c
Thôn Thóc	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 16' 38"	105° 31' 03"					F-48-92-A-c
núi Thung Nai	SV	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 18' 27"	105° 30' 29"					F-48-92-A-c
thôn Bái Đằng	DC	xã Thạch Sơn	H. Thạch Thành	20° 12' 17"	105° 35' 23"					F-48-92-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Bình Chính	DC	xã Thạch Sơn	H. Thạch Thành	20° 11' 23"	105° 37' 01"					F-48-92-C-a
thôn Bình Sậy	DC	xã Thạch Sơn	H. Thạch Thành	20° 11' 36"	105° 36' 34"					F-48-92-C-a
Sông Bưởi	TV	xã Thạch Sơn	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-a, F-48-92-C-b
Đồi Cao	SV	xã Thạch Sơn	H. Thạch Thành	20° 11' 41"	105° 36' 19"					F-48-92-C-a
thôn Đằng Sơn	DC	xã Thạch Sơn	H. Thạch Thành	20° 11' 38"	105° 35' 07"					F-48-92-C-a
thôn Đồng Hương	DC	xã Thạch Sơn	H. Thạch Thành	20° 11' 47"	105° 36' 06"					F-48-92-C-a
núi Hang Bống	SV	xã Thạch Sơn	H. Thạch Thành	20° 11' 52"	105° 35' 32"					F-48-92-C-a
thôn Liên Sơn	DC	xã Thạch Sơn	H. Thạch Thành	20° 10' 59"	105° 35' 50"					F-48-92-C-a
thôn Minh Sơn	DC	xã Thạch Sơn	H. Thạch Thành	20° 11' 18"	105° 36' 34"					F-48-92-C-a
núi Ông Voi	SV	xã Thạch Sơn	H. Thạch Thành	20° 12' 07"	105° 35' 14"					F-48-92-C-a
thôn Trường Sơn	DC	xã Thạch Sơn	H. Thạch Thành	20° 12' 37"	105° 35' 49"					F-48-92-C-a
khu 1	DC	xã Thạch Tân	H. Thạch Thành	20° 09' 47"	105° 38' 21"					F-48-92-C-b
khu 2	DC	xã Thạch Tân	H. Thạch Thành	20° 09' 38"	105° 38' 08"					F-48-92-C-b
khu 3	DC	xã Thạch Tân	H. Thạch Thành	20° 09' 32"	105° 38' 18"					F-48-92-C-b
khu 4	DC	xã Thạch Tân	H. Thạch Thành	20° 09' 50"	105° 37' 55"					F-48-92-C-b
Sông Bưởi	SV	xã Thạch Tân	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-b
cầu Thạch Định	KX	xã Thạch Tân	H. Thạch Thành	20° 10' 01"	105° 38' 35"					F-48-92-C-b
Đồi Than	SV	xã Thạch Tân	H. Thạch Thành	20° 08' 40"	105° 37' 48"					F-48-92-C-b
núi Ái Nàng	SV	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 16' 36"	105° 28' 53"					F-48-91-B-d
đập Bai Sao	KX	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 17' 39"	105° 29' 38"					F-48-91-B-d
Núi Cái	SV	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 20' 16"	105° 24' 53"					F-48-91-B-d
đồi Cây Mí	SV	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 19' 05"	105° 26' 19"					F-48-91-B-d
Đồi Cha	SV	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 18' 09"	105° 27' 40"					F-48-91-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Cống Hang	SV	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 19' 37"	105° 29' 52"					F-48-91-B-d
núi Đồng Mới	SV	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 17' 25"	105° 30' 18"					F-48-92-A-c
núi Eo Ngác	SV	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 17' 18"	105° 28' 09"					F-48-91-B-d
Núi Mí	SV	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 19' 24"	105° 25' 56"					F-48-91-B-d
thôn Tân Lập	DC	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 17' 52"	105° 29' 38"					F-48-91-B-d
thôn Thống Nhất	DC	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 17' 32"	105° 29' 52"					F-48-92-A-c
thôn Tượng Liên 1	DC	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 18' 47"	105° 28' 28"					F-48-91-B-d
thôn Tượng Liên 2	DC	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 18' 02"	105° 28' 50"					F-48-91-B-d
thôn Tượng Liên 3	DC	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 18' 03"	105° 29' 14"					F-48-91-B-d
thôn Tượng Sơn 1	DC	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 20' 09"	105° 26' 43"					F-48-91-B-d
thôn Tượng Sơn 2	DC	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 19' 37"	105° 27' 02"					F-48-91-B-d
thôn Tượng Sơn 3	DC	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 19' 11"	105° 27' 45"					F-48-91-B-d
Đồi Vóng	SV	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 20' 19"	105° 26' 09"					F-48-91-B-d
Đồi Bùi	SV	xã Thành An	H. Thạch Thành	20° 06' 58"	105° 42' 30"					F-48-92-C-d
núi Cò Bai	SV	xã Thành An	H. Thạch Thành	20° 04' 43"	105° 42' 48"					F-48-92-C-d
hồ Đồng Ngư	TV	xã Thành An	H. Thạch Thành	20° 05' 45"	105° 42' 58"					F-48-92-C-d
thôn Đồng Ngư	DC	xã Thành An	H. Thạch Thành	20° 06' 11"	105° 42' 26"					F-48-92-C-d
thôn Dỹ Thắng	DC	xã Thành An	H. Thạch Thành	20° 06' 44"	105° 42' 44"					F-48-92-C-d
thôn Dỹ Tiến	DC	xã Thành An	H. Thạch Thành	20° 06' 32"	105° 43' 09"					F-48-92-C-d
thôn Hòa Lễ	DC	xã Thành An	H. Thạch Thành	20° 06' 22"	105° 43' 53"					F-48-92-C-d
đồi Sau Làng	SV	xã Thành An	H. Thạch Thành	20° 05' 43"	105° 42' 08"					F-48-92-C-d
núi Tây Neo Bồ	SV	xã Thành An	H. Thạch Thành	20° 04' 11"	105° 43' 39"					F-48-92-C-d
thôn Thạch Cừ	DC	xã Thành An	H. Thạch Thành	20° 06' 08"	105° 43' 12"					F-48-92-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
đồi Voi Sạc	SV	xã Thành An	H. Thạch Thành	20° 05' 12"	105° 43' 26"					F-48-92-C-d
đường tỉnh 522	KX	xã Thành Công	H. Thạch Thành			20° 04' 03"	105° 51' 00"	20° 12' 37"	105° 36' 50"	F-48-92-C-b
thôn Bất Mê	DC	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 11' 38"	105° 39' 36"					F-48-92-C-b
thôn Bông Bụt	DC	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 11' 56"	105° 40' 10"					F-48-92-C-b
Quèn Cao	KX	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 12' 54"	105° 41' 02"					F-48-92-C-b
núi Đá Bạch	SV	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 12' 53"	105° 42' 16"					F-48-92-C-b
núi Đá Voi	SV	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 12' 57"	105° 40' 52"					F-48-92-C-b
thôn Đồng Chư	DC	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 11' 27"	105° 39' 58"					F-48-92-C-b
thôn Đồng Đa	DC	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 12' 24"	105° 40' 01"					F-48-92-C-b
thôn Đồng Hội	DC	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 12' 00"	105° 41' 53"					F-48-92-C-b
thôn Đồng Thượng	DC	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 11' 09"	105° 40' 30"					F-48-92-C-b
Thung Dưa	SV	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 12' 41"	105° 41' 18"					F-48-92-C-b
thung Hang Hiêm	SV	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 13' 07"	105° 40' 47"					F-48-92-C-b
thôn Ngọc Lâu	DC	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 12' 24"	105° 40' 44"					F-48-92-C-b
Thung Ổi	SV	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 12' 48"	105° 40' 54"					F-48-92-C-b
Quèn Si	KX	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 13' 09"	105° 41' 31"					F-48-92-C-b
cầu Thành Công	KX	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 11' 52"	105° 40' 16"					F-48-92-C-b
thôn Trường Châu	DC	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 11' 35"	105° 40' 42"					F-48-92-C-b
quốc lộ 45	KX	xã Thành Hưng	H. Thạch Thành			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	F-48-92-C-d, F-48-92-C-b
Sông Bưởi	TV	xã Thành Hưng	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-d, F-48-92-C-c, F-48-92-C-d, F-48-92-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
cầu Cổ Tế	KX	xã Thành Hưng	H. Thạch Thành	20° 06' 34"	105° 37' 48"					F-48-92-C-d
thôn Hoàng Thành	DC	xã Thành Hưng	H. Thạch Thành	20° 06' 44"	105° 39' 03"					F-48-92-C-d
thôn Hợp Thành	DC	xã Thành Hưng	H. Thạch Thành	20° 07' 33"	105° 38' 52"					F-48-92-C-d
thôn Hợp Tiến	DC	xã Thành Hưng	H. Thạch Thành	20° 08' 07"	105° 38' 33"					F-48-92-C-b
thôn Liên Hưng	DC	xã Thành Hưng	H. Thạch Thành	20° 07' 15"	105° 38' 39"					F-48-92-C-d
thôn Phú Thành	DC	xã Thành Hưng	H. Thạch Thành	20° 06' 54"	105° 38' 46"					F-48-92-C-d
thôn Trường Thành	DC	xã Thành Hưng	H. Thạch Thành	20° 08' 03"	105° 39' 04"					F-48-92-C-b
quốc lộ 45	KX	xã Thành Kim	H. Thạch Thành			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	F-48-92-C-b
Sông Bưởi	TV	xã Thành Kim	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-b
Thôn Chợ	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 07' 49"	105° 40' 24"					F-48-92-C-b
cầu Đá Bàn	KX	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 09' 40"	105° 39' 43"					F-48-92-C-b
hồ Đồng Sung	TV	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 08' 39"	105° 40' 37"					F-48-92-C-b
thôn Lâm Thành 1	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 09' 27"	105° 39' 49"					F-48-92-C-b
thôn Lâm Thành 2	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 08' 46"	105° 40' 36"					F-48-92-C-b
thôn Liên Sơn 1	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 07' 27"	105° 40' 24"					F-48-92-C-d
thôn Liên Sơn 2	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 07' 23"	105° 40' 06"					F-48-92-C-d
thôn Liên Sơn 5	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 07' 23"	105° 39' 45"					F-48-92-C-d
thôn Liên Sơn 6	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 07' 06"	105° 40' 06"					F-48-92-C-d
cầu Nổ Soái	KX	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 08' 09"	105° 40' 41"					F-48-92-C-b
đồi Phú Sơn	SV	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 07' 22"	105° 40' 00"					F-48-92-C-d
thôn Tân Sơn 1	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 08' 21"	105° 40' 49"					F-48-92-C-b
thôn Tân Sơn 2	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 08' 37"	105° 40' 32"					F-48-92-C-b
thôn Tân Sơn 3	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 08' 52"	105° 39' 42"					F-48-92-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Tân Sơn 4	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 08' 38"	105° 40' 03"					F-48-92-C-b
thôn Tân Sơn 5	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 07' 54"	105° 40' 43"					F-48-92-C-b
thôn Tân Sơn 6	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 07' 44"	105° 40' 37"					F-48-92-C-b
thôn Tân Sơn 7	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 07' 36"	105° 40' 51"					F-48-92-C-b
Dốc Trầu	SV	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 08' 18"	105° 41' 06"					F-48-92-C-b
Đồi Xốc	SV	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 08' 32"	105° 40' 59"					F-48-92-C-b
đồi Chùa Giàng	SV	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 05' 30"	105° 41' 16"					F-48-92-C-d
núi Cò Bai	SV	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 04' 43"	105° 42' 48"					F-48-92-C-d
đồi Cò Côm	SV	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 04' 21"	105° 41' 29"					F-48-92-C-d
núi Đá Dựng	SV	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 03' 13"	105° 41' 47"					F-48-92-C-d
thôn Eo Bàn	DC	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 04' 46"	105° 40' 53"					F-48-92-C-d
đồi Lủ Bút	SV	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 04' 55"	105° 41' 48"					F-48-92-C-d
núi Mông Cù	SV	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 02' 23"	105° 42' 37"					F-48-92-C-d
Núi Nhây	SV	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 03' 14"	105° 44' 06"					F-48-92-C-d
hón Nước Xanh	TV	xã Thành Long	H. Thạch Thành			20° 04' 12"	105° 42' 50"	20° 04' 06"	105° 42' 11"	F-48-92-C-d
núi Phiêu Sơn	SV	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 03' 00"	105° 39' 49"					F-48-92-C-d
đồi Sau Làng	SV	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 05' 43"	105° 42' 08"					F-48-92-C-d
núi Tây Neo Bồ	SV	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 04' 11"	105° 43' 39"					F-48-92-C-d
hồ Tây Trác	TV	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 04' 45"	105° 42' 14"					F-48-92-C-d
thôn Thành Công	DC	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 05' 44"	105° 41' 55"					F-48-92-C-d
thôn Thành Du	DC	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 03' 26"	105° 40' 43"					F-48-92-C-d
thôn Thành Minh	DC	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 05' 14"	105° 41' 39"					F-48-92-C-d
thôn Thành Sơn	DC	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 04' 08"	105° 41' 55"					F-48-92-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Trung Tâm	DC	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 05' 02"	105° 41' 23"					F-48-92-C-d
đường tỉnh 522	KX	xã Thành Minh	H. Thạch Thành			20° 04' 03"	105° 51' 00"	20° 12' 37"	105° 36' 50"	F-48-92-C-a, F-48-92-C-b
cầu Bến Xanh	KX	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 12' 39"	105° 39' 29"					F-48-92-C-b
hồ Bình Công	TV	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 12' 56"	105° 39' 32"					F-48-92-C-b
thôn Cẩm Bộ	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 14' 14"	105° 37' 22"					F-48-92-C-a
Núi Càng	SV	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 14' 55"	105° 37' 02"					F-48-92-C-a
Suối Càng	TV	xã Thành Minh	H. Thạch Thành			20° 13' 03"	105° 37' 44"	20° 14' 38"	105° 37' 26"	F-48-92-C-a, F-48-92-C-b
Thôn Cốc	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 12' 38"	105° 39' 28"					F-48-92-C-b
Núi Côi	SV	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 14' 48"	105° 37' 13"					F-48-92-C-a
Thôn Đầm	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 12' 27"	105° 38' 49"					F-48-92-C-b
Thôn Hèo	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 13' 08"	105° 38' 57"					F-48-92-C-b
Thôn Luông	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 12' 32"	105° 38' 24"					F-48-92-C-b
Thôn Mặc	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 12' 53"	105° 39' 07"					F-48-92-C-b
thôn Minh Hải	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 13' 04"	105° 38' 08"					F-48-92-C-b
thôn Minh Lộc	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 13' 29"	105° 37' 50"					F-48-92-C-b
thôn Minh Quang	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 13' 24"	105° 38' 15"					F-48-92-C-b
thôn Mông Hương	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 12' 42"	105° 38' 30"					F-48-92-C-b
thôn Mục Long	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 13' 39"	105° 39' 38"					F-48-92-C-b
thôn Mỹ Đàm	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 12' 43"	105° 38' 02"					F-48-92-C-b
Thôn Nghẹn	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 12' 03"	105° 39' 03"					F-48-92-C-b
Thôn Sồi	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 12' 35"	105° 39' 48"					F-48-92-C-b
Thôn Thượng	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 13' 17"	105° 38' 41"					F-48-92-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Tự Cường	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 13' 58"	105° 37' 07"					F-48-92-C-a
hồ Vũng Sú	TV	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 14' 56"	105° 37' 30"					F-48-92-A-d, F-48-92-A-c, F-48-92-C-a, F-48-92-C-b
khe Bai Mường	TV	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành			20° 16' 36"	105° 33' 57"	20° 16' 31"	105° 32' 24"	F-48-92-A-c
Sông Bưởi	TV	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-a, F-48-92-A-c
Đồi Chổm	SV	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 17' 19"	105° 33' 28"					F-48-92-A-c
Núi Chùa	SV	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 17' 04"	105° 32' 50"					F-48-92-A-c
Núi Độc	SV	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 17' 49"	105° 32' 16"					F-48-92-A-c
thôn Đồng Luật	DC	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 17' 08"	105° 32' 55"					F-48-92-A-c
Núi Giếng	SV	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 15' 44"	105° 34' 53"					F-48-92-A-c
đồi Hón Cái	SV	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 17' 54"	105° 33' 23"					F-48-92-A-c
núi Hón Giã	SV	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 15' 43"	105° 35' 36"					F-48-92-A-c
thôn Lệ Cẩm 1	DC	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 15' 34"	105° 34' 23"					F-48-92-A-c
thôn Lệ Cẩm 2	DC	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 15' 21"	105° 35' 07"					F-48-92-A-c
đồi Lọc Cọc	SV	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 15' 56"	105° 34' 11"					F-48-92-A-c
Núi Ong	SV	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 17' 21"	105° 32' 35"					F-48-92-A-c
thôn Tân Hương	DC	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 15' 17"	105° 34' 02"					F-48-92-A-c
thôn Tây Hương	DC	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 15' 32"	105° 33' 50"					F-48-92-A-c
Núi Thánh	SV	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 18' 04"	105° 32' 31"					F-48-92-A-c
thôn Vân Đình	DC	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 15' 59"	105° 33' 09"					F-48-92-A-c
thôn Vân Phong	DC	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 16' 11"	105° 32' 45"					F-48-92-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Vân Phú	DC	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 16' 18"	105° 32' 25"					F-48-92-A-c
thôn Vân Tiến	DC	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 15' 47"	105° 33' 32"					F-48-92-A-c
Đồi Ven	SV	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 17' 48"	105° 33' 42"					F-48-92-A-c
đường tỉnh 522	KX	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành			20° 04' 03"	105° 51' 00"	20° 12' 37"	105° 36' 50"	F-48-92-D-a, F-48-92-C-b, F-48-92-D-c
thôn Ba Cửa	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 06' 27"	105° 44' 31"					F-48-92-C-d
thôn Ban Sinh	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 06' 56"	105° 45' 55"					F-48-92-D-c
thôn Ban Thịnh	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 06' 29"	105° 45' 53"					F-48-92-D-c
dốc Còng Cua	SV	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 07' 54"	105° 44' 02"					F-48-92-C-b
thôn Đồng Minh	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 06' 48"	105° 45' 14"					F-48-92-D-c
đồi Đồng Sổ	SV	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 08' 06"	105° 44' 34"					F-48-92-C-b
thôn Đồng Tâm	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 06' 07"	105° 46' 40"					F-48-92-D-c
thôn Ngọc Liên	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 07' 31"	105° 45' 17"					F-48-92-D-a
thôn Ngọc Tân	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 07' 47"	105° 45' 34"					F-48-92-D-a
thôn Ngọc Thạch	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 07' 14"	105° 44' 34"					F-48-92-C-d
thôn Ngọc Thành	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 07' 38"	105° 44' 16"					F-48-92-C-b
thôn Nông Lý	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 07' 45"	105° 46' 22"					F-48-92-D-c
thôn Quỳnh Lâm	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 07' 15"	105° 45' 47"					F-48-92-D-c
thôn Tân Lý	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 07' 17"	105° 46' 15"					F-48-92-D-a
thôn Tân Thịnh	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 08' 10"	105° 45' 03"					F-48-92-D-a
cầu Vạn Bảo	KX	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 06' 44"	105° 46' 48"					F-48-92-D-c
suối Vạn Bảo	TV	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành			20° 06' 28"	105° 46' 44"	20° 04' 39"	105° 46' 51"	F-48-92-D-c
thôn Vạn Bảo	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 06' 48"	105° 46' 46"					F-48-92-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Yên Thịnh	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 07' 51"	105° 44' 43"					F-48-92-C-b
đường tỉnh 522	KX	xã Thành Tân	H. Thạch Thành			20° 04' 03"	105° 51' 00"	20° 12' 37"	105° 36' 50"	F-48-92-C-b
thôn Bái Đang	DC	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 11' 12"	105° 42' 48"					F-48-92-C-b
Núi Cái	SV	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 11' 17"	105° 43' 25"					F-48-92-C-b
thôn Cát Thành	DC	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 10' 38"	105° 40' 37"					F-48-92-C-b
đồi Cây Sống	SV	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 09' 46"	105° 40' 48"					F-48-92-C-b
Đồi Chùa	SV	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 09' 49"	105° 41' 10"					F-48-92-C-b
Đồi Cờ	SV	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 09' 45"	105° 40' 12"					F-48-92-C-b
thôn Đồng Phú	DC	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 10' 48"	105° 41' 53"					F-48-92-C-b
thôn Hòa Luật	DC	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 09' 31"	105° 42' 31"					F-48-92-C-b
Đồi Mả	SV	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 09' 49"	105° 41' 10"					F-48-92-C-b
thôn Ngọc Động	DC	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 09' 02"	105° 40' 54"					F-48-92-C-b
thôn Phù Bản	DC	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 10' 22"	105° 42' 19"					F-48-92-C-b
thôn Thạch Lỗi	DC	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 09' 47"	105° 40' 57"					F-48-92-C-b
thôn Tiên Hương	DC	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 11' 00"	105° 41' 24"					F-48-92-C-b
thôn Tú Sơn	DC	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 09' 41"	105° 42' 10"					F-48-92-C-b
Đồi Xốc	SV	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 08' 32"	105° 40' 59"					F-48-92-C-b
thôn Xuân Hương	DC	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 11' 04"	105° 41' 33"					F-48-92-C-b
quốc lộ 45	KX	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	F-48-92-C-b
Đồi Bùi	SV	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 06' 58"	105° 42' 30"					F-48-92-C-d
Thôn Bùi	DC	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 06' 56"	105° 42' 17"					F-48-92-C-d
thôn Cầu Rồng	DC	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 08' 03"	105° 41' 06"					F-48-92-C-b
đồi Đồng Khanh	SV	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 08' 40"	105° 42' 01"					F-48-92-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
hồ Đồng Khanh	TV	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 08' 16"	105° 41' 49"					F-48-92-C-b
thôn Đồng Khanh	DC	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 08' 25"	105° 41' 43"					F-48-92-C-b
Đồi Đự	SV	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 07' 36"	105° 41' 36"					F-48-92-C-b
Thôn Đự	DC	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 07' 37"	105° 41' 21"					F-48-92-C-b
thôn Phú Cốc	DC	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 07' 26"	105° 42' 29"					F-48-92-C-d
đồi Rộc Chúp	SV	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 07' 52"	105° 42' 26"					F-48-92-C-b
thôn Thọ Trường	DC	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 06' 34"	105° 41' 53"					F-48-92-C-d
Thôn Trạc	DC	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 07' 21"	105° 42' 07"					F-48-92-C-d
Dốc Trầu	SV	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 08' 18"	105° 41' 06"					F-48-92-C-b
đồi Trước Bóng	SV	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 08' 05"	105° 41' 35"					F-48-92-C-b
Đồi Xốc	SV	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 08' 32"	105° 40' 59"					F-48-92-C-b
thôn 1	DC	xã Thành Tiến	H. Thạch Thành	20° 06' 18"	105° 41' 39"					F-48-92-C-d
thôn 2	DC	xã Thành Tiến	H. Thạch Thành	20° 06' 51"	105° 41' 06"					F-48-92-C-d
thôn 3	DC	xã Thành Tiến	H. Thạch Thành	20° 06' 52"	105° 40' 51"					F-48-92-C-d
thôn 4	DC	xã Thành Tiến	H. Thạch Thành	20° 06' 23"	105° 40' 59"					F-48-92-C-d
thôn 5	DC	xã Thành Tiến	H. Thạch Thành	20° 06' 12"	105° 40' 42"					F-48-92-C-d
thôn 6	DC	xã Thành Tiến	H. Thạch Thành	20° 05' 40"	105° 40' 40"					F-48-92-C-d
thôn 7	DC	xã Thành Tiến	H. Thạch Thành	20° 05' 22"	105° 40' 30"					F-48-92-C-d
Đồi Cao	SV	xã Thành Tiến	H. Thạch Thành	20° 07' 00"	105° 41' 00"					F-48-92-C-d
đồi Chùa Giàng	SV	xã Thành Tiến	H. Thạch Thành	20° 05' 30"	105° 41' 16"					F-48-92-C-d
Đồi Thấp	SV	xã Thành Tiến	H. Thạch Thành	20° 06' 54"	105° 41' 20"					F-48-92-C-d
đường tỉnh 522	KX	xã Thành Trực	H. Thạch Thành			20° 04' 03"	105° 51' 00"	20° 12' 37"	105° 36' 50"	F-48-92-C-a
Sông Bưởi	TV	xã Thành Trực	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-a, F-48-92-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Chính Thành	DC	xã Thành Trực	H. Thạch Thành	20° 10' 41"	105° 39' 25"					F-48-92-C-b
Đồi Cờ	SV	xã Thành Trực	H. Thạch Thành	20° 09' 45"	105° 40' 12"					F-48-92-C-b
cầu Đá Bàn	KX	xã Thành Trực	H. Thạch Thành	20° 09' 40"	105° 39' 43"					F-48-92-C-b
thôn Đa Đụn	DC	xã Thành Trực	H. Thạch Thành	20° 11' 48"	105° 37' 58"					F-48-92-C-b
thôn Định Thành	DC	xã Thành Trực	H. Thạch Thành	20° 09' 56"	105° 39' 20"					F-48-92-C-b
thôn Eo Đa	DC	xã Thành Trực	H. Thạch Thành	20° 12' 37"	105° 36' 55"					F-48-92-C-a
thôn Ngọc Nước	DC	xã Thành Trực	H. Thạch Thành	20° 10' 32"	105° 38' 59"					F-48-92-C-b
cầu Thạch Định	KX	xã Thành Trực	H. Thạch Thành	20° 10' 01"	105° 38' 35"					F-48-92-C-b
thôn Thủ Chính	DC	xã Thành Trực	H. Thạch Thành	20° 11' 10"	105° 39' 16"					F-48-92-C-b
thôn Vọng Thủy	DC	xã Thành Trực	H. Thạch Thành	20° 11' 15"	105° 38' 24"					F-48-92-C-b
thôn Xuân Thành	DC	xã Thành Trực	H. Thạch Thành	20° 10' 20"	105° 39' 36"					F-48-92-C-b
thôn 1	DC	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 09' 59"	105° 45' 38"					F-48-92-D-a
thôn 7	DC	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 09' 53"	105° 46' 35"					F-48-92-D-a
thôn 8	DC	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 09' 29"	105° 46' 01"					F-48-92-D-a
quốc lộ 45	KX	xã Thành Vân	H. Thạch Thành			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	F-48-92-D-a, F-48-92-C-b
đường tỉnh 522	KX	xã Thành Vân	H. Thạch Thành			20° 04' 03"	105° 51' 00"	20° 12' 37"	105° 36' 50"	F-48-92-C-b
đồi Đồng Khanh	SV	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 08' 40"	105° 42' 01"					F-48-92-C-b
đồi Lưỡi Gà	SV	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 08' 04"	105° 43' 01"					F-48-92-C-b
đồi Ngọc Sung	SV	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 07' 53"	105° 43' 54"					F-48-92-C-b
thôn Phố Cát	DC	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 09' 07"	105° 43' 42"					F-48-92-C-b
đồi Rộc Chúp	SV	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 07' 52"	105° 42' 26"					F-48-92-C-b
thôn Sơn Để	DC	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 09' 47"	105° 43' 10"					F-48-92-C-b
cầu Sòng Cạn	KX	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 10' 15"	105° 46' 43"					F-48-92-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Tiên Quang	DC	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 09' 05"	105° 42' 29"					F-48-92-C-b
Cầu Vối	KX	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 08' 51"	105° 43' 34"					F-48-92-C-b
thôn Xóm Đầm	DC	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 07' 55"	105° 43' 31"					F-48-92-C-b
thôn Xóm Sắn	DC	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 08' 36"	105° 43' 37"					F-48-92-C-b
thôn Xóm Yên	DC	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 08' 31"	105° 43' 13"					F-48-92-C-b
thôn Yên Lão	DC	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 09' 34"	105° 43' 27"					F-48-92-C-b
cầu phao Thành Vinh	KX	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 13' 33"	105° 35' 20"					F-48-92-C-a
thôn Anh Thành	DC	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 14' 55"	105° 34' 52"					F-48-92-C-a
thôn Bãi Cháy	DC	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 13' 17"	105° 36' 04"					F-48-92-C-a
Sông Bưởi	TV	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-a
Núi Càng	SV	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 14' 55"	105° 37' 02"					F-48-92-C-a
Suối Càng	TV	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành			20° 13' 03"	105° 37' 44"	20° 14' 38"	105° 37' 26"	F-48-92-C-a
đồi Cây Đa	SV	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 14' 24"	105° 35' 44"					F-48-92-C-a
thôn Cự Nhan	DC	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 14' 35"	105° 34' 48"					F-48-92-C-a
núi Đá Bói	SV	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 14' 37"	105° 36' 45"					F-48-92-C-a
núi Đá Lở	SV	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 14' 58"	105° 35' 52"					F-48-92-C-a
thôn Hồi Phú	DC	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 12' 47"	105° 36' 32"					F-48-92-C-a
đồi Hón Măng	SV	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 13' 35"	105° 36' 20"					F-48-92-C-a
thôn Lộc Phượng 1	DC	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 13' 44"	105° 35' 38"					F-48-92-C-a
thôn Lộc Phượng 2	DC	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 13' 34"	105° 35' 55"					F-48-92-C-a
thôn Mỹ Lợi	DC	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 14' 28"	105° 36' 19"					F-48-92-C-a
thôn Phượng Long	DC	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 14' 21"	105° 35' 11"					F-48-92-C-a
thôn Quyết Thắng	DC	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 14' 27"	105° 35' 00"					F-48-92-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Tân Thành	DC	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 14' 03"	105° 35' 43"					F-48-92-C-a
suối Áng Que	TV	xã Thành Yên	H. Thạch Thành			20° 16' 36"	105° 33' 57"	20° 16' 59"	105° 34' 56"	F-48-92-A-c
núi Đầu Voi	SV	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 17' 27"	105° 34' 43"					F-48-92-A-c
thôn Đồng Thành 1	DC	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 16' 10"	105° 34' 19"					F-48-92-A-c
thôn Đồng Thành 2	DC	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 16' 12"	105° 35' 03"					F-48-92-A-c
núi Gánh Trang	SV	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 17' 06"	105° 36' 30"					F-48-92-A-c
Núi Giếng	SV	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 15' 44"	105° 34' 53"					F-48-92-A-c
núi Hón Giã	SV	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 15' 43"	105° 35' 36"					F-48-92-A-c
núi Làng Cũ	SV	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 17' 51"	105° 34' 54"					F-48-92-A-c
đồi Lọc Cọc	SV	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 15' 56"	105° 34' 11"					F-48-92-A-c
núi Lóng The	SV	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 17' 20"	105° 35' 36"					F-48-92-A-c
núi Lóng Thụ	SV	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 17' 08"	105° 35' 29"					F-48-92-A-c
thôn Thành Tân	DC	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 15' 10"	105° 39' 13"					F-48-92-A-d
đập Thành Trung	KX	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 16' 12"	105° 36' 36"					F-48-92-A-c
thôn Thành Trung	DC	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 16' 36"	105° 36' 18"					F-48-92-A-c
Đồi Ven	SV	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 17' 48"	105° 33' 42"					F-48-92-A-c
thôn Yên Sơn 1	DC	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 16' 38"	105° 35' 38"					F-48-92-A-c
thôn Yên Sơn 2	DC	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 16' 38"	105° 35' 15"					F-48-92-A-c
tiểu khu 1	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hóa	19° 53' 02"	105° 40' 28"					E-48-8-A-b
tiểu khu 2	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hóa	19° 53' 10"	105° 40' 28"					E-48-8-A-b
tiểu khu 3	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hóa	19° 53' 15"	105° 40' 25"					E-48-8-A-b
tiểu khu 4	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hóa	19° 53' 14"	105° 40' 33"					E-48-8-A-b
tiểu khu 5	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hóa	19° 53' 08"	105° 40' 39"					E-48-8-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
tiểu khu 6	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hóa	19° 53' 03"	105° 40' 34"					E-48-8-A-b
tiểu khu 7	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hóa	19° 53' 07"	105° 40' 38"					E-48-8-A-b
tiểu khu 8	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hóa	19° 53' 12"	105° 40' 47"					E-48-8-A-b
tiểu khu 9	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hóa	19° 53' 21"	105° 40' 50"					E-48-8-A-b
tiểu khu 10	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hóa	19° 53' 22"	105° 40' 57"					E-48-8-A-b
tiểu khu 11	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hóa	19° 53' 10"	105° 40' 54"					E-48-8-A-b
tiểu khu 12	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hóa	19° 53' 27"	105° 40' 32"					E-48-8-A-b
quốc lộ 45	KX	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hóa			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-A-b
làng Chí Cẩn	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hóa	19° 53' 10"	105° 40' 28"					E-48-8-A-b
Sông Chu	TV	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hóa			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-b
làng Dương Hòa	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hóa	19° 53' 10"	105° 40' 54"					E-48-8-A-b
làng Kiến Hưng	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hóa	19° 53' 08"	105° 40' 44"					E-48-8-A-b
cầu Thiệu Hóa	KX	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hóa	19° 52' 51"	105° 40' 38"					E-48-8-A-b
thôn Châu Giang	DC	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hóa	19° 52' 05"	105° 42' 51"					E-48-8-A-d
thôn Châu Long	DC	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hóa	19° 52' 05"	105° 42' 55"					E-48-8-A-d
thôn Châu Ngọc	DC	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hóa	19° 52' 05"	105° 43' 01"					E-48-8-A-d
thôn Châu Sơn	DC	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hóa	19° 52' 08"	105° 42' 57"					E-48-8-A-d
Sông Chu	TV	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hóa			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-d, E-48-8-A-b
làng Đắc Châu	DC	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hóa	19° 52' 05"	105° 42' 55"					E-48-8-A-d
thôn Phú Văn	DC	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hóa	19° 52' 14"	105° 42' 37"					E-48-8-A-d
thôn Sơn Lộc	DC	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hóa	19° 52' 07"	105° 42' 06"					E-48-8-A-d
thôn Sơn Phú	DC	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hóa	19° 52' 05"	105° 41' 55"					E-48-8-A-d
thôn Sơn Quý	DC	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hóa	19° 52' 03"	105° 41' 58"					E-48-8-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Sơn Thịnh	DC	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hóa	19° 52' 03"	105° 42' 02"					E-48-8-A-d
làng Thọ Sơn	DC	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hóa	19° 52' 07"	105° 42' 03"					E-48-8-A-d
thôn Yên Tân	DC	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hóa	19° 52' 16"	105° 42' 13"					E-48-8-A-d
thôn Dân Chính	DC	xã Thiệu Chính	H. Thiệu Hóa	19° 54' 04"	105° 36' 36"					E-48-8-A-a
thôn Dân Quyền	DC	xã Thiệu Chính	H. Thiệu Hóa	19° 53' 37"	105° 36' 28"					E-48-8-A-a
thôn Dân Sinh	DC	xã Thiệu Chính	H. Thiệu Hóa	19° 53' 47"	105° 36' 24"					E-48-8-A-a
thôn Dân Tài	DC	xã Thiệu Chính	H. Thiệu Hóa	19° 53' 33"	105° 35' 36"					E-48-8-A-a
thôn Dân Tiến	DC	xã Thiệu Chính	H. Thiệu Hóa	19° 53' 21"	105° 36' 22"					E-48-8-A-a
Sông Dừa	TV	xã Thiệu Chính	H. Thiệu Hóa			19° 55' 00"	105° 33' 59"	19° 51' 22"	105° 38' 24"	E-48-8-A-d, E-48-8-A-b
sông Nông Giang	TV	xã Thiệu Chính	H. Thiệu Hóa			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-a
thôn Quý Hai	DC	xã Thiệu Chính	H. Thiệu Hóa	19° 53' 17"	105° 35' 18"					E-48-8-A-a
thôn Quý Làng	DC	xã Thiệu Chính	H. Thiệu Hóa	19° 53' 31"	105° 35' 24"					E-48-8-A-a
thôn Quý Một	DC	xã Thiệu Chính	H. Thiệu Hóa	19° 53' 08"	105° 35' 10"					E-48-8-A-a
thôn Vượng Làng	DC	xã Thiệu Chính	H. Thiệu Hóa	19° 53' 37"	105° 36' 47"					E-48-8-A-a
thôn Vượng Trại	DC	xã Thiệu Chính	H. Thiệu Hóa	19° 53' 40"	105° 37' 06"					E-48-8-A-a
thôn Liên Minh	DC	xã Thiệu Công	H. Thiệu Hóa	19° 55' 13"	105° 39' 45"					E-48-8-A-b
thôn Lợi Thượng	DC	xã Thiệu Công	H. Thiệu Hóa	19° 55' 05"	105° 39' 40"					E-48-8-A-b
sông Mậu Khê	TV	xã Thiệu Công	H. Thiệu Hóa			19° 56' 28"	105° 37' 03"	19° 53' 05"	105° 44' 47"	E-48-8-A-b
thôn Nhân Mỹ	DC	xã Thiệu Công	H. Thiệu Hóa	19° 55' 25"	105° 39' 48"					E-48-8-A-b
làng Oanh Kiều	DC	xã Thiệu Công	H. Thiệu Hóa	19° 55' 48"	105° 39' 41"					E-48-8-A-b
thôn Oanh Kiều 1	DC	xã Thiệu Công	H. Thiệu Hóa	19° 55' 48"	105° 39' 41"					E-48-8-A-b
thôn Oanh Kiều 2	DC	xã Thiệu Công	H. Thiệu Hóa	19° 55' 40"	105° 39' 38"					E-48-8-A-b
thôn Phác Đồng	DC	xã Thiệu Công	H. Thiệu Hóa	19° 55' 57"	105° 39' 24"					E-48-8-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Thành Hưng	DC	xã Thiệu Công	H. Thiệu Hóa	19° 56' 08"	105° 39' 05"					E-48-8-A-b
thôn Xuân Quan 1	DC	xã Thiệu Công	H. Thiệu Hóa	19° 54' 41"	105° 39' 09"					E-48-8-A-b
thôn Xuân Quan 2	DC	xã Thiệu Công	H. Thiệu Hóa	19° 54' 31"	105° 39' 04"					E-48-8-A-b
làng Xuân Quang	DC	xã Thiệu Công	H. Thiệu Hóa	19° 54' 41"	105° 39' 09"					E-48-8-A-b
thôn 1	DC	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hóa	19° 52' 38"	105° 41' 00"					E-48-8-A-b
thôn 2	DC	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hóa	19° 51' 58"	105° 40' 46"					E-48-8-A-d
thôn 3	DC	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hóa	19° 52' 41"	105° 40' 45"					E-48-8-A-b
thôn 4	DC	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hóa	19° 52' 38"	105° 40' 53"					E-48-8-A-b
thôn 5	DC	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hóa	19° 52' 04"	105° 40' 40"					E-48-8-A-d
thôn 6	DC	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hóa	19° 52' 32"	105° 41' 07"					E-48-8-A-b
thôn 7	DC	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hóa	19° 52' 25"	105° 41' 16"					E-48-8-A-d
thôn 8	DC	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hóa	19° 52' 23"	105° 41' 23"					E-48-8-A-d
thôn 9	DC	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hóa	19° 52' 20"	105° 41' 31"					E-48-8-A-d
thôn 10	DC	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hóa	19° 52' 18"	105° 41' 41"					E-48-8-A-d
quốc lộ 45	KX	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hóa			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 45"	105° 26' 03"	E-48-8-A-d, E-48-8-A-b
cầu B9	KX	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hóa	19° 52' 33"	105° 40' 42"					E-48-8-A-b
thôn Ba Chè	DC	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hóa	19° 52' 00"	105° 40' 36"					E-48-8-A-d
Sông Chu	TV	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hóa			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-b
làng Cổ Đô	DC	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hóa	19° 52' 33"	105° 41' 09"					E-48-8-A-b
làng Hồng Đô	DC	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hóa	19° 52' 23"	105° 41' 23"					E-48-8-A-d
Cầu Nấp	KX	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hóa	19° 52' 19"	105° 40' 40"					E-48-8-A-d
cầu Thiệu Hóa	KX	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hóa	19° 52' 51"	105° 40' 38"					E-48-8-A-b
làng Trà Thượng	DC	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hóa	19° 51' 51"	105° 40' 47"					E-48-8-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Sông Chu	TV	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hóa			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-b
thôn Cự Khánh	DC	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hóa	19° 54' 26"	105° 43' 39"					E-48-8-A-b
thôn Đông Hòa	DC	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hóa	19° 55' 03"	105° 42' 53"					E-48-8-A-b
thôn Đồng Miên	DC	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hóa	19° 54' 44"	105° 42' 49"					E-48-8-A-b
làng Đông Mỹ	DC	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hóa	19° 54' 26"	105° 42' 16"					E-48-8-A-b
thôn Đông Mỹ 1	DC	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hóa	19° 54' 28"	105° 42' 08"					E-48-8-A-b
thôn Đông Mỹ 2	DC	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hóa	19° 54' 26"	105° 42' 19"					E-48-8-A-b
thôn Khánh Hội	DC	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hóa	19° 54' 35"	105° 41' 57"					E-48-8-A-b
sông Mậu Khê	TV	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hóa			19° 56' 28"	105° 37' 03"	19° 53' 05"	105° 44' 47"	E-48-8-A-b
thôn Phú Điền	DC	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hóa	19° 54' 16"	105° 43' 21"					E-48-8-A-b
làng Sử Nhân	DC	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hóa	19° 53' 34"	105° 42' 49"					E-48-8-A-b
thôn Sử Nhân 1	DC	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hóa	19° 53' 43"	105° 42' 45"					E-48-8-A-b
thôn Sử Nhân 2	DC	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hóa	19° 53' 34"	105° 42' 56"					E-48-8-A-b
thôn Sử Nhân 3	DC	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hóa	19° 53' 25"	105° 42' 43"					E-48-8-A-b
sông Cầu Chày	TV	xã Thiệu Giang	H. Thiệu Hóa			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-A-b
thôn Đa Lộc	DC	xã Thiệu Giang	H. Thiệu Hóa	19° 55' 52"	105° 42' 10"					E-48-8-A-b
thôn Đường Thôn	DC	xã Thiệu Giang	H. Thiệu Hóa	19° 55' 51"	105° 43' 50"					E-48-8-A-b
thôn Hưng Lâm	DC	xã Thiệu Giang	H. Thiệu Hóa	19° 55' 09"	105° 43' 45"					E-48-8-A-b
thôn Hưng Thôn	DC	xã Thiệu Giang	H. Thiệu Hóa	19° 55' 53"	105° 43' 30"					E-48-8-A-b
thôn Trung Thành	DC	xã Thiệu Giang	H. Thiệu Hóa	19° 55' 00"	105° 43' 15"					E-48-8-A-b
thôn Trung Thôn	DC	xã Thiệu Giang	H. Thiệu Hóa	19° 55' 43"	105° 42' 54"					E-48-8-A-b
thôn Vân Điền	DC	xã Thiệu Giang	H. Thiệu Hóa	19° 55' 47"	105° 42' 03"					E-48-8-A-b
thôn Vĩnh Xuân	DC	xã Thiệu Giang	H. Thiệu Hóa	19° 55' 47"	105° 42' 26"					E-48-8-A-b
thôn 1	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hóa	19° 51' 06"	105° 44' 09"					E-48-8-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 2	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hóa	19° 50' 49"	105° 43' 45"					E-48-8-A-d
thôn 3	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hóa	19° 51' 08"	105° 44' 07"					E-48-8-A-d
thôn 4	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hóa	19° 51' 05"	105° 44' 03"					E-48-8-A-d
thôn 5	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hóa	19° 51' 06"	105° 43' 57"					E-48-8-A-d
thôn 6	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hóa	19° 51' 05"	105° 43' 52"					E-48-8-A-d
thôn 7A	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hóa	19° 51' 13"	105° 43' 45"					E-48-8-A-d
thôn 7B	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hóa	19° 50' 57"	105° 43' 29"					E-48-8-A-d
thôn 8	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hóa	19° 51' 22"	105° 43' 40"					E-48-8-A-d
thôn 9	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hóa	19° 51' 44"	105° 44' 01"					E-48-8-A-d
thôn 10	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hóa	19° 51' 17"	105° 43' 41"					E-48-8-A-d
thôn 11	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hóa	19° 51' 26"	105° 43' 32"					E-48-8-A-d
thôn 12	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hóa	19° 51' 25"	105° 43' 23"					E-48-8-A-d
thôn 13	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hóa	19° 51' 23"	105° 43' 17"					E-48-8-A-d
thôn 14	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hóa	19° 51' 22"	105° 43' 11"					E-48-8-A-d
thôn 15	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hóa	19° 51' 24"	105° 43' 02"					E-48-8-A-d
làng Bái Giao	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hóa	19° 51' 22"	105° 43' 40"					E-48-8-A-d
làng Đại Bái	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hóa	19° 51' 22"	105° 43' 21"					E-48-8-A-d
thôn Dân Ái	DC	xã Thiệu Hòa	H. Thiệu Hóa	19° 53' 03"	105° 36' 30"					E-48-8-A-a
thôn Dân Hòa	DC	xã Thiệu Hòa	H. Thiệu Hóa	19° 52' 39"	105° 36' 14"					E-48-8-A-a
Sông Dừa	TV	xã Thiệu Hòa	H. Thiệu Hóa			19° 55' 00"	105° 33' 59"	19° 51' 22"	105° 38' 24"	E-48-8-A-d, E-48-8-A-b
Hồ Mật	TV	xã Thiệu Hòa	H. Thiệu Hóa	19° 52' 46"	105° 36' 20"					E-48-8-A-a, E-48-8-A-c
thôn Thái Dương	DC	xã Thiệu Hòa	H. Thiệu Hóa	19° 53' 03"	105° 36' 55"					E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Thái Hanh	DC	xã Thiệu Hòa	H. Thiệu Hóa	19° 52' 51"	105° 36' 50"					E-48-8-A-a
thôn Thái Hòa	DC	xã Thiệu Hòa	H. Thiệu Hóa	19° 52' 14"	105° 36' 27"					E-48-8-A-c
thôn Thái Khang	DC	xã Thiệu Hòa	H. Thiệu Hóa	19° 52' 21"	105° 36' 29"					E-48-8-A-c
xóm Trại Mai	DC	xã Thiệu Hòa	H. Thiệu Hóa	19° 52' 07"	105° 37' 03"					E-48-8-A-c
thôn Bắc Bằng	DC	xã Thiệu Hợp	H. Thiệu Hóa	19° 53' 29"	105° 44' 08"					E-48-8-A-b
thôn Chấn Long 1	DC	xã Thiệu Hợp	H. Thiệu Hóa	19° 59' 39"	105° 44' 28"					E-48-8-A-b
thôn Chấn Long 2	DC	xã Thiệu Hợp	H. Thiệu Hóa	19° 53' 45"	105° 44' 19"					E-48-8-A-b
Sông Chu	TV	xã Thiệu Hợp	H. Thiệu Hóa			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-b, E-48-8-B-a
thôn Hợp Thắng	DC	xã Thiệu Hợp	H. Thiệu Hóa	19° 54' 44"	105° 43' 57"					E-48-8-A-b
sông Mậu Khê	TV	xã Thiệu Hợp	H. Thiệu Hóa			19° 56' 28"	105° 37' 03"	19° 53' 05"	105° 44' 47"	E-48-8-A-b
thôn Nam Bằng 1	DC	xã Thiệu Hợp	H. Thiệu Hóa	19° 53' 22"	105° 44' 10"					E-48-8-A-b
thôn Nam Bằng 2	DC	xã Thiệu Hợp	H. Thiệu Hóa	19° 53' 34"	105° 44' 06"					E-48-8-A-b
thôn Quản Xá 1	DC	xã Thiệu Hợp	H. Thiệu Hóa	19° 53' 45"	105° 43' 20"					E-48-8-A-b
thôn Quản Xá 2	DC	xã Thiệu Hợp	H. Thiệu Hóa	19° 53' 38"	105° 43' 24"					E-48-8-A-b
thôn Thắng Long	DC	xã Thiệu Hợp	H. Thiệu Hóa	19° 54' 16"	105° 44' 20"					E-48-8-A-b
quốc lộ 45	KX	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hóa			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 45"	105° 26' 03"	E-48-8-A-b
sông Cầu Chày	TV	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hóa			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-A-b
thôn Đông Lỗ	DC	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hóa	19° 55' 35"	105° 41' 36"					E-48-8-A-b
Xóm Dưới	DC	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hóa	19° 56' 00"	105° 41' 29"					E-48-8-A-b
thôn Hưng Long	DC	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hóa	19° 56' 03"	105° 40' 46"					E-48-8-A-b
Cầu Kịt	KX	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hóa	19° 55' 22"	105° 40' 41"					E-48-8-A-b
sông Mậu Khê	TV	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hóa			19° 56' 28"	105° 37' 03"	19° 53' 05"	105° 44' 47"	E-48-8-A-b
thôn Minh Đức	DC	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hóa	19° 55' 18"	105° 40' 47"					E-48-8-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Phong Phú	DC	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hóa	19° 56' 15"	105° 40' 41"					E-48-8-A-b
thôn Phú Lai	DC	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hóa	19° 55' 43"	105° 41' 16"					E-48-8-A-b
thôn Thành Đạt	DC	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hóa	19° 55' 01"	105° 41' 14"					E-48-8-A-b
thôn Tiên Long	DC	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hóa	19° 56' 01"	105° 41' 12"					E-48-8-A-b
núi Tiên Nông	SV	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hóa	19° 56' 37"	105° 41' 52"					E-48-8-A-b
thôn Tiên Nông	DC	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hóa	19° 56' 00"	105° 41' 29"					E-48-8-A-b
Xóm Trại	DC	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hóa	19° 55' 10"	105° 40' 39"					E-48-8-A-b
Xóm Trên	DC	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hóa	19° 56' 13"	105° 41' 31"					E-48-8-A-b
thôn 1	DC	xã Thiệu Lý	H. Thiệu Hóa	19° 51' 47"	105° 40' 07"					E-48-8-A-d
thôn 2	DC	xã Thiệu Lý	H. Thiệu Hóa	19° 51' 48"	105° 39' 48"					E-48-8-A-d
thôn 3	DC	xã Thiệu Lý	H. Thiệu Hóa	19° 51' 49"	105° 39' 05"					E-48-8-A-d
thôn 4	DC	xã Thiệu Lý	H. Thiệu Hóa	19° 51' 48"	105° 39' 14"					E-48-8-A-d
thôn 5	DC	xã Thiệu Lý	H. Thiệu Hóa	19° 51' 34"	105° 39' 09"					E-48-8-A-d
thôn 6	DC	xã Thiệu Lý	H. Thiệu Hóa	19° 51' 22"	105° 39' 14"					E-48-8-A-d
thôn 7	DC	xã Thiệu Lý	H. Thiệu Hóa	19° 51' 15"	105° 39' 15"					E-48-8-A-d
thôn 8	DC	xã Thiệu Lý	H. Thiệu Hóa	19° 51' 13"	105° 39' 23"					E-48-8-A-d
thôn 9	DC	xã Thiệu Lý	H. Thiệu Hóa	19° 50' 55"	105° 39' 36"					E-48-8-A-d
sông Nông Giang	TV	xã Thiệu Lý	H. Thiệu Hóa			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-d
cầu Thiệu Lý	KX	xã Thiệu Lý	H. Thiệu Hóa	19° 51' 54"	105° 39' 43"					E-48-8-A-d
Sông Chu	TV	xã Thiệu Minh	H. Thiệu Hóa			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a, E-48-8-A-b
thôn Đồng Bào	DC	xã Thiệu Minh	H. Thiệu Hóa	19° 54' 14"	105° 37' 12"					E-48-8-A-a
thôn Đồng Chí	DC	xã Thiệu Minh	H. Thiệu Hóa	19° 54' 11"	105° 37' 29"					E-48-8-A-b
thôn Đồng Minh	DC	xã Thiệu Minh	H. Thiệu Hóa	19° 53' 52"	105° 38' 22"					E-48-8-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
sông Nông Giang	TV	xã Thiệu Minh	H. Thiệu Hóa			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-a, E-48-8-A-b
sông Cầu Chày	TV	xã Thiệu Ngọc	H. Thiệu Hóa			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-A-a
thôn Chẩn Xuyên 1	DC	xã Thiệu Ngọc	H. Thiệu Hóa	19° 55' 09"	105° 35' 36"					E-48-8-A-a
thôn Chẩn Xuyên 2	DC	xã Thiệu Ngọc	H. Thiệu Hóa	19° 55' 24"	105° 35' 42"					E-48-8-A-a
Sông Chu	TV	xã Thiệu Ngọc	H. Thiệu Hóa			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a
Chợ Lăng	KX	xã Thiệu Ngọc	H. Thiệu Hóa	19° 55' 44"	105° 36' 19"					E-48-8-A-a
thôn Làng Mới	DC	xã Thiệu Ngọc	H. Thiệu Hóa	19° 56' 34"	105° 36' 51"					E-48-8-A-a
thôn Ngọc Sơn	DC	xã Thiệu Ngọc	H. Thiệu Hóa	19° 56' 48"	105° 36' 49"					E-48-8-A-a
thôn Ngọc Thiện	DC	xã Thiệu Ngọc	H. Thiệu Hóa	19° 57' 10"	105° 36' 38"					E-48-8-A-a
thôn Tân Bình 1	DC	xã Thiệu Ngọc	H. Thiệu Hóa	19° 55' 43"	105° 36' 02"					E-48-8-A-a
thôn Tân Bình 2	DC	xã Thiệu Ngọc	H. Thiệu Hóa	19° 55' 51"	105° 36' 05"					E-48-8-A-a
thôn Thiện Phong	DC	xã Thiệu Ngọc	H. Thiệu Hóa	19° 56' 45"	105° 36' 13"					E-48-8-A-a
Sông Chu	TV	xã Thiệu Nguyên	H. Thiệu Hóa			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-b, E-48-8-A-d
thôn Nguyên Hưng	DC	xã Thiệu Nguyên	H. Thiệu Hóa	19° 53' 03"	105° 41' 43"					E-48-8-A-b
thôn Nguyên Lý	DC	xã Thiệu Nguyên	H. Thiệu Hóa	19° 52' 58"	105° 42' 21"					E-48-8-A-b
thôn Nguyên Sơn	DC	xã Thiệu Nguyên	H. Thiệu Hóa	19° 52' 57"	105° 41' 57"					E-48-8-A-b
thôn Nguyên Tân	DC	xã Thiệu Nguyên	H. Thiệu Hóa	19° 52' 57"	105° 41' 42"					E-48-8-A-b
thôn Nguyên Thắng	DC	xã Thiệu Nguyên	H. Thiệu Hóa	19° 53' 04"	105° 42' 30"					E-48-8-A-b
thôn Nguyên Thành	DC	xã Thiệu Nguyên	H. Thiệu Hóa	19° 52' 56"	105° 42' 14"					E-48-8-A-b
thôn Nguyên Thịnh	DC	xã Thiệu Nguyên	H. Thiệu Hóa	19° 52' 57"	105° 41' 48"					E-48-8-A-b
thôn Nguyên Tiến	DC	xã Thiệu Nguyên	H. Thiệu Hóa	19° 53' 04"	105° 41' 34"					E-48-8-A-b
thôn Nguyên Trung	DC	xã Thiệu Nguyên	H. Thiệu Hóa	19° 52' 57"	105° 42' 05"					E-48-8-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
quốc lộ 45	KX	xã Thiệu Phú	H. Thiệu Hóa			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 45"	105° 26' 03"	E-48-8-A-b
thôn Đình Tân 7	DC	xã Thiệu Phú	H. Thiệu Hóa	19° 53' 51"	105° 40' 10"					E-48-8-A-b
thôn Đình Tân 8	DC	xã Thiệu Phú	H. Thiệu Hóa	19° 53' 42"	105° 40' 06"					E-48-8-A-b
sông Mậu Khê	TV	xã Thiệu Phú	H. Thiệu Hóa			19° 56' 28"	105° 37' 03"	19° 53' 05"	105° 44' 47"	E-48-8-A-b
thôn Ngọc Tỉnh	DC	xã Thiệu Phú	H. Thiệu Hóa	19° 54' 42"	105° 40' 47"					E-48-8-A-b
thôn Phú Thịnh	DC	xã Thiệu Phú	H. Thiệu Hóa	19° 54' 38"	105° 40' 36"					E-48-8-A-b
thôn Thuận Tôn	DC	xã Thiệu Phú	H. Thiệu Hóa	19° 54' 35"	105° 40' 44"					E-48-8-A-b
thôn Tra Thôn 1	DC	xã Thiệu Phú	H. Thiệu Hóa	19° 54' 43"	105° 39' 59"					E-48-8-A-b
thôn Tra Thôn 2	DC	xã Thiệu Phú	H. Thiệu Hóa	19° 54' 40"	105° 40' 04"					E-48-8-A-b
thôn Vĩnh Điện	DC	xã Thiệu Phú	H. Thiệu Hóa	19° 54' 00"	105° 40' 51"					E-48-8-A-b
Làng Choán	DC	xã Thiệu Phúc	H. Thiệu Hóa	19° 53' 12"	105° 39' 01"					E-48-8-A-b
Sông Chu	TV	xã Thiệu Phúc	H. Thiệu Hóa			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-b
thôn Đoán Quyết Hạ	DC	xã Thiệu Phúc	H. Thiệu Hóa	19° 53' 12"	105° 39' 01"					E-48-8-A-b
thôn Đoán Quyết Thượng	DC	xã Thiệu Phúc	H. Thiệu Hóa	19° 53' 28"	105° 38' 39"					E-48-8-A-b
thôn Hoạch Phúc	DC	xã Thiệu Phúc	H. Thiệu Hóa	19° 54' 08"	105° 39' 50"					E-48-8-A-b
thôn Mật Thôn	DC	xã Thiệu Phúc	H. Thiệu Hóa	19° 53' 06"	105° 39' 35"					E-48-8-A-b
sông Mậu Khê	TV	xã Thiệu Phúc	H. Thiệu Hóa			19° 56' 28"	105° 37' 03"	19° 53' 05"	105° 44' 47"	E-48-8-A-b
thôn Vỹ Thôn	DC	xã Thiệu Phúc	H. Thiệu Hóa	19° 53' 32"	105° 39' 29"					E-48-8-A-b
thôn 1	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hóa	19° 57' 03"	105° 45' 27"					E-48-8-B-a
thôn 2	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hóa	19° 56' 57"	105° 45' 36"					E-48-8-B-a
thôn 3	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hóa	19° 55' 56"	105° 45' 30"					E-48-8-B-a
thôn 4	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hóa	19° 56' 00"	105° 45' 20"					E-48-8-B-a
thôn 5	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hóa	19° 55' 47"	105° 44' 58"					E-48-8-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 6	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hóa	19° 55' 35"	105° 45' 04"					E-48-8-B-a
thôn 7	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hóa	19° 55' 23"	105° 45' 10"					E-48-8-B-a
thôn 8	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hóa	19° 55' 17"	105° 45' 05"					E-48-8-B-a
thôn 9	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hóa	19° 55' 14"	105° 45' 13"					E-48-8-B-a
thôn 10	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hóa	19° 55' 09"	105° 45' 11"					E-48-8-B-a
thôn 11	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hóa	19° 55' 15"	105° 44' 18"					E-48-8-A-b
sông Cầu Chày	TV	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hóa			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-B-a, E-48-8-A-b
làng Châu Trướng	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hóa	19° 57' 02"	105° 45' 33"					E-48-8-B-a
Sông Mã	TV	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hóa			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-a
làng Nhân Cao	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hóa	19° 55' 59"	105° 45' 22"					E-48-8-B-a
làng Trí Cường	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hóa	19° 55' 22"	105° 45' 08"					E-48-8-B-a
Đò Vàng	KX	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hóa	19° 56' 02"	105° 45' 48"					E-48-8-B-a
Sông Chu	TV	xã Thiệu Tâm	H. Thiệu Hóa			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-b
thôn Đồng Tâm	DC	xã Thiệu Tâm	H. Thiệu Hóa	19° 53' 20"	105° 38' 14"					E-48-8-A-b
thôn Đồng Thanh	DC	xã Thiệu Tâm	H. Thiệu Hóa	19° 52' 56"	105° 38' 49"					E-48-8-A-b
thôn Đồng Tiến 1	DC	xã Thiệu Tâm	H. Thiệu Hóa	19° 53' 04"	105° 38' 08"					E-48-8-A-b
thôn Đồng Tiến 2	DC	xã Thiệu Tâm	H. Thiệu Hóa	19° 53' 11"	105° 38' 06"					E-48-8-A-b
Sông Dừa	TV	xã Thiệu Tâm	H. Thiệu Hóa			19° 55' 00"	105° 33' 59"	19° 51' 22"	105° 38' 24"	E-48-8-A-d, E-48-8-A-b
sông Nông Giang	TV	xã Thiệu Tâm	H. Thiệu Hóa			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-a, E-48-8-A-b
thôn Thái Bình	DC	xã Thiệu Tâm	H. Thiệu Hóa	19° 52' 46"	105° 37' 25"					E-48-8-A-a
thôn Thái Lai	DC	xã Thiệu Tâm	H. Thiệu Hóa	19° 52' 37"	105° 37' 42"					E-48-8-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Thái Ninh	DC	xã Thiệu Tâm	H. Thiệu Hóa	19° 53' 05"	105° 37' 36"					E-48-8-A-b
thôn Thái Sơn	DC	xã Thiệu Tâm	H. Thiệu Hóa	19° 52' 42"	105° 37' 53"					E-48-8-A-b
Cầu Trắng	KX	xã Thiệu Tâm	H. Thiệu Hóa	19° 53' 34"	105° 37' 52"					E-48-8-A-b
thôn 1	DC	xã Thiệu Tân	H. Thiệu Hóa	19° 52' 51"	105° 43' 47"					E-48-8-A-b
thôn 2	DC	xã Thiệu Tân	H. Thiệu Hóa	19° 52' 38"	105° 43' 27"					E-48-8-A-b
thôn 3	DC	xã Thiệu Tân	H. Thiệu Hóa	19° 52' 44"	105° 43' 23"					E-48-8-A-b
thôn 4	DC	xã Thiệu Tân	H. Thiệu Hóa	19° 52' 45"	105° 43' 08"					E-48-8-A-b
thôn 5	DC	xã Thiệu Tân	H. Thiệu Hóa	19° 52' 26"	105° 43' 26"					E-48-8-A-d
Sông Chu	TV	xã Thiệu Tân	H. Thiệu Hóa			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-b, E-48-8-A-d
Núi Đọ	SV	xã Thiệu Tân	H. Thiệu Hóa	19° 52' 29"	105° 43' 48"					E-48-8-A-b
làng Tân Giang	DC	xã Thiệu Tân	H. Thiệu Hóa	19° 52' 51"	105° 43' 51"					E-48-8-A-b
làng Tân Thắng	DC	xã Thiệu Tân	H. Thiệu Hóa	19° 52' 39"	105° 43' 22"					E-48-8-A-b
làng Tân Trung	DC	xã Thiệu Tân	H. Thiệu Hóa	19° 52' 45"	105° 43' 20"					E-48-8-A-b
sông Cầu Chày	TV	xã Thiệu Thành	H. Thiệu Hóa			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-A-b
sông Mậu Khê	TV	xã Thiệu Thành	H. Thiệu Hóa			19° 56' 28"	105° 37' 03"	19° 53' 05"	105° 44' 47"	E-48-8-A-b, E-48-8-A-a
thôn Thành Bảo	DC	xã Thiệu Thành	H. Thiệu Hóa	19° 55' 37"	105° 38' 51"					E-48-8-A-b
thôn Thành Đông	DC	xã Thiệu Thành	H. Thiệu Hóa	19° 55' 24"	105° 38' 56"					E-48-8-A-b
thôn Thành Đức	DC	xã Thiệu Thành	H. Thiệu Hóa	19° 55' 49"	105° 38' 32"					E-48-8-A-b
thôn Thành Giang	DC	xã Thiệu Thành	H. Thiệu Hóa	19° 56' 16"	105° 38' 31"					E-48-8-A-b
thôn Thành Sơn	DC	xã Thiệu Thành	H. Thiệu Hóa	19° 55' 40"	105° 38' 01"					E-48-8-A-b
thôn Thành Thiện	DC	xã Thiệu Thành	H. Thiệu Hóa	19° 55' 48"	105° 38' 08"					E-48-8-A-b
thôn Thành Thượng	DC	xã Thiệu Thành	H. Thiệu Hóa	19° 55' 25"	105° 38' 29"					E-48-8-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Thành Tiến	DC	xã Thiệu Thành	H. Thiệu Hóa	19° 55' 38"	105° 38' 31"					E-48-8-A-b
Sông Chu	TV	xã Thiệu Thịnh	H. Thiệu Hóa			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-B-a
thôn Đương Phong	DC	xã Thiệu Thịnh	H. Thiệu Hóa	19° 54' 14"	105° 45' 32"					E-48-8-B-a
Sông Mã	TV	xã Thiệu Thịnh	H. Thiệu Hóa			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-a
Đò Phùng	KX	xã Thiệu Thịnh	H. Thiệu Hóa	19° 54' 15"	105° 45' 43"					E-48-8-B-a
thôn Phùng Thôn 1	DC	xã Thiệu Thịnh	H. Thiệu Hóa	19° 54' 11"	105° 45' 24"					E-48-8-B-a
thôn Phùng Thôn 2	DC	xã Thiệu Thịnh	H. Thiệu Hóa	19° 54' 05"	105° 45' 13"					E-48-8-B-a
thôn Phùng Thôn 3	DC	xã Thiệu Thịnh	H. Thiệu Hóa	19° 54' 11"	105° 45' 12"					E-48-8-B-a
thôn Phùng Thôn 4	DC	xã Thiệu Thịnh	H. Thiệu Hóa	19° 54' 04"	105° 45' 24"					E-48-8-B-a
Sông Chu	TV	xã Thiệu Tiến	H. Thiệu Hóa			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a, E-48-8-A-b
sông Mậu Khê	TV	xã Thiệu Tiến	H. Thiệu Hóa			19° 56' 28"	105° 37' 03"	19° 53' 05"	105° 44' 47"	E-48-8-A-b
làng Phúc Lộc	DC	xã Thiệu Tiến	H. Thiệu Hóa	19° 54' 37"	105° 37' 40"					E-48-8-A-b
thôn Phúc Lộc 1	DC	xã Thiệu Tiến	H. Thiệu Hóa	19° 54' 37"	105° 37' 40"					E-48-8-A-b
thôn Phúc Lộc 2	DC	xã Thiệu Tiến	H. Thiệu Hóa	19° 54' 36"	105° 37' 52"					E-48-8-A-b
làng Quan Trung	DC	xã Thiệu Tiến	H. Thiệu Hóa	19° 54' 13"	105° 38' 37"					E-48-8-A-b
thôn Quan Trung 1	DC	xã Thiệu Tiến	H. Thiệu Hóa	19° 54' 20"	105° 38' 30"					E-48-8-A-b
thôn Quan Trung 2	DC	xã Thiệu Tiến	H. Thiệu Hóa	19° 54' 13"	105° 38' 37"					E-48-8-A-b
thôn Quan Trung 3	DC	xã Thiệu Tiến	H. Thiệu Hóa	19° 54' 05"	105° 38' 45"					E-48-8-A-b
Sông Chu	TV	xã Thiệu Toán	H. Thiệu Hóa			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a
Sông Dừa	TV	xã Thiệu Toán	H. Thiệu Hóa			19° 55' 00"	105° 33' 59"	19° 51' 22"	105° 38' 24"	E-48-8-A-d, E-48-8-A-b
Cầu Kè	KX	xã Thiệu Toán	H. Thiệu Hóa	19° 54' 32"	105° 35' 51"					E-48-8-A-a
sông Nông Giang	TV	xã Thiệu Toán	H. Thiệu Hóa			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Toán Hàng	DC	xã Thiệu Toán	H. Thiệu Hóa	19° 54' 25"	105° 35' 58"					E-48-8-A-a
thôn Toán Phúc	DC	xã Thiệu Toán	H. Thiệu Hóa	19° 54' 45"	105° 36' 01"					E-48-8-A-a
thôn Toán Thắng	DC	xã Thiệu Toán	H. Thiệu Hóa	19° 54' 03"	105° 35' 25"					E-48-8-A-a
thôn Toán Thành	DC	xã Thiệu Toán	H. Thiệu Hóa	19° 54' 20"	105° 36' 18"					E-48-8-A-a
thôn Toán Thọ	DC	xã Thiệu Toán	H. Thiệu Hóa	19° 55' 19"	105° 36' 15"					E-48-8-A-a
thôn Toán Tỵ	DC	xã Thiệu Toán	H. Thiệu Hóa	19° 54' 30"	105° 36' 09"					E-48-8-A-a
thôn 1	DC	xã Thiệu Trung	H. Thiệu Hóa	19° 51' 31"	105° 40' 37"					E-48-8-A-d
thôn 2	DC	xã Thiệu Trung	H. Thiệu Hóa	19° 51' 12"	105° 40' 32"					E-48-8-A-d
thôn 3	DC	xã Thiệu Trung	H. Thiệu Hóa	19° 51' 04"	105° 40' 46"					E-48-8-A-d
thôn 4	DC	xã Thiệu Trung	H. Thiệu Hóa	19° 51' 05"	105° 40' 57"					E-48-8-A-d
thôn 5	DC	xã Thiệu Trung	H. Thiệu Hóa	19° 51' 18"	105° 40' 47"					E-48-8-A-d
thôn 6	DC	xã Thiệu Trung	H. Thiệu Hóa	19° 51' 13"	105° 41' 02"					E-48-8-A-d
quốc lộ 45	KX	xã Thiệu Trung	H. Thiệu Hóa			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 45"	105° 26' 03"	E-48-8-A-d
sông Nhà Lê	TV	xã Thiệu Trung	H. Thiệu Hóa			19° 51' 19"	105° 40' 40"	19° 47' 53"	105° 47' 13"	E-48-8-A-d
sông Nông Giang	TV	xã Thiệu Trung	H. Thiệu Hóa			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-d
thôn 1	DC	xã Thiệu Vận	H. Thiệu Hóa	19° 51' 44"	105° 40' 13"					E-48-8-A-d
thôn 2	DC	xã Thiệu Vận	H. Thiệu Hóa	19° 51' 55"	105° 40' 01"					E-48-8-A-d
thôn 3	DC	xã Thiệu Vận	H. Thiệu Hóa	19° 51' 56"	105° 39' 53"					E-48-8-A-d
thôn 4	DC	xã Thiệu Vận	H. Thiệu Hóa	19° 51' 57"	105° 39' 46"					E-48-8-A-d
thôn 5	DC	xã Thiệu Vận	H. Thiệu Hóa	19° 52' 33"	105° 39' 21"					E-48-8-A-b
thôn 6	DC	xã Thiệu Vận	H. Thiệu Hóa	19° 52' 39"	105° 39' 30"					E-48-8-A-b
cầu Thiệu Lý	KX	xã Thiệu Vận	H. Thiệu Hóa	19° 51' 54"	105° 39' 43"					E-48-8-A-d
Sông Chu	TV	xã Thiệu Vận	H. Thiệu Hóa			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-b
thôn Lạc Đô	DC	xã Thiệu Vận	H. Thiệu Hóa	19° 52' 41"	105° 39' 58"					E-48-8-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
sông Nông Giang	TV	xã Thiệu Vận	H. Thiệu Hóa			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-d
làng Quy Xá	DC	xã Thiệu Vận	H. Thiệu Hóa	19° 52' 37"	105° 39' 33"					E-48-8-A-b
làng Vận Quy	DC	xã Thiệu Vận	H. Thiệu Hóa	19° 51' 55"	105° 40' 01"					E-48-8-A-d
thôn 1	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hóa	19° 52' 57"	105° 38' 19"					E-48-8-A-b
thôn 2	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hóa	19° 52' 50"	105° 38' 43"					E-48-8-A-b
thôn 3	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hóa	19° 52' 34"	105° 38' 47"					E-48-8-A-b
thôn 4	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hóa	19° 52' 15"	105° 38' 55"					E-48-8-A-d
thôn 5	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hóa	19° 52' 19"	105° 38' 54"					E-48-8-A-d
thôn 6	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hóa	19° 52' 16"	105° 38' 49"					E-48-8-A-d
thôn 7	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hóa	19° 51' 54"	105° 38' 50"					E-48-8-A-d
thôn 8	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hóa	19° 51' 58"	105° 38' 37"					E-48-8-A-d
thôn 9	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hóa	19° 51' 57"	105° 38' 25"					E-48-8-A-d
thôn 10	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hóa	19° 52' 03"	105° 38' 15"					E-48-8-A-d
thôn 11	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hóa	19° 52' 26"	105° 38' 14"					E-48-8-A-d
Sông Dừa	TV	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hóa			19° 55' 00"	105° 33' 59"	19° 51' 22"	105° 38' 24"	E-48-8-A-d, E-48-8-A-b
làng Nguyệt Quang	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hóa	19° 52' 19"	105° 38' 54"					E-48-8-A-d
sông Nông Giang	TV	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hóa			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-d, E-48-8-A-b
làng Phú Thứ	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hóa	19° 52' 03"	105° 38' 15"					E-48-8-A-d
làng Viên Nội	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hóa	19° 52' 19"	105° 39' 04"					E-48-8-A-d
thôn Cẩm Vân	DC	xã Thiệu Vũ	H. Thiệu Hóa	19° 55' 34"	105° 36' 53"					E-48-8-A-a
Sông Chu	TV	xã Thiệu Vũ	H. Thiệu Hóa			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a
thôn Lam Đạt	DC	xã Thiệu Vũ	H. Thiệu Hóa	19° 54' 51"	105° 37' 04"					E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Lam Vỹ	DC	xã Thiệu Vũ	H. Thiệu Hóa	19° 54' 44"	105° 37' 18"					E-48-8-A-a
sông Mậu Khê	TV	xã Thiệu Vũ	H. Thiệu Hóa			19° 56' 28"	105° 37' 03"	19° 53' 05"	105° 44' 47"	E-48-8-A-a, E-48-8-A-b
thôn Yên Lộ	DC	xã Thiệu Vũ	H. Thiệu Hóa	19° 55' 57"	105° 36' 32"					E-48-8-A-a
khu 1	DC	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân	19° 54' 58"	105° 24' 36"					E-48-7-B-b
khu 2	DC	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân	19° 54' 49"	105° 24' 32"					E-48-7-B-b
khu 3	DC	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân	19° 54' 42"	105° 24' 07"					E-48-7-B-b
khu 4	DC	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân	19° 54' 34"	105° 24' 20"					E-48-7-B-b
khu 5	DC	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân	19° 54' 18"	105° 24' 11"					E-48-7-B-b
khu 6	DC	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân	19° 53' 47"	105° 24' 14"					E-48-7-B-b
quốc lộ 47	KX	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-7-B-b
đường tỉnh 506	KX	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-7-B-b
đường tỉnh 507	KX	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân			20° 03' 25"	104° 57' 40"	19° 54' 44"	105° 24' 14"	E-48-7-B-b
Sông Chu	TV	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-B-b
thôn Đoàn Kết	DC	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân	19° 54' 12"	105° 24' 29"					E-48-7-B-b
đường Hồ Chí Minh	KX	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	E-48-7-B-b
thôn Lam Sơn	DC	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân	19° 55' 17"	105° 24' 26"					E-48-7-B-b
Núi Mục	SV	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân	19° 54' 55"	105° 23' 53"					E-48-7-B-b
cầu Mục Sơn	KX	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân	19° 55' 07"	105° 24' 32"					E-48-7-B-b
sông Nông Giang	TV	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân			19° 53' 46"	105° 22' 37"	19° 54' 41"	105° 32' 31"	E-48-7-B-b
xóm Son Đào	DC	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân	19° 54' 06"	105° 25' 03"					E-48-7-B-b
khu 1	DC	TT. Sao Vàng	H. Thọ Xuân	19° 53' 27"	105° 27' 11"					E-48-7-B-b
khu 2	DC	TT. Sao Vàng	H. Thọ Xuân	19° 53' 30"	105° 27' 38"					E-48-7-B-b
khu 3	DC	TT. Sao Vàng	H. Thọ Xuân	19° 53' 19"	105° 27' 35"					E-48-7-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khu 4	DC	TT. Sao Vàng	H. Thọ Xuân	19° 53' 19"	105° 27' 42"					E-48-7-B-b
khu 5	DC	TT. Sao Vàng	H. Thọ Xuân	19° 53' 05"	105° 27' 40"					E-48-7-B-b
khu 6	DC	TT. Sao Vàng	H. Thọ Xuân	19° 53' 19"	105° 27' 04"					E-48-7-B-b
quốc lộ 47	KX	TT. Sao Vàng	H. Thọ Xuân			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-7-B-b
Suối Chủa	TV	TT. Sao Vàng	H. Thọ Xuân			19° 52' 38"	105° 25' 49"	19° 53' 29"	105° 30' 12"	E-48-7-B-b
khu 1	DC	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân	19° 56' 07"	105° 30' 58"					E-48-8-A-a
khu 2	DC	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân	19° 56' 01"	105° 31' 01"					E-48-8-A-a
khu 3	DC	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân	19° 56' 12"	105° 31' 05"					E-48-8-A-a
khu 4	DC	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân	19° 56' 12"	105° 31' 23"					E-48-8-A-a
khu 5	DC	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân	19° 56' 07"	105° 31' 23"					E-48-8-A-a
khu 6	DC	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân	19° 55' 59"	105° 31' 12"					E-48-8-A-a
khu 7	DC	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân	19° 55' 45"	105° 31' 19"					E-48-8-A-a
khu 8	DC	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân	19° 55' 45"	105° 31' 12"					E-48-8-A-a
khu 9	DC	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân	19° 55' 31"	105° 31' 19"					E-48-8-A-a
đường tỉnh 506	KX	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-A-a
cầu 3/2	KX	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân	19° 55' 35"	105° 31' 19"					E-48-8-A-a
Sông Chu	TV	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a
Chợ Phủ	KX	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân	19° 56' 09"	105° 30' 58"					E-48-8-A-a
Cầu Trắng	KX	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân	19° 55' 38"	105° 31' 01"					E-48-8-A-a
đường tỉnh 506	KX	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-A-a
thôn Mỹ Hạ	DC	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân	19° 55' 15"	105° 32' 31"					E-48-8-A-a
thôn Mỹ Thượng 1	DC	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân	19° 55' 05"	105° 32' 08"					E-48-8-A-a
thôn Mỹ Thượng 2	DC	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân	19° 55' 03"	105° 32' 20"					E-48-8-A-a
thôn Mỹ Thượng 3	DC	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân	19° 55' 14"	105° 32' 22"					E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Chợ Neo	KX	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân	19° 55' 07"	105° 32' 10"					E-48-8-A-a
thôn Nhuế Thôn 1	DC	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân	19° 55' 17"	105° 32' 40"					E-48-8-A-a
thôn Nhuế Thôn 2	DC	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân	19° 55' 12"	105° 32' 45"					E-48-8-A-a
thôn Nhuế Thôn 3	DC	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân	19° 55' 08"	105° 32' 54"					E-48-8-A-a
sông Nông Giang	TV	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-a
cầu Phúc Như	KX	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân	19° 54' 40"	105° 32' 46"					E-48-8-A-a
thôn Trung Thôn 1	DC	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân	19° 55' 09"	105° 32' 40"					E-48-8-A-a
thôn Trung Thôn 2	DC	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân	19° 55' 01"	105° 32' 43"					E-48-8-A-a
thôn Trung Thôn 3	DC	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân	19° 55' 01"	105° 32' 34"					E-48-8-A-a
thôn 1	DC	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân	19° 56' 17"	105° 31' 52"					E-48-8-A-a
thôn 2	DC	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân	19° 56' 17"	105° 31' 57"					E-48-8-A-a
thôn 3	DC	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân	19° 56' 19"	105° 32' 02"					E-48-8-A-a
thôn 4	DC	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân	19° 56' 15"	105° 32' 20"					E-48-8-A-a
thôn 5	DC	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân	19° 56' 16"	105° 32' 24"					E-48-8-A-a
thôn 6	DC	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân	19° 56' 19"	105° 32' 28"					E-48-8-A-a
thôn 7	DC	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân	19° 56' 20"	105° 32' 31"					E-48-8-A-a
thôn 8	DC	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân	19° 56' 23"	105° 32' 35"					E-48-8-A-a
thôn 9	DC	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân	19° 56' 24"	105° 32' 38"					E-48-8-A-a
đường tỉnh 515D	KX	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân			19° 56' 20"	105° 32' 08"	20° 00' 38"	105° 34' 14"	E-48-8-A-a
Sông Chu	TV	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a
làng Đồng Thôn	DC	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân	19° 56' 17"	105° 31' 52"					E-48-8-A-a
cầu Hạnh Phúc	KX	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân	19° 56' 37"	105° 31' 59"					E-48-8-A-a
làng Quân Bình	DC	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân	19° 56' 19"	105° 32' 28"					E-48-8-A-a
đường tỉnh 506	KX	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Cao Phong	DC	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 27"	105° 32' 31"					E-48-8-A-a
thôn Kim Bảng	DC	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 14"	105° 32' 31"					E-48-8-A-a
Kênh Nam	TV	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-A-a
sông Nông Giang	TV	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân			19° 53' 46"	105° 22' 37"	19° 54' 41"	105° 32' 31"	E-48-8-A-a
thôn Phố Neo	DC	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 48"	105° 32' 19"					E-48-8-A-a
thôn Phong Lạc 2	DC	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 35"	105° 33' 04"					E-48-8-A-a
thôn Phong Lạc 3	DC	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 43"	105° 33' 07"					E-48-8-A-a
thôn Phong Lạc 4	DC	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 42"	105° 33' 18"					E-48-8-A-a
thôn Phú Gia	DC	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 36"	105° 32' 17"					E-48-8-A-a
thôn Phúc Hạ	DC	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 54"	105° 32' 20"					E-48-8-A-a
cầu Phúc Như	KX	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 40"	105° 32' 46"					E-48-8-A-a
thôn Phúc Như	DC	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 35"	105° 32' 29"					E-48-8-A-a
thôn Phúc Thượng	DC	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 50"	105° 32' 10"					E-48-8-A-a
thôn 1	DC	xã Phú Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 46"	105° 30' 18"					E-48-8-A-a
thôn 2	DC	xã Phú Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 44"	105° 30' 25"					E-48-8-A-a
thôn 3	DC	xã Phú Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 36"	105° 30' 29"					E-48-8-A-a
thôn 4	DC	xã Phú Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 24"	105° 30' 40"					E-48-8-A-a
thôn 5	DC	xã Phú Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 21"	105° 31' 05"					E-48-8-A-a
thôn 6	DC	xã Phú Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 38"	105° 31' 14"					E-48-8-A-a
thôn 7	DC	xã Phú Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 34"	105° 31' 23"					E-48-8-A-a
thôn 8	DC	xã Phú Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 16"	105° 30' 43"					E-48-8-A-a
thôn 9	DC	xã Phú Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 06"	105° 30' 50"					E-48-8-A-a
thôn 10	DC	xã Phú Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 05"	105° 30' 58"					E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
kênh Bắc Sông Chu Nam Sông Mã	TV	xã Phú Yên	H. Thọ Xuân			19° 58' 54"	105° 29' 43"	19° 57' 35"	105° 35' 10"	E-48-8-A-a
Sông Chu	TV	xã Phú Yên	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a
thôn 1	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	20° 02' 01"	105° 27' 32"					F-48-91-D-d
thôn 2	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	20° 01' 05"	105° 27' 47"					F-48-91-D-d
thôn 3	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	20° 00' 57"	105° 27' 26"					F-48-91-D-d
thôn 4	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	20° 00' 31"	105° 27' 30"					F-48-91-D-d
thôn 5	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	19° 59' 50"	105° 28' 01"					E-48-7-B-b
thôn 6	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	19° 59' 43"	105° 29' 11"					E-48-7-B-b
thôn 7	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	19° 59' 56"	105° 29' 13"					E-48-7-B-b
thôn 8	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	19° 59' 26"	105° 29' 40"					E-48-7-B-b
thôn 9	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	19° 59' 43"	105° 29' 28"					E-48-7-B-b
thôn 10	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	20° 00' 15"	105° 28' 55"					F-48-91-D-d
thôn 11	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	20° 00' 58"	105° 29' 21"					F-48-91-D-d
thôn 12	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	19° 59' 55"	105° 29' 35"					E-48-7-B-b
thôn 13	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	19° 59' 49"	105° 30' 07"					E-48-8-A-a
thôn 14	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	19° 59' 39"	105° 29' 38"					E-48-7-B-b
thôn 15	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	20° 00' 27"	105° 28' 52"					F-48-91-D-d
thôn 16	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	20° 00' 09"	105° 28' 50"					F-48-91-D-d
thôn 17	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	20° 00' 17"	105° 29' 05"					F-48-91-D-d
sông Cầu Chày	TV	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	F-48-91-D-d, E-48-7-B-b, E-48-8-A-a
thôn 1	DC	xã Tây Hồ	H. Thọ Xuân	19° 55' 33"	105° 31' 37"					E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 2	DC	xã Tây Hồ	H. Thọ Xuân	19° 55' 21"	105° 31' 37"					E-48-8-A-a
thôn 3	DC	xã Tây Hồ	H. Thọ Xuân	19° 55' 46"	105° 31' 46"					E-48-8-A-a
thôn 4	DC	xã Tây Hồ	H. Thọ Xuân	19° 55' 05"	105° 31' 30"					E-48-8-A-a
thôn 5	DC	xã Tây Hồ	H. Thọ Xuân	19° 54' 36"	105° 31' 37"					E-48-8-A-a
thôn 6	DC	xã Tây Hồ	H. Thọ Xuân	19° 54' 39"	105° 31' 52"					E-48-8-A-a
thôn 7	DC	xã Tây Hồ	H. Thọ Xuân	19° 54' 30"	105° 31' 40"					E-48-8-A-a
đường tỉnh 506	KX	xã Tây Hồ	H. Thọ Xuân			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-A-a
sông Nông Giang	TV	xã Tây Hồ	H. Thọ Xuân			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 54' 41"	105° 32' 31"	E-48-8-A-a
thôn 1	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 55' 48"	105° 27' 00"					E-48-7-B-b
thôn 2	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 55' 51"	105° 27' 07"					E-48-7-B-b
thôn 3	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 55' 56"	105° 27' 14"					E-48-7-B-b
thôn 4	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 55' 55"	105° 28' 22"					E-48-7-B-b
thôn 5	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 55' 53"	105° 27' 25"					E-48-7-B-b
thôn 6	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 55' 51"	105° 27' 32"					E-48-7-B-b
thôn 7	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 55' 47"	105° 27' 43"					E-48-7-B-b
thôn 8	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 55' 48"	105° 27' 50"					E-48-7-B-b
thôn 9	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 55' 45"	105° 28' 05"					E-48-7-B-b
thôn 10	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 55' 50"	105° 28' 23"					E-48-7-B-b
thôn 11	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 55' 56"	105° 28' 23"					E-48-7-B-b
thôn 12	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 56' 10"	105° 28' 16"					E-48-7-B-b
thôn 13	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 55' 53"	105° 27' 00"					E-48-7-B-b
đường tỉnh 506	KX	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-7-B-b
Sông Chu	TV	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-B-b
sông Nông Giang	TV	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 54' 41"	105° 32' 31"	E-48-7-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
đường tỉnh 506	KX	xã Thọ Hải	H. Thọ Xuân			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-7-B-b
Sông Chu	TV	xã Thọ Hải	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-B-b
thôn Công Thành	DC	xã Thọ Hải	H. Thọ Xuân	19° 56' 36"	105° 28' 31"					E-48-7-B-b
thôn Hải Khoát	DC	xã Thọ Hải	H. Thọ Xuân	19° 56' 29"	105° 28' 01"					E-48-7-B-b
thôn Hải Mậu	DC	xã Thọ Hải	H. Thọ Xuân	19° 56' 39"	105° 28' 00"					E-48-7-B-b
thôn Hải Tân	DC	xã Thọ Hải	H. Thọ Xuân	19° 56' 21"	105° 28' 19"					E-48-7-B-b
thôn Hương 1	DC	xã Thọ Hải	H. Thọ Xuân	19° 56' 46"	105° 28' 54"					E-48-7-B-b
thôn Hương 2	DC	xã Thọ Hải	H. Thọ Xuân	19° 56' 41"	105° 28' 44"					E-48-7-B-b
thôn Minh Hải	DC	xã Thọ Hải	H. Thọ Xuân	19° 56' 54"	105° 27' 50"					E-48-7-B-b
thôn Ngọc Thành	DC	xã Thọ Hải	H. Thọ Xuân	19° 56' 38"	105° 27' 48"					E-48-7-B-b
thôn Phấn Thôn	DC	xã Thọ Hải	H. Thọ Xuân	19° 56' 28"	105° 28' 48"					E-48-7-B-b
thôn 1	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 55' 08"	105° 25' 39"					E-48-7-B-b
thôn 2	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 55' 19"	105° 26' 06"					E-48-7-B-b
thôn 3	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 55' 24"	105° 26' 17"					E-48-7-B-b
thôn 4	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 55' 30"	105° 26' 31"					E-48-7-B-b
thôn 4A	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 53' 08"	105° 26' 20"					E-48-7-B-b
thôn 4B	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 53' 15"	105° 26' 13"					E-48-7-B-b
quốc lộ 47	KX	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-7-B-b
thôn 5	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 55' 40"	105° 26' 47"					E-48-7-B-b
thôn 5B	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 54' 26"	105° 26' 31"					E-48-7-B-b
đường tỉnh 506	KX	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-7-B-b
Núi Chẩu	SV	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 53' 32"	105° 25' 35"					E-48-7-B-b
Sông Chu	TV	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-B-b
Suối Chủa	TV	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân			19° 52' 38"	105° 25' 49"	19° 53' 29"	105° 30' 12"	E-48-7-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Đá Vôi	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 53' 40"	105° 25' 48"					E-48-7-B-b
thôn Đăng Lâu	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 55' 08"	105° 26' 53"					E-48-7-B-b
làng Diên Hào	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 55' 40"	105° 26' 46"					E-48-7-B-b
thôn Điền Trạch	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 53' 55"	105° 26' 13"					E-48-7-B-b
sông Nông Giang	TV	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 54' 41"	105° 32' 31"	E-48-7-B-b
thôn Quần Ngọc	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 55' 18"	105° 27' 05"					E-48-7-B-b
thôn Quyết Tâm	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 54' 44"	105° 24' 47"					E-48-7-B-b
thôn Tân Phúc	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 55' 00"	105° 26' 28"					E-48-7-B-b
thôn 1	DC	xã Thọ Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 53"	105° 27' 58"					E-48-7-B-b
thôn 2	DC	xã Thọ Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 36"	105° 28' 01"					E-48-7-B-b
thôn 3	DC	xã Thọ Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 14"	105° 28' 16"					E-48-7-B-b
thôn 4	DC	xã Thọ Lập	H. Thọ Xuân	19° 57' 46"	105° 28' 37"					E-48-7-B-b
thôn 5	DC	xã Thọ Lập	H. Thọ Xuân	19° 57' 56"	105° 28' 50"					E-48-7-B-b
thôn 6	DC	xã Thọ Lập	H. Thọ Xuân	19° 57' 52"	105° 29' 09"					E-48-7-B-b
thôn 7	DC	xã Thọ Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 06"	105° 29' 02"					E-48-7-B-b
thôn 8	DC	xã Thọ Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 50"	105° 28' 37"					E-48-7-B-b
Sông Chu	TV	xã Thọ Lập	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-B-b
làng Yên Trường	DC	xã Thọ Lập	H. Thọ Xuân	19° 57' 56"	105° 28' 48"					E-48-7-B-b
thôn 1	DC	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân	19° 54' 07"	105° 32' 46"					E-48-8-A-a
thôn 2	DC	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân	19° 54' 04"	105° 32' 53"					E-48-8-A-a
thôn 5	DC	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân	19° 53' 54"	105° 33' 02"					E-48-8-A-a
thôn 6	DC	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân	19° 53' 47"	105° 33' 07"					E-48-8-A-a
thôn 7	DC	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân	19° 53' 36"	105° 33' 07"					E-48-8-A-a
thôn 8	DC	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân	19° 53' 30"	105° 33' 11"					E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 9	DC	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân	19° 53' 29"	105° 33' 07"					E-48-8-A-a
thôn 10	DC	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân	19° 53' 23"	105° 33' 04"					E-48-8-A-a
thôn 11	DC	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân	19° 53' 18"	105° 33' 04"					E-48-8-A-a
thôn 12	DC	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân	19° 53' 15"	105° 33' 11"					E-48-8-A-a
đường tỉnh 506	KX	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-A-a
Kênh Nam	TV	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-A-a
Sông Hoàng	TV	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-A-a
thôn 1	DC	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân	19° 57' 15"	105° 27' 43"					E-48-7-B-b
thôn 2	DC	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân	19° 57' 24"	105° 27' 33"					E-48-7-B-b
thôn 3	DC	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân	19° 57' 37"	105° 27' 45"					E-48-7-B-b
thôn 4	DC	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân	19° 57' 28"	105° 27' 50"					E-48-7-B-b
thôn 5	DC	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân	19° 57' 38"	105° 27' 59"					E-48-7-B-b
thôn 6	DC	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân	19° 57' 50"	105° 28' 08"					E-48-7-B-b
thôn 7	DC	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân	19° 57' 32"	105° 28' 12"					E-48-7-B-b
thôn 8	DC	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân	19° 57' 38"	105° 28' 19"					E-48-7-B-b
thôn 9	DC	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân	19° 57' 42"	105° 27' 39"					E-48-7-B-b
thôn 10	DC	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân	19° 57' 41"	105° 26' 46"					E-48-7-B-b
Sông Chu	TV	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-B-b
làng Long Thịnh	DC	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân	19° 57' 38"	105° 27' 58"					E-48-7-B-b
sông Nhà Lê	TV	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân			19° 58' 18"	105° 25' 44"	19° 57' 27"	105° 26' 31"	E-48-7-B-b
Hón Thiên	TV	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân			19° 56' 42"	105° 25' 12"	19° 56' 58"	105° 27' 38"	E-48-7-B-b
làng Yên Lược	DC	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân	19° 57' 24"	105° 27' 32"					E-48-7-B-b
thôn Căng Bình	DC	xã Thọ Nguyên	H. Thọ Xuân	19° 55' 44"	105° 34' 26"					E-48-8-A-a
thôn Căng Nam	DC	xã Thọ Nguyên	H. Thọ Xuân	19° 55' 37"	105° 34' 33"					E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Căng Thịnh	DC	xã Thọ Nguyên	H. Thọ Xuân	19° 55' 40"	105° 34' 26"					E-48-8-A-a
thôn Căng Trung	DC	xã Thọ Nguyên	H. Thọ Xuân	19° 55' 48"	105° 34' 19"					E-48-8-A-a
Sông Chu	TV	xã Thọ Nguyên	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a
thôn Đồng Dọc	DC	xã Thọ Nguyên	H. Thọ Xuân	19° 55' 41"	105° 34' 14"					E-48-8-A-a
Sông Dừa	TV	xã Thọ Nguyên	H. Thọ Xuân			19° 55' 00"	105° 33' 59"	19° 51' 22"	105° 38' 24"	E-48-8-A-a
thôn Liên Phô	DC	xã Thọ Nguyên	H. Thọ Xuân	19° 56' 25"	105° 33' 43"					E-48-8-A-a
sông Nông Giang	TV	xã Thọ Nguyên	H. Thọ Xuân			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-a
thôn Phong Bái	DC	xã Thọ Nguyên	H. Thọ Xuân	19° 55' 36"	105° 33' 43"					E-48-8-A-a
thôn Tiến Lập	DC	xã Thọ Nguyên	H. Thọ Xuân	19° 55' 08"	105° 34' 08"					E-48-8-A-a
thôn Vân Lộ	DC	xã Thọ Nguyên	H. Thọ Xuân	19° 56' 05"	105° 34' 12"					E-48-8-A-a
thôn 1	DC	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân	19° 55' 38"	105° 35' 10"					E-48-8-A-a
thôn 2	DC	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân	19° 55' 53"	105° 34' 52"					E-48-8-A-a
thôn 3	DC	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân	19° 56' 03"	105° 34' 52"					E-48-8-A-a
thôn 4	DC	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân	19° 56' 09"	105° 34' 48"					E-48-8-A-a
thôn 5	DC	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân	19° 56' 10"	105° 34' 41"					E-48-8-A-a
thôn 6	DC	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân	19° 56' 14"	105° 34' 37"					E-48-8-A-a
thôn 7	DC	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân	19° 56' 40"	105° 34' 46"					E-48-8-A-a
thôn 8	DC	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân	19° 56' 41"	105° 34' 41"					E-48-8-A-a
thôn 9	DC	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân	19° 56' 39"	105° 34' 58"					E-48-8-A-a
sông Cầu Chày	TV	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-A-a
Sông Chu	TV	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a
thôn Đại Thắng	DC	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân	19° 59' 38"	105° 31' 52"					E-48-8-A-a
thôn Phú Vinh	DC	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân	19° 59' 33"	105° 30' 47"					E-48-8-A-a
thôn Thọ Long	DC	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân	19° 59' 25"	105° 30' 25"					E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
quốc lộ 47	KX	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-7-B-b
thôn 385	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 53' 28"	105° 24' 14"					E-48-7-B-b
đường tỉnh 507	KX	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân			20° 03' 25"	104° 57' 40"	19° 54' 44"	105° 24' 14"	E-48-7-B-b
thôn 16A	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 53' 55"	105° 25' 11"					E-48-7-B-b
thôn 16B	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 53' 29"	105° 24' 44"					E-48-7-B-b
thôn Ca Lạc	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 55' 15"	105° 23' 49"					E-48-7-B-b
Sông Chu	TV	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-B-b
thôn Dụng Hòa	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 55' 17"	105° 23' 24"					E-48-7-B-b
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	E-48-7-B-b
thôn Hữu Lễ 1	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 54' 11"	105° 23' 17"					E-48-7-B-b
thôn Hữu Lễ 2	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 54' 14"	105° 23' 13"					E-48-7-B-b
thôn Hữu Lễ 3	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 54' 18"	105° 23' 24"					E-48-7-B-b
thôn Hữu Lễ 4	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 54' 24"	105° 23' 20"					E-48-7-B-b
thôn Làng May	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 54' 01"	105° 23' 31"					E-48-7-B-b
thôn Luận Văn 1	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 54' 42"	105° 23' 10"					E-48-7-B-b
thôn Luận Văn 2	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 55' 02"	105° 23' 20"					E-48-7-B-b
Núi Mục	SV	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 54' 55"	105° 23' 53"					E-48-7-B-b
thôn Mục Ngoại	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 55' 10"	105° 24' 00"					E-48-7-B-b
sông Nông Giang	TV	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 54' 41"	105° 32' 31"	E-48-7-B-b
thôn Thủ Trinh	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 55' 21"	105° 23' 06"					E-48-7-B-b
thôn Thủy Long	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 55' 42"	105° 23' 46"					E-48-7-B-b
thôn 1	DC	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 53' 14"	105° 23' 20"					E-48-7-B-b
thôn 2	DC	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 53' 48"	105° 23' 10"					E-48-7-B-b
thôn 3	DC	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 54' 06"	105° 22' 57"					E-48-7-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 4	DC	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 54' 11"	105° 22' 46"					E-48-7-B-b
thôn 5	DC	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 54' 18"	105° 22' 48"					E-48-7-B-b
thôn 6	DC	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 54' 28"	105° 22' 48"					E-48-7-B-b
thôn 7	DC	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 54' 39"	105° 22' 48"					E-48-7-B-b
thôn 8	DC	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 54' 53"	105° 22' 41"					E-48-7-B-b
đường tỉnh 507	KX	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân			20° 03' 25"	104° 57' 40"	19° 54' 44"	105° 24' 14"	E-48-7-B-b
đập Bái Thượng	KX	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 53' 46"	105° 22' 37"					E-48-7-B-b
Sông Chu	TV	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-B-a, E-48-7-B-b
thôn Minh Thành 1	DC	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 54' 03"	105° 22' 42"					E-48-7-B-b
thôn Minh Thành 2	DC	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 54' 02"	105° 22' 52"					E-48-7-B-b
sông Nông Giang	TV	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 54' 41"	105° 32' 31"	E-48-7-B-b
thôn Quyết Thắng 1	DC	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 53' 45"	105° 22' 48"					E-48-7-B-b
thôn Quyết Thắng 2	DC	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 53' 56"	105° 22' 41"					E-48-7-B-b
xóm 1	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 57' 55"	105° 27' 28"					E-48-7-B-b
xóm 2	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 59' 38"	105° 24' 44"					E-48-7-B-b
xóm 3	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 58' 20"	105° 27' 13"					E-48-7-B-b
xóm 4	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 58' 35"	105° 27' 25"					E-48-7-B-b
xóm 5	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 59' 04"	105° 27' 14"					E-48-7-B-b
xóm 6	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 58' 43"	105° 26' 46"					E-48-7-B-b
xóm 7	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 59' 12"	105° 27' 00"					E-48-7-B-b
xóm 8	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 59' 25"	105° 26' 32"					E-48-7-B-b
xóm 9	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 59' 35"	105° 26' 04"					E-48-7-B-b
xóm 10	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 59' 56"	105° 25' 27"					E-48-7-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 11	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 59' 22"	105° 25' 50"					E-48-7-B-b
xóm 12	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 59' 57"	105° 25' 26"					E-48-7-B-b
núi Gô Tô	SV	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	20° 00' 11"	105° 25' 34"					F-48-91-D-d
làng Vạn Lai Hạ	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 58' 59"	105° 26' 53"					E-48-7-B-b
thôn 1	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 55' 09"	105° 30' 58"					E-48-8-A-a
thôn 2	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 55' 02"	105° 30' 43"					E-48-8-A-a
thôn 3	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 55' 03"	105° 30' 32"					E-48-8-A-a
thôn 4	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 55' 06"	105° 30' 14"					E-48-8-A-a
thôn 5	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 55' 01"	105° 30' 11"					E-48-8-A-a
thôn 6	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 55' 01"	105° 30' 02"					E-48-8-A-a
thôn 7	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 55' 01"	105° 29' 42"					E-48-7-B-b
thôn 8	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 55' 00"	105° 29' 28"					E-48-7-B-b
thôn 9	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 55' 11"	105° 29' 24"					E-48-7-B-b
thôn 10	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 55' 12"	105° 29' 14"					E-48-7-B-b
thôn 11	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 35"	105° 29' 24"					E-48-7-B-b
thôn 12	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 35"	105° 29' 38"					E-48-7-B-b
thôn 13	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 35"	105° 29' 56"					E-48-7-B-b
kênh C1B	TV	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân			19° 55' 02"	105° 29' 06"	19° 56' 28"	105° 29' 42"	E-48-7-B-b
kênh C6	TV	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân			19° 54' 54"	105° 30' 08"	19° 46' 59"	105° 34' 55"	E-48-8-A-a
sông Nông Giang	TV	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 54' 41"	105° 32' 31"	E-48-7-B-b, E-48-8-A-a
đường tỉnh 506	KX	xã Xuân Hòa	H. Thọ Xuân			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-7-B-b, E-48-8-A-a
kênh C1B	TV	xã Xuân Hòa	H. Thọ Xuân			19° 55' 02"	105° 29' 06"	19° 56' 28"	105° 29' 42"	E-48-7-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Sông Chu	TV	xã Xuân Hòa	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a, E-48-7-B-b
thôn Hạ Long	DC	xã Xuân Hòa	H. Thọ Xuân	19° 57' 20"	105° 30' 04"					E-48-8-A-a
thôn Khải Đông	DC	xã Xuân Hòa	H. Thọ Xuân	19° 57' 07"	105° 30' 07"					E-48-8-A-a
thôn Kim Ốc	DC	xã Xuân Hòa	H. Thọ Xuân	19° 57' 10"	105° 30' 18"					E-48-8-A-a
thôn Kim Phúc	DC	xã Xuân Hòa	H. Thọ Xuân	19° 56' 50"	105° 30' 32"					E-48-8-A-a
thôn Phúc Thượng	DC	xã Xuân Hòa	H. Thọ Xuân	19° 56' 43"	105° 30' 18"					E-48-8-A-a
thôn Thượng Vôi	DC	xã Xuân Hòa	H. Thọ Xuân	19° 57' 26"	105° 29' 20"					E-48-7-B-b
thôn Tỉnh Thôn 1	DC	xã Xuân Hòa	H. Thọ Xuân	19° 56' 28"	105° 30' 00"					E-48-8-A-a
thôn Tỉnh Thôn 2	DC	xã Xuân Hòa	H. Thọ Xuân	19° 56' 41"	105° 29' 38"					E-48-7-B-b
thôn Trung Thành 1	DC	xã Xuân Hòa	H. Thọ Xuân	19° 57' 23"	105° 29' 42"					E-48-7-B-b
thôn Trung Thành 2	DC	xã Xuân Hòa	H. Thọ Xuân	19° 57' 18"	105° 29' 53"					E-48-7-B-b
kênh C1B	TV	xã Xuân Hưng	H. Thọ Xuân			19° 55' 02"	105° 29' 06"	19° 55' 37"	105° 31' 00"	E-48-7-B-b
sông Nhà Lê	TV	xã Xuân Hưng	H. Thọ Xuân			19° 53' 20"	105° 28' 30"	19° 53' 29"	105° 30' 11"	E-48-7-B-b
sông Nông Giang	TV	xã Xuân Hưng	H. Thọ Xuân			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 54' 41"	105° 32' 31"	E-48-7-B-b
thôn Phúc Hưng	DC	xã Xuân Hưng	H. Thọ Xuân	19° 54' 07"	105° 28' 59"					E-48-7-B-b
Sân bay Thọ Xuân	KX	xã Xuân Hưng	H. Thọ Xuân	19° 54' 12"	105° 27' 36"					E-48-7-B-b
thôn Xuân Hội	DC	xã Xuân Hưng	H. Thọ Xuân	19° 55' 07"	105° 28' 26"					E-48-7-B-b
thôn Xuân Khoa	DC	xã Xuân Hưng	H. Thọ Xuân	19° 54' 56"	105° 28' 18"					E-48-7-B-b
thôn Xuân Lai	DC	xã Xuân Hưng	H. Thọ Xuân	19° 55' 18"	105° 28' 48"					E-48-7-B-b
thôn Xuân Phú	DC	xã Xuân Hưng	H. Thọ Xuân	19° 54' 49"	105° 29' 02"					E-48-7-B-b
thôn Xuân Tân	DC	xã Xuân Hưng	H. Thọ Xuân	19° 55' 11"	105° 27' 38"					E-48-7-B-b
thôn Xuân Thanh	DC	xã Xuân Hưng	H. Thọ Xuân	19° 54' 23"	105° 28' 52"					E-48-7-B-b
thôn Xuân Vinh	DC	xã Xuân Hưng	H. Thọ Xuân	19° 54' 41"	105° 28' 36"					E-48-7-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Sông Chu	TV	xã Xuân Khánh	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a
thôn Cường Mạnh	DC	xã Xuân Khánh	H. Thọ Xuân	19° 54' 55"	105° 35' 00"					E-48-8-A-a
thôn Hùng Dũng	DC	xã Xuân Khánh	H. Thọ Xuân	19° 54' 52"	105° 35' 15"					E-48-8-A-a
thôn Khang Thịnh	DC	xã Xuân Khánh	H. Thọ Xuân	19° 55' 12"	105° 34' 53"					E-48-8-A-a
thôn Ninh Thành	DC	xã Xuân Khánh	H. Thọ Xuân	19° 55' 18"	105° 34' 48"					E-48-8-A-a
sông Nông Giang	TV	xã Xuân Khánh	H. Thọ Xuân			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-a
thôn Phúc Tráng	DC	xã Xuân Khánh	H. Thọ Xuân	19° 55' 01"	105° 35' 02"					E-48-8-A-a
thôn Thọ Lộc	DC	xã Xuân Khánh	H. Thọ Xuân	19° 55' 07"	105° 34' 58"					E-48-8-A-a
thôn 10	DC	xã Xuân Lai	H. Thọ Xuân	19° 57' 22"	105° 31' 52"					E-48-8-A-a
đường tỉnh 515D	KX	xã Xuân Lai	H. Thọ Xuân			19° 56' 20"	105° 32' 08"	20° 00' 38"	105° 34' 14"	E-48-8-A-a
cầu Hạnh Phúc	KX	xã Xuân Lai	H. Thọ Xuân	19° 56' 37"	105° 31' 59"					E-48-8-A-a
kênh N2	TV	xã Xuân Lai	H. Thọ Xuân			19° 58' 58"	105° 29' 27"	19° 57' 35"	105° 35' 10"	E-48-8-A-a
làng Phong Lai	DC	xã Xuân Lai	H. Thọ Xuân	19° 56' 51"	105° 33' 11"					E-48-8-A-a
Chợ Thạc	KX	xã Xuân Lai	H. Thọ Xuân	19° 57' 09"	105° 32' 06"					E-48-8-A-a
xóm 1	DC	xã Xuân Lam	H. Thọ Xuân	19° 55' 22"	105° 24' 30"					E-48-7-B-b
Sông Chu	TV	xã Xuân Lam	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-B-b
thôn Giao Xá	DC	xã Xuân Lam	H. Thọ Xuân	19° 55' 38"	105° 24' 54"					E-48-7-B-b
thôn Hào Lương	DC	xã Xuân Lam	H. Thọ Xuân	19° 55' 56"	105° 25' 41"					E-48-7-B-b
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Xuân Lam	H. Thọ Xuân			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	E-48-7-B-b
Đền Lê	KX	xã Xuân Lam	H. Thọ Xuân	19° 55' 29"	105° 24' 29"					E-48-7-B-b
cầu Mục Sơn	KX	xã Xuân Lam	H. Thọ Xuân	19° 55' 07"	105° 24' 32"					E-48-7-B-b
kênh N2	TV	xã Xuân Lam	H. Thọ Xuân			19° 55' 34"	105° 24' 51"	19° 57' 13"	105° 26' 46"	E-48-7-B-b
lăng Nhà Lê	KX	xã Xuân Lam	H. Thọ Xuân	19° 55' 33"	105° 24' 14"					E-48-7-B-b
thôn Phúc Lâm	DC	xã Xuân Lam	H. Thọ Xuân	19° 55' 35"	105° 24' 45"					E-48-7-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Hón Thiên	TV	xã Xuân Lam	H. Thọ Xuân			19° 56' 42"	105° 25' 12"	19° 56' 58"	105° 27' 38"	E-48-7-B-b
thôn Phú Xá 1	DC	xã Xuân Lập	H. Thọ Xuân	19° 57' 53"	105° 31' 14"					E-48-8-A-a
thôn Phú Xá 2	DC	xã Xuân Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 00"	105° 31' 16"					E-48-8-A-a
thôn Phú Xá 3	DC	xã Xuân Lập	H. Thọ Xuân	19° 57' 54"	105° 31' 24"					E-48-8-A-a
thôn Trung Lập 1	DC	xã Xuân Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 11"	105° 31' 57"					E-48-8-A-a
thôn Trung Lập 2	DC	xã Xuân Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 11"	105° 32' 11"					E-48-8-A-a
thôn Trung Lập 3	DC	xã Xuân Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 20"	105° 32' 08"					E-48-8-A-a
thôn Trung Lập 4	DC	xã Xuân Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 19"	105° 32' 15"					E-48-8-A-a
thôn Trung Lập 5	DC	xã Xuân Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 26"	105° 32' 13"					E-48-8-A-a
thôn Trung Lập 6	DC	xã Xuân Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 32"	105° 32' 24"					E-48-8-A-a
thôn Vũ Hạ	DC	xã Xuân Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 14"	105° 31' 48"					E-48-8-A-a
thôn Vũ Thượng 1	DC	xã Xuân Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 05"	105° 31' 26"					E-48-8-A-a
thôn Vũ Thượng 2	DC	xã Xuân Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 10"	105° 31' 31"					E-48-8-A-a
đường tỉnh 515D	KX	xã Xuân Minh	H. Thọ Xuân			19° 56' 20"	105° 32' 08"	20° 00' 38"	105° 34' 14"	E-48-8-A-a
sông Cầu Chày	TV	xã Xuân Minh	H. Thọ Xuân			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-A-a
thôn Ngọc Trung	DC	xã Xuân Minh	H. Thọ Xuân	19° 58' 17"	105° 32' 35"					E-48-8-A-a
thôn Phong Cốc	DC	xã Xuân Minh	H. Thọ Xuân	19° 57' 58"	105° 32' 46"					E-48-8-A-a
thôn Quang Hoa	DC	xã Xuân Minh	H. Thọ Xuân	19° 58' 36"	105° 33' 18"					E-48-8-A-a
thôn Thiên Lọc	DC	xã Xuân Minh	H. Thọ Xuân	19° 58' 19"	105° 33' 25"					E-48-8-A-a
thôn Thuần Hậu	DC	xã Xuân Minh	H. Thọ Xuân	19° 58' 30"	105° 32' 46"					E-48-8-A-a
thôn Vinh Quang	DC	xã Xuân Minh	H. Thọ Xuân	19° 58' 15"	105° 32' 56"					E-48-8-A-a
thôn 1	DC	xã Xuân Phong	H. Thọ Xuân	19° 54' 35"	105° 34' 08"					E-48-8-A-a
thôn 2	DC	xã Xuân Phong	H. Thọ Xuân	19° 54' 29"	105° 34' 05"					E-48-8-A-a
thôn 3	DC	xã Xuân Phong	H. Thọ Xuân	19° 54' 19"	105° 34' 05"					E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 4	DC	xã Xuân Phong	H. Thọ Xuân	19° 54' 20"	105° 33' 58"					E-48-8-A-a
thôn 5	DC	xã Xuân Phong	H. Thọ Xuân	19° 54' 09"	105° 33' 58"					E-48-8-A-a
thôn 6	DC	xã Xuân Phong	H. Thọ Xuân	19° 54' 09"	105° 34' 16"					E-48-8-A-a
thôn 7	DC	xã Xuân Phong	H. Thọ Xuân	19° 53' 48"	105° 34' 23"					E-48-8-A-a
thôn 8	DC	xã Xuân Phong	H. Thọ Xuân	19° 53' 42"	105° 34' 16"					E-48-8-A-a
thôn 9	DC	xã Xuân Phong	H. Thọ Xuân	19° 53' 37"	105° 34' 23"					E-48-8-A-a
Sông Dừa	TV	xã Xuân Phong	H. Thọ Xuân			19° 55' 00"	105° 33' 59"	19° 51' 22"	105° 38' 24"	E-48-8-A-a
làng Mạnh Chư	DC	xã Xuân Phong	H. Thọ Xuân	19° 54' 09"	105° 34' 16"					E-48-8-A-a
thôn 12	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 52' 12"	105° 25' 45"					E-48-7-B-d
thôn Ba Ngọc	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 50' 57"	105° 25' 08"					E-48-7-B-d
thôn Bàn Lai	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 51' 47"	105° 25' 59"					E-48-7-B-d
Suối Chủa	TV	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân			19° 52' 38"	105° 25' 49"	19° 53' 29"	105° 30' 12"	E-48-7-B-b
hồ Cửa Trát	TV	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 51' 14"	105° 26' 06"					E-48-7-B-d
thôn Cửa Trát	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 52' 07"	105° 26' 02"					E-48-7-B-d
thôn Đá Dựng	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 52' 23"	105° 24' 50"					E-48-7-B-d
thôn Đội 3	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 53' 08"	105° 24' 17"					E-48-7-B-b
thôn Đồng Cốc	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 52' 42"	105° 25' 19"					E-48-7-B-b
thôn Đồng Luồng	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 52' 03"	105° 24' 50"					E-48-7-B-d
thôn Đồng Tro	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 52' 06"	105° 25' 15"					E-48-7-B-d
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	E-48-7-B-d, E-48-7-B-b
thôn Hố Dăm	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 52' 17"	105° 24' 32"					E-48-7-B-d
thôn Làng Bài	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 51' 25"	105° 24' 14"					E-48-7-B-d
thôn Làng Pheo	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 50' 17"	105° 24' 52"					E-48-7-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Làng Sung	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 50' 54"	105° 24' 50"					E-48-7-B-d
Suối Lù	TV	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân			19° 50' 58"	105° 24' 11"	19° 51' 18"	105° 21' 07"	E-48-7-B-d
thôn 1	DC	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân	19° 54' 37"	105° 31' 16"					E-48-8-A-a
thôn 2	DC	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân	19° 54' 34"	105° 31' 08"					E-48-8-A-a
thôn 3	DC	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân	19° 54' 43"	105° 31' 05"					E-48-8-A-a
thôn 4	DC	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân	19° 54' 45"	105° 31' 01"					E-48-8-A-a
thôn 5	DC	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân	19° 54' 50"	105° 30' 54"					E-48-8-A-a
thôn 6	DC	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân	19° 54' 39"	105° 30' 43"					E-48-8-A-a
thôn 7	DC	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân	19° 54' 26"	105° 30' 59"					E-48-8-A-a
thôn 8	DC	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân	19° 54' 35"	105° 30' 36"					E-48-8-A-a
thôn 9	DC	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân	19° 54' 27"	105° 30' 36"					E-48-8-A-a
thôn 10	DC	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân	19° 54' 42"	105° 31' 26"					E-48-8-A-a
kênh C6	TV	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân			19° 54' 54"	105° 30' 08"	19° 46' 59"	105° 34' 55"	E-48-8-A-a
sông Nông Giang	TV	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 54' 41"	105° 32' 31"	E-48-8-A-a
cầu Xuân Quang	KX	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân	19° 54' 37"	105° 31' 19"					E-48-8-A-a
thôn 13	DC	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân	19° 53' 04"	105° 28' 55"					E-48-7-B-b
thôn 15	DC	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân	19° 52' 29"	105° 28' 55"					E-48-7-B-d
quốc lộ 47	KX	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-7-B-b, E-48-7-B-d
thôn Bích Phương	DC	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân	19° 53' 47"	105° 30' 07"					E-48-8-A-a
thôn Bột Thượng	DC	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân	19° 53' 50"	105° 30' 29"					E-48-8-A-a
kênh C6	TV	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân			19° 54' 54"	105° 30' 08"	19° 46' 59"	105° 34' 55"	E-48-8-A-a
thôn Đồng Đình	DC	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân	19° 53' 06"	105° 30' 29"					E-48-8-A-a
thôn Đồng Thanh	DC	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân	19° 53' 12"	105° 28' 55"					E-48-7-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Hoàng Kim	DC	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân	19° 53' 28"	105° 31' 26"					E-48-8-A-a
cầu Làng Chiềng	KX	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân	19° 53' 28"	105° 30' 14"					E-48-8-A-a
thôn Ngọc Lạp	DC	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân	19° 53' 54"	105° 29' 12"					E-48-7-B-b
sông Nhà Lê	TV	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân			19° 53' 20"	105° 28' 30"	19° 53' 29"	105° 30' 11"	E-48-7-B-b, E-48-8-A-a
Sông Hoàng	TV	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-A-a
thôn Thành Sơn	DC	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân	19° 53' 25"	105° 29' 38"					E-48-8-A-a
thôn Yên Cư	DC	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân	19° 53' 39"	105° 30' 57"					E-48-8-A-a
kênh Bắc Sông Chu Nam Sông Mã	TV	xã Xuân Tân	H. Thọ Xuân			19° 58' 54"	105° 29' 43"	19° 57' 35"	105° 35' 10"	E-48-8-A-a
sông Cầu Chày	TV	xã Xuân Tân	H. Thọ Xuân			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-A-a
Sông Chu	TV	xã Xuân Tân	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a
thôn Ngọc Quang 1	DC	xã Xuân Tân	H. Thọ Xuân	19° 57' 18"	105° 34' 37"					E-48-8-A-a
thôn Ngọc Quang 2	DC	xã Xuân Tân	H. Thọ Xuân	19° 57' 23"	105° 34' 34"					E-48-8-A-a
thôn Phong Mỹ 1	DC	xã Xuân Tân	H. Thọ Xuân	19° 57' 11"	105° 33' 47"					E-48-8-A-a
thôn Phong Mỹ 2	DC	xã Xuân Tân	H. Thọ Xuân	19° 57' 24"	105° 33' 45"					E-48-8-A-a
thôn Thọ Tân 1	DC	xã Xuân Tân	H. Thọ Xuân	19° 57' 09"	105° 33' 25"					E-48-8-A-a
thôn Thọ Tân 2	DC	xã Xuân Tân	H. Thọ Xuân	19° 57' 00"	105° 33' 29"					E-48-8-A-a
thôn 1	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 53' 19"	105° 28' 12"					E-48-7-B-b
thôn 2	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 52' 52"	105° 27' 50"					E-48-7-B-b
thôn 3	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 52' 27"	105° 27' 40"					E-48-7-B-b
thôn 4	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 52' 51"	105° 27' 18"					E-48-7-B-b
thôn 5	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 52' 00"	105° 27' 22"					E-48-7-B-d
thôn 6	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 51' 38"	105° 27' 37"					E-48-7-B-d
thôn 7	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 51' 27"	105° 27' 47"					E-48-7-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 8	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 51' 08"	105° 27' 25"					E-48-7-B-d
thôn 9	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 50' 53"	105° 27' 25"					E-48-7-B-d
thôn 10	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 52' 27"	105° 28' 16"					E-48-7-B-d
thôn 11	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 53' 08"	105° 28' 19"					E-48-7-B-b
thôn 12	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 51' 58"	105° 28' 12"					E-48-7-B-d
thôn 13	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 51' 58"	105° 29' 25"					E-48-7-B-d
thôn 14	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 52' 33"	105° 27' 00"					E-48-7-B-b
quốc lộ 47	KX	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-7-B-d, E-48-7-B-b
Suối Chủa	TV	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân			19° 52' 38"	105° 25' 49"	19° 53' 29"	105° 30' 12"	E-48-7-B-b
hồ Đồng Trường	TV	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 52' 17"	105° 26' 38"					E-48-7-B-d
Suối Rào	TV	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân			19° 52' 35"	105° 28' 05"	19° 53' 20"	105° 28' 30"	E-48-7-B-b
thôn 1	DC	xã Xuân Thành	H. Thọ Xuân	19° 56' 27"	105° 32' 38"					E-48-8-A-a
thôn 2	DC	xã Xuân Thành	H. Thọ Xuân	19° 56' 28"	105° 32' 42"					E-48-8-A-a
thôn 3	DC	xã Xuân Thành	H. Thọ Xuân	19° 56' 28"	105° 32' 45"					E-48-8-A-a
thôn 4	DC	xã Xuân Thành	H. Thọ Xuân	19° 56' 31"	105° 32' 49"					E-48-8-A-a
thôn 5	DC	xã Xuân Thành	H. Thọ Xuân	19° 56' 25"	105° 32' 56"					E-48-8-A-a
thôn 6	DC	xã Xuân Thành	H. Thọ Xuân	19° 56' 21"	105° 33' 01"					E-48-8-A-a
thôn 7	DC	xã Xuân Thành	H. Thọ Xuân	19° 56' 21"	105° 33' 11"					E-48-8-A-a
thôn 8	DC	xã Xuân Thành	H. Thọ Xuân	19° 56' 24"	105° 33' 18"					E-48-8-A-a
Sông Chu	TV	xã Xuân Thành	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a
thôn Cộng Lực	DC	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân	19° 56' 25"	105° 26' 53"					E-48-7-B-b
thôn Đại Đồng	DC	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân	19° 56' 12"	105° 26' 20"					E-48-7-B-b
Chợ Đầm	KX	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân	19° 56' 20"	105° 26' 42"					E-48-7-B-b
thôn Đồng Cổ	DC	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân	19° 57' 03"	105° 25' 52"					E-48-7-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Hiệp Lực	DC	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân	19° 56' 05"	105° 26' 06"					E-48-7-B-b
thôn Hòa Bình	DC	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân	19° 56' 18"	105° 26' 46"					E-48-7-B-b
kênh N2	TV	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân			19° 55' 34"	105° 24' 51"	19° 57' 13"	105° 26' 46"	E-48-7-B-b
thôn Quảng Ích 1	DC	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân	19° 56' 13"	105° 27' 04"					E-48-7-B-b
thôn Quảng Ích 2	DC	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân	19° 56' 22"	105° 27' 11"					E-48-7-B-b
thôn Quảng Phúc	DC	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân	19° 56' 11"	105° 26' 36"					E-48-7-B-b
thôn Tân Thành	DC	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân	19° 56' 24"	105° 26' 38"					E-48-7-B-b
Hón Thiên	TV	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân			19° 56' 42"	105° 25' 12"	19° 56' 58"	105° 27' 38"	E-48-7-B-b
thôn Thống Nhất	DC	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân	19° 56' 38"	105° 26' 49"					E-48-7-B-b
xóm 16	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 58' 54"	105° 28' 55"					E-48-7-B-b
xóm 17	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 58' 48"	105° 29' 17"					E-48-7-B-b
xóm 18	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 58' 01"	105° 29' 24"					E-48-7-B-b
xóm 19	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 57' 59"	105° 29' 28"					E-48-7-B-b
xóm 20	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 57' 58"	105° 29' 31"					E-48-7-B-b
xóm 21	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 57' 57"	105° 29' 38"					E-48-7-B-b
xóm 23	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 57' 55"	105° 29' 46"					E-48-7-B-b
xóm 25	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 57' 54"	105° 29' 49"					E-48-7-B-b
xóm 26	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 57' 51"	105° 30' 00"					E-48-8-A-a
xóm 27	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 57' 49"	105° 30' 11"					E-48-8-A-a
kênh Bắc Sông Chu Nam Sông Mã	TV	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân			19° 58' 54"	105° 29' 43"	19° 57' 35"	105° 35' 10"	E-48-7-B-b, E-48-8-A-a
sông Cầu Chày	TV	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-7-B-b
Sông Chu	TV	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-B-b, E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Xóm Cồn	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 58' 18"	105° 29' 28"					E-48-7-B-b
xóm Phủ Lịch	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 58' 58"	105° 30' 00"					E-48-7-B-b
xóm Trại Màu	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 59' 18"	105° 28' 37"					E-48-7-B-b
xóm Trại Nu	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 58' 41"	105° 30' 09"					E-48-7-B-b
thôn 1	DC	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân	19° 56' 11"	105° 30' 22"					E-48-8-A-a
thôn 2	DC	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân	19° 56' 07"	105° 30' 25"					E-48-8-A-a
thôn 3	DC	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân	19° 56' 04"	105° 30' 32"					E-48-8-A-a
thôn 4	DC	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân	19° 56' 01"	105° 30' 36"					E-48-8-A-a
thôn 5	DC	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân	19° 55' 56"	105° 30' 40"					E-48-8-A-a
thôn 6	DC	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân	19° 55' 48"	105° 30' 47"					E-48-8-A-a
thôn 7	DC	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân	19° 55' 42"	105° 30' 58"					E-48-8-A-a
thôn 8	DC	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân	19° 56' 01"	105° 30' 44"					E-48-8-A-a
thôn 9	DC	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân	19° 56' 08"	105° 30' 45"					E-48-8-A-a
đường tỉnh 506	KX	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-A-a
kênh C1B	TV	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân			19° 55' 02"	105° 29' 06"	19° 56' 28"	105° 29' 42"	E-48-7-B-b
Sông Chu	TV	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a
Cầu Trắng	KX	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân	19° 55' 38"	105° 31' 01"					E-48-8-A-a
kênh Bắc Sông Chu Nam Sông Mã	TV	xã Xuân Vinh	H. Thọ Xuân			19° 58' 54"	105° 29' 43"	19° 57' 35"	105° 35' 10"	E-48-8-A-a
thôn Cao Phú	DC	xã Xuân Vinh	H. Thọ Xuân	19° 57' 37"	105° 35' 02"					E-48-8-A-a
sông Cầu Chày	TV	xã Xuân Vinh	H. Thọ Xuân			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-A-a
Sông Chu	TV	xã Xuân Vinh	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a
thôn Cốc Thôn	DC	xã Xuân Vinh	H. Thọ Xuân	19° 57' 08"	105° 34' 50"					E-48-8-A-a
thôn Hợp Tiến	DC	xã Xuân Vinh	H. Thọ Xuân	19° 57' 12"	105° 35' 38"					E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Chợ Khu	KX	xã Xuân Vinh	H. Thọ Xuân	19° 56' 59"	105° 34' 46"					E-48-8-A-a
thôn Phú Hậu	DC	xã Xuân Vinh	H. Thọ Xuân	19° 56' 51"	105° 34' 59"					E-48-8-A-a
thôn Phú Hậu 1	DC	xã Xuân Vinh	H. Thọ Xuân	19° 56' 55"	105° 34' 59"					E-48-8-A-a
thôn Phú Hậu 2	DC	xã Xuân Vinh	H. Thọ Xuân	19° 56' 48"	105° 35' 00"					E-48-8-A-a
thôn Thành Vinh	DC	xã Xuân Vinh	H. Thọ Xuân	19° 57' 08"	105° 34' 41"					E-48-8-A-a
thôn Thọ Cần	DC	xã Xuân Vinh	H. Thọ Xuân	19° 56' 48"	105° 36' 04"					E-48-8-A-a
thôn 1	DC	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 56' 59"	105° 31' 05"					E-48-8-A-a
thôn 2	DC	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 56' 55"	105° 31' 01"					E-48-8-A-a
thôn 3	DC	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 56' 47"	105° 31' 08"					E-48-8-A-a
thôn 4	DC	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 56' 47"	105° 31' 12"					E-48-8-A-a
thôn 5	DC	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 56' 40"	105° 31' 12"					E-48-8-A-a
thôn 6	DC	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 56' 33"	105° 31' 23"					E-48-8-A-a
thôn 7	DC	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 56' 38"	105° 31' 28"					E-48-8-A-a
thôn 8	DC	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 56' 35"	105° 31' 35"					E-48-8-A-a
thôn 9	DC	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 56' 39"	105° 31' 46"					E-48-8-A-a
thôn 10	DC	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 18"	105° 31' 30"					E-48-8-A-a
thôn 11	DC	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 23"	105° 31' 37"					E-48-8-A-a
đường tỉnh 515D	KX	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân			19° 56' 20"	105° 32' 08"	20° 00' 38"	105° 34' 14"	E-48-8-A-a
kênh Bắc Sông Chu Nam Sông Mã	TV	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân			19° 58' 54"	105° 29' 43"	19° 57' 35"	105° 35' 10"	E-48-8-A-a
Sông Chu	TV	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a
cầu Hạnh Phúc	KX	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 56' 37"	105° 31' 59"					E-48-8-A-a
làng Thống Nhất	DC	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 18"	105° 31' 30"					E-48-8-A-a

(Xem tiếp Công báo số 429 + 430)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng